

Phần mở đầu:

1. Lý do chọn đề tài.

Ngày nay du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến không chỉ ở những nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển. Trong đó có Việt Nam. Du lịch là một ngành kinh tế có định hướng tài nguyên một cách rõ rệt. Sự phát triển của du lịch có mối liên hệ mật thiết với tài nguyên du lịch.

Hung yên là một tỉnh thuộc trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, có vị trí và hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt rất thuận lợi cho giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội. Đặc biệt Hưng Yên có vị trí liền kề với thủ đô Hà Nội là một trong những trung tâm du lịch lớn nhất nước.

Nằm bên bờ sông Hồng, được phù sa màu mỡ bồi đắp tạo ra cho Hưng Yên những cánh đồng lúa, nương ngô xanh biếc, những hồ sen thơm ngát và những đặc sản ngon nổi tiếng như: Cam, nhãn lồng... Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước của dân tộc đã tạo nên Hưng Yên thành một vùng đất thiêng, nơi phát tích của nhiều danh nhân anh hùng dân tộc như đại danh y Hải Thượng Lãn Ông, tướng quân Phạm Ngũ Lão, cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh... Đây cũng là miền đất cội nguồn, là kho tàng của văn hóa dân gian đặc sắc của miền đồng bằng châu thổ sông Hồng với những làn điệu chèo, hát ả đào, hát trống quân mượt mà đậm thắm cùng với những di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng như: Phố Hiến, Đền Mẫu, Đền Dạ Trạch gắn với truyền thuyết Chử Đồng Tử -Tiên Dung.. Với những nguồn tài nguyên tự nhiên, văn hóa lịch sử đặc sắc như vậy, Hưng Yên có đầy đủ điều kiện để phát triển du lịch tỉnh nhà thành một ngành kinh tế quan trọng trong sự nghiệp Công nghiệp hóa- Hiện đại hóa đất nước.

Hung yên cũng là vùng đất học và rất nhiều làng nghề truyền thống với những sản phẩm tinh xảo từng nổi tiếng từ xưa đến nay

Trong những năm qua du lịch Hưng Yên đã có khởi sắc, hoạt động kinh doanh du lịch từng bước được mở rộng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, các chỉ tiêu cơ bản về khách, doanh thu đều tăng, nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước, góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội.

Tuy nhiên thực trạng phát triển du lịch của Hưng Yên còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của mình. Sự phát triển còn mang tính tự phát, thiếu sự

đánh giá đúng đắn về tài nguyên du lịch để đề ra các chính sách, giải pháp phù hợp, khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch nói chung và tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng, nhiều vấn đề bất cập đặt ra đối với việc quản lý, sử dụng, khai thác các di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan môi trường cần được nghiên cứu, đầu tư để có thể phát triển một nền du lịch vững bền.

Việc khai thác các giá trị của các di tích lịch sử văn hóa cho phát triển du lịch của Hưng Yên lại chưa thực sự tương xứng với tiềm năng vốn có của nó. Du khách mới chỉ biết đến một số di tích, lễ hội điển hình của Hưng Yên, còn các di tích khác chỉ có ý nghĩa địa phương.

Xuất phát từ lí do đó, mà em đã chọn đề tài “ Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009- 2015”.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

Nghiên cứu tiềm năng, thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng và tài nguyên du lịch nói chung của tỉnh Hưng Yên, đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác tài nguyên nhân văn tỉnh Hưng Yên phục vụ cho hoạt động du lịch theo hướng hiệu quả bền vững.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Các nhiệm vụ chính là

- khảo sát, kiểm kê tài nguyên du lịch nhân văn trong phạm vi tỉnh Hưng Yên
- Tổng hợp, đưa ra được các số liệu có liên quan đến việc đánh giá, nhận xét về tiềm năng, hiện trạng và những con số dự báo
- Cần nêu rõ tiềm năng, thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ cho du lịch trên địa bàn tỉnh
- Đưa ra một số giải pháp và định hướng nhằm khai thác có hiệu quả hơn các tài nguyên nhân văn.

4. Phương pháp nghiên cứu:

- Khảo sát thực địa thu thập số liệu: Để có cái nhìn khách quan và tổng quát hơn về đề tài nghiên cứu , phương pháp này giúp ta có được những con số chính xác nhờ việc đi đến tận nơi các di tích, các điểm thăm quan để thu thập thông tin cũng như số liệu liên quan đến đề tài , có thể lấy thông tin qua việc phỏng vấn trực tiếp.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích thống kê: trên cơ sở các tài liệu đã sưu tầm được, ta tiến hành chọn lọc, phân tích tổng hợp lại thành các mục đích cụ thể phục vụ cho việc trình bày, báo cáo nội dung của đề tài.

- phương pháp bản đồ: Phản ánh không gian, vị trí của tỉnh, các di tích, các điểm du lịch... trên bản đồ. Qua bản đồ cho thấy cái nhìn tổng quát hơn về hiện trạng phân bố cũng như mức độ tập trung của các tài nguyên.

- Phương pháp sưu tầm tài liệu: Sách báo, internet, các sách chuyên đề về du lịch, một số sách viết về Hưng Yên, tìm kiếm ở các tạp sách viết về du lịch Việt Nam, ở sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch.

5. Kết cấu khóa luận:

Khóa luận này ngoài phần mở đầu và kết luận có 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn khai thác tài nguyên du lịch nhân văn Hưng Yên cho phát triển du lịch.

Chương 2: Tiềm năng và thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn Hưng Yên phục vụ cho phát triển du lịch.

Chương 3: Định hướng và một số giải pháp chủ yếu nhằm khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

CHƯƠNG I:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN HƯNG YÊN CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH.

1.1. Khái niệm du lịch.

Ngày nay trên phạm vi toàn thế giới, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa- xã hội và hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ, trở thành một ngành kinh tế quan trọng ở nhiều nước trên thế giới.

Thuật ngữ du lịch đã trở lên rất thông dụng. Nó bắt nguồn từ tiếng Pháp: “Tour” nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn “touriste” là người đi dạo chơi. Du lịch gắn liền với việc nghỉ ngơi, giải trí nhằm khôi phục, nâng cao sức khỏe và khả năng lao động của con người

Kể từ khi tổ chức du lịch IUOTO (Internationa of Union Travel Organization) được thành lập vào năm 1925 tại Hà Lan thì khái niệm du lịch luôn được tranh luận. Đầu tiên, du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc một nhóm người rời khỏi chỗ ở của mình trong một khoảng thời gian ngắn đến các vùng xung quanh để nghỉ ngơi, giải trí hay chữa bệnh. Ngày nay, người ta thống nhất rằng cơ bản, tất cả các hoạt động về di chuyển của con người ở trong hay ngoài nước trừ việc đi cư trú chính trị, tìm việc làm và xâm lược, đều mang ý nghĩa du lịch.

Lúc đầu, số người đi du lịch rất hạn chế, sau đó dần dần tăng lên. Với việc hoàn thiện các phương tiện và mạng lưới giao thông, những cuộc đi như vậy kéo dài hơn, xa hơn. Lúc này, du lịch mang tính nhận thức và trở thành một hiện tượng lặp lại thường xuyên, phổ biến. Trên bình diện quốc gia hay quốc tế, vấn đề cấp thiết đang đặt ra là phải tạo các điều kiện nhằm thỏa mãn tới mức cao nhất các nhu cầu của người đi du lịch. Du lịch không chỉ tạo nên sự vận động của hàng triệu, triệu người từ nơi này sang nơi khác, mà sinh ra nhiều hiện tượng kinh tế- xã hội gắn liền với nó.

Như vậy du lịch là một khái niệm bao gồm nội dung kép. Một mặt nó mang ý nghĩa thông thường của việc đi lại của con người với mục đích nghỉ ngơi, giải trí.. Mặt khác, du lịch được nhìn nhận dưới góc độ khác như là hoạt

động gắn chặt với những kết quả kinh tế (sản xuất, tiêu thụ) do chính nó tạo ra.

Thông qua việc phát triển du lịch quốc tế, sự hiểu biết và mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng được mở rộng. Năm 1979, Đại hội tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) đã thông qua hiến chương du lịch và chọn ngày 27/9 làm ngày du lịch thế giới với các chủ đề cho từng năm gắn du lịch với việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, vì nền hòa bình, hữu nghị trên toàn thế giới. Du lịch không còn là hiện tượng lẻ loi, đặc quyền của cá nhân hay nhóm người nào đó. Ngày nay, nó mang tính phổ biến và tính nhận thức với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho con người. Củng cố hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Ngoài ra còn rất nhiều khái niệm về du lịch, ở mỗi góc độ nghiên cứu đưa ra khái niệm khác nhau

**Định nghĩa du lịch theo quan niệm của MC.Intosh (Mỹ) gồm 4 thành phần:*

- Du khách
- Các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm hay dịch vụ cho du khách.
- Chính quyền địa phương tại điểm du lịch
- Dân cư địa phương

Từ các thành phần trên, du lịch được định nghĩa “tổng số các hiện tượng và mối quan hệ nảy sinh, sự tác động qua lại giữa du khách, các nhà cung ứng, chính quyền và cộng đồng địa phương trong quá trình thu hút và tiếp đón du khách”.

** Theo Luật Du lịch Việt Nam quy định: “ Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan, nghỉ ngơi, giải trí, nghỉ dưỡng trong khoảng thời gian nhất định”.*

1.2.Khái niệm tài nguyên du lịch.

Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành chuyên môn hóa các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp các yếu tố của tự nhiên và nhân tạo có thể được sử dụng cho phục vụ du lịch và thỏa mãn nhu cầu du khách.

Tài nguyên du lịch là một phạm trù lịch sử bởi vì những thay đổi cơ cấu và

lượng nhu cầu đã lôi cuốn vào hoạt động du lịch những thành phần mới mang tính chất tự nhiên cũng như tính chất văn hóa lịch sử. Nó là một phạm trù động bởi khái niệm tài nguyên du lịch thay đổi tùy thuộc vào sự tiến bộ khoa học kỹ thuật, sự cần thiết về kinh tế, tính hợp lý và mức độ nghiên cứu.

Khái niệm tài nguyên du lịch: Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

Hiện nay Luật du lịch Việt Nam 2005 tại điều 4 tài nguyên du lịch đã được xác định là cảnh quan tự nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch.

1.3. Đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch đối với việc phát triển du lịch.

1.3.1. Đặc điểm.

Theo chương 2 Điều 13 Luật du lịch Việt Nam năm 2005 thì tài nguyên du lịch gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đang được khai thác và chưa được khai thác.

Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm: Các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn gồm: Truyền thống văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

❖ Đặc điểm cơ bản của tài nguyên du lịch:

- + Tài nguyên du lịch vốn sẵn có trong tự nhiên hoặc trong đời sống xã hội.
- + Tài nguyên du lịch phần lớn được sử dụng tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch. Du khách muốn thưởng thức các sản phẩm du lịch phải đến tận nơi có các tài nguyên du lịch đó. Đây là một đặc tính phân biệt các tài nguyên du lịch với các dạng tài nguyên khác. Những tài nguyên tự nhiên như sông

núi, rừng biển, những tài nguyên văn hóa như các công trình kiến trúc, các di tích, danh lam đều có thể di dời. Ngay cả các di sản văn hóa phi vật thể thì cũng chỉ có một số loại hình có thể đưa đi phục vụ ở những nơi khác như ca múa nhạc dân tộc, trò chơi dân gian... Tuy nhiên, ngay cả những loại hình này cũng chỉ thực sự phát huy hết giá trị của chúng ngay ở trên quê hương sinh sản ra chúng. Gần đây có một số lễ hội trình diễn cho du khách ở nơi khác, tuy nhiên điều này đã ảnh hưởng đến các giá trị vốn có và ít hấp dẫn du khách.

+ Tài nguyên du lịch có những loại có khả năng khai thác quanh năm, có loại ít nhiều lệ thuộc vào thời vụ. Sự lệ thuộc là do đặc điểm tự nhiên, khí hậu, phong tục tập quán, nghi lễ tôn giáo đặc điểm các hoạt động xã hội tạo ra tính chất mùa vụ của hoạt động du lịch. Do vậy cần nghiên cứu các khía cạnh ưu thế của tài nguyên để hạn chế tính mùa vụ.

+ Tài nguyên du lịch không chỉ có giá trị hữu hình mà còn có giá trị vô hình. Bởi vì giá trị hữu hình tài nguyên du lịch là phương tiện vật chất trực tiếp tham gia vào việc hình thành lên các sản phẩm du lịch. Ví dụ, một số món ăn truyền thống là sản phẩm du lịch được hình thành trên cơ sở vật chất hữu hình. Giá trị vô hình được thể hiện ở chỗ du khách ngoài ăn ngon ra còn cảm nhận về tâm lý, thẩm mỹ khi thưởng thức các món ăn, làm cho con người thỏa mãn về mặt tinh thần. Chính vì vậy nhiều tài nguyên càng khai thác thì giá trị càng tăng bởi sự hiểu biết và nhận thức của con người về tài nguyên đó.

+ Tài nguyên du lịch phong phú đa dạng, các giá trị văn hóa, ngành nghề thủ công, các phong tục tập quán..., chúng có thể là hữu hình nhưng cũng có thể là vô hình. “Thậm chí có thể nói bất cứ một tồn tại khách quan nào trên thế giới đều có thể cấu thành tài nguyên du lịch, bất cứ không gian nào con người có thể vươn tới đều có thể có tài nguyên du lịch miễn là chúng có thể đáp ứng điều kiện phù hợp cũng như nhu cầu đa dạng của du khách”.

+ Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch; sản phẩm du lịch được tạo nên bởi nhiều yếu tố, song trước hết là tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch càng đặc sắc độc đáo thì giá trị của sản phẩm du lịch càng cao, càng hấp dẫn.

+ Tài nguyên du lịch đóng vai trò quan trọng trong tổ chức lãnh thổ du

lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch thể hiện mối quan hệ về không gian của các yếu tố cấu tạo nên nó, tài nguyên du lịch là yếu tố quyết định sự phân bố không gian, quy mô lãnh thổ của hệ thống du lịch.

+ Tài nguyên du lịch có tính hấp dẫn. Các học giả Trung Quốc coi đây là đặc điểm cơ bản nhất của tài nguyên du lịch, chính đặc điểm này đã phân biệt tài nguyên nói chung với tài nguyên du lịch. Nếu không có tính hấp dẫn thì chúng không thể được coi là tài nguyên du lịch và chúng không còn tồn tại nếu đánh mất tính hấp dẫn. Vì vậy quá trình khai thác cần quan tâm bảo vệ, nâng cấp tài nguyên đảm bảo tài nguyên giữ được tính hấp dẫn của nó.

1.3.2. Vai trò của tài nguyên du lịch.

Vai trò của tài nguyên du lịch đối với các hoạt động du lịch được thể hiện cụ thể trên các mặt sau:

* Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch.

Sản phẩm du lịch được tạo bởi nhiều yếu tố, song trước hết phải kể đến tài nguyên du lịch. Để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của khách du lịch, các sản phẩm du lịch không thể đơn điệu, nghèo nàn, kém hấp dẫn, dễ gây nhàm chán, mà cần phải phong phú, đa dạng, đặc sắc và mới mẻ.

Chính sự phong phú và đa dạng của tài nguyên du lịch đã tạo nên sự phong phú và đa dạng của sản phẩm du lịch. Tài nguyên du lịch càng đặc sắc, độc đáo thì giá trị của sản phẩm du lịch và độ hấp dẫn du khách càng tăng. Có thể nói, chất lượng của tài nguyên du lịch sẽ là yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch.

* Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch.

Trong quá trình phát triển du lịch, để không ngừng đáp ứng các yêu cầu và thỏa mãn các mục đích của khách du lịch, các loại hình du lịch mới cũng không ngừng xuất hiện và phát triển.

Các loại hình du lịch ra đời đều phải dựa trên cơ sở của tài nguyên du lịch. Và chính sự xuất hiện của các loại hình du lịch làm cho nhiều yếu tố của điều kiện tự nhiên và xã hội trở thành tài nguyên du lịch. Nếu không có các di tích lịch sử, di tích cách mạng, không có các lễ hội truyền thống... Thì không thể tạo nên loại hình văn hóa được.

* Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch trong phạm vi lãnh thổ cụ thể, mọi hoạt động du lịch đều

phản ánh của một tổ chức không gian du lịch nhất định.

Hệ thống lãnh thổ du lịch thể hiện mối quan hệ về mặt không gian của các yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau cấu tạo nên nó. Các yếu tố đó là khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đội ngũ cán bộ công nhân viên và tổ chức điều hành, quản lý du lịch.

Hệ thống lãnh thổ du lịch có nhiều cấp phân vị khác nhau từ điểm du lịch đến trung tâm du lịch, tiểu vùng du lịch, á vùng du lịch. Dù ở phân vị nào thì tài nguyên du lịch cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức lãnh thổ du lịch, là yếu tố cơ bản hình thành nên các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch, tạo điều kiện có thể khai thác một cách có hiệu quả nhất các tiềm năng của nó.

Do đặc điểm phân bố của tài nguyên du lịch, trong tổ chức lãnh thổ du lịch đã hình thành nên các điểm du lịch, các cụm du lịch, các trung tâm du lịch, và các tuyến du lịch. Từ các tuyến điểm này, trong quá trình khai thác sẽ được lựa chọn sắp xếp thành các tuor du lịch tức là sản phẩm du lịch cụ thể cung cấp cho khách du lịch. Tổ chức lãnh thổ du lịch hợp lý sẽ góp phần hiệu quả cao trong việc khai thác các tài nguyên du lịch nói riêng cũng như trong mọi hoạt động du lịch nói chung.

1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn.

1.4.1. Khái niệm

Theo Điều 13 Luật du lịch Việt Nam thì: Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

1.4.2. Đặc điểm

Tài nguyên du lịch nhân văn do con người sáng tạo ra nên có những đặc điểm rất khác biệt so với tài nguyên tự nhiên.

+ Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên, thường là để thỏa mãn các nhu cầu nghỉ dưỡng, thư giãn hay để hòa mình vào với tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị về nhận thức nhiều hơn giá trị giải trí. Tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách có nhu cầu nhận thức, nhu cầu hiểu biết về một nền văn hóa hay lịch sử nào đó.

+ Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo diễn ra trong một thời gian rất ngắn. Nó thường kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút. Do vậy trong khuôn khổ một chuyến du lịch khách có thể hiểu rõ nhiều đối tượng nhân tạo. Tài nguyên du lịch nhân văn thích hợp nhất đối với loại hình nhân thức lộ theo lộ trình.

+ Số người quan tâm đến tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hóa cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

+ Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn nên có thể tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn tài nguyên này.

+ Ưu thế to lớn của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa vụ, không bị phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên du lịch nhân văn ngoài giới hạn của các mùa chính do các tài nguyên gây ra và giảm nhẹ tính mùa nói chung của các dòng du lịch.

+ Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau. Nó gây ra nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn. Khác với tài nguyên tự nhiên có một số phương pháp đánh giá định lượng tài nguyên. Tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn chủ yếu dựa vào cơ sở định tính cảm xúc và trực cảm. Việc tìm tòi tài nguyên du lịch nhân văn chịu ảnh hưởng mạng của các nhân tố như: Độ tuổi, trình độ văn hóa, hứng thú, nghề nghiệp, thành phần dân tộc, thế giới quan, vốn tri thức.

Tài nguyên du lịch nhân văn tác động theo từng giai đoạn.

+ Thông tin:

Khách du lịch nhận được những thông tin chung nhất, thậm chí là mờ nhạt về đối tượng nhân tạo và thường thông qua thông tin miệng hay các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Tiếp xúc:

Khách du lịch có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt thường với đối tượng, tuy chỉ là lướt qua nhưng là quan sát bằng mắt thực.

+ Nhận thức:

Khách du lịch làm quen với đối tượng một cách cơ bản hơn, đi sâu vào nội dung của nó, tiếp xúc lâu hơn với đối tượng này với đối tượng khác gần với nó, thông thường thì việc làm quen với tài nguyên du lịch nhân văn dừng

lại ở hai giai đoạn đầu, còn giai đoạn nhận thức và đánh giá nhận xét dành cho khách du lịch có trình độ văn hóa nói chung và chuyên môn cao.

1.4.3. Các dạng tài nguyên nhân văn.

1.4.3.1. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.

- Di sản văn hóa thế giới.

Di sản văn hóa thế giới được coi là một trong những tài nguyên du lịch quan trọng. Đây là nguồn lực để mở rộng và phát triển du lịch. Việc một di sản quốc gia được tôn vinh, công nhận, là di sản thế giới mang lại nhiều ý nghĩa. Tầm vóc giá trị của di sản được nâng cao, đặt nó trong mối quan hệ có tính toàn cầu. Các giá trị văn hóa, thẩm mỹ cũng như các ý nghĩa kinh tế, chính trị, vượt ra khỏi phạm vi một nước. Khả năng thu hút khách du lịch và phát triển du lịch sẽ to lớn hơn nhiều.

- Các di tích lịch sử văn hóa.

Đây là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, những trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hóa có khả năng rất lớn, góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, văn học lịch sử. Đó chính là bộ mặt lịch sử của mỗi dân tộc, mỗi đất nước

Như vậy ta có thể định nghĩa di tích lịch sử văn hóa như sau:

Di tích lịch sử văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người lao động sáng tạo ra trong lịch sử để lại. Di tích lịch sử chứa đựng nhiều nội dung khác nhau. Mỗi di tích có nội dung, giá trị văn hóa, lượng thông tin riêng biệt khác nhau.

Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia được phân thành:

- + Di tích văn hóa khảo cổ
- + Di tích lịch sử
- + Di tích văn hóa nghệ thuật
- + Các loại danh lam thắng cảnh.

* Loại hình di tích văn hóa khảo cổ.

Là những địa điểm ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hóa thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự vào thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Đa số các di tích văn hóa khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất.

Di tích văn hóa khảo cổ được phân chia thành: Di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng. Di chỉ cư trú gồm có: Di chỉ hang động, di chỉ cư trú có thành lũy, di chỉ cư trú không có thành lũy và di chỉ đồng cỏ.

* Loại hình di tích lịch sử.

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm lịch sử riêng, được ghi dấu lại ở những di tích lịch sử.

Loại hình di tích lịch sử thường bao gồm:

- + Di tích ghi dấu về dân tộc học: Sự ăn, ở, sinh hoạt của các tộc người
- + Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương.
- + Di tích ghi dấu chiến công chống xâm lược
- + Di tích ghi dấu những kỉ niệm
- + Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động
- + Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

* Các loại hình di tích văn hóa nghệ thuật

Là các di tích gắn liền với các công trình kiến trúc có giá trị không chỉ về mặt kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hóa, xã hội, văn hóa tinh thần.

• Chùa.

Trong kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, chùa có vị trí quan trọng, chiếm số lượng lớn. Chùa là nơi thờ Phật. Hoàn cảnh ra đời và phát triển của chùa gắn liền với sự du nhập và phát triển đạo Phật ở nước ta và lịch sử phát triển của đất nước.

Chùa gắn liền với đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam. Được phát triển theo thời gian và phân hóa theo không gian, làng nào cũng có chùa. Chùa ở Việt Nam gồm có chùa Làng và chùa nước. Những ngôi chùa nước thường là những ngôi chùa có lịch sử hình thành và phát triển sớm, có vị trí về phong cảnh và phong thủy đẹp, có quy mô lớn, có giá trị về văn hóa lịch

sử, tôn giáo và thường là nơi tu hành của những vị cao tăng. Vì vậy những ngôi chùa nước là những điểm tham quan hấp dẫn du khách.

Các giá trị kiến trúc, lối kiến trúc của chùa thay đổi theo không gian và thời gian.

Ở miền Bắc. Thời kỳ đầu, chùa có kiến trúc dạng tháp như tháp Hòa Phong, chùa Nhất Trụ. Sau đó có kiến trúc chữ nhật, chữ đình. Kiểu kiến trúc nội công, ngoại quốc gồm: Tam quan, đại bái, Thiên hương, thượng điện

Kiểu kiến trúc chữ tam gồm ba nếp nhà hoặc kiểu chùa Hạ, chùa Trung, chùa Thượng.

Ngoài thờ phật do sự hòa đồng các tín ngưỡng, văn hóa bản địa nên chùa còn thờ Mẫu, người có công với nước, người có công xây dựng chùa....

• Đình

Đình là ngôi nhà chung của cộng đồng làng xã Việt Nam với ba chức năng: Hành chính, chức năng tôn giáo, chức năng văn hóa.

+ Bàn việc làng, xử, khao, phạt vạ, xây dựng phổ biến các hương ước

+ Thờ thành Hoàng làng – người có công với làng.

+ Nơi biểu diễn kịch, nghệ thuật, tiến hành lễ hội.

Đình có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống cộng đồng. Đình có từ lâu, lúc đầu như các quán, miếu qua đường, tới thế kỷ XVI đình phát triển nhiều. Thế kỷ VXII là sự phát triển đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc đình. Những đình nổi tiếng được xây dựng trong giai đoạn này là đình Lỗ Hạnh (1576), đình Tây Đằng thế kỷ XVI, đình Diềm (1632), đình Bảng (1736)...

Kiến trúc của đình thường có kiểu chữ nhật, chữ công, chữ đình. Kiến trúc của đình thể hiện giá trị nghệ thuật điêu khắc cao hơn hẳn so với các loại hình kiến trúc khác.

• Đền

Đền là những công trình kiến trúc nghệ thuật, thờ các vị nhân thần, nhiên thần những danh nhân, anh hùng dân tộc. Đền có lịch sử phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước và giữa nước. Vì vậy đây là một loại hình di tích lịch sử văn hóa có lịch sử phát triển lâu đời nhất ở nước ta. Thường được xây dựng ở những nơi diễn ra các sự kiện lịch sử, nơi sinh hoặc mất của các thần điện.

Đền có các mảng điêu khắc như các nhang án, đồ tế tự, tượng, hoành phi thường được sơn son thiếp vàng có giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật, các công

trình này gắn liền với các truyền thuyết, các lễ hội tôn vinh các thần điện hoặc các danh nhân, các anh hùng dân tộc VD: đền Hùng, đền Tả Viên, Cổ Loa, Phủ Giày....

- Nhà thờ

Kiến trúc nhà thờ gắn liền với đạo thiên chúa, được du nhập vào nước ta khoảng cuối thế kỷ XVI, các nhà thờ ngày nay phần lớn được xây dựng vào cuối thế kỷ XX, có kiến trúc Gootich.

Nhà thờ thường mang kiến trúc phương Tây, có sự ảnh hưởng của phong cách kiến trúc bản địa (chạm khắc trên gỗ, trên đá hình tứ linh, tứ quý, bát quái...)

Nhà thờ thường có kết cấu theo chiều sâu, mái vòm, có các tháp vươn cao để phù hợp với chức năng và quan hệ tôn giáo. Vật liệu xây dựng nhà thờ thường là xi măng cốt sắt. Quy mô kiến trúc nhà thờ thường to lớn, nguy nga và ít thanh thoát hơn so với kiến trúc truyền thống. Đồng thời kiến trúc nhà thờ cũng giảm đi sự kết hợp hài hòa với phong cảnh, ít sử dụng phong cảnh để trang trí cho kiến trúc.

Những nhà thờ lớn có sức hấp dẫn du khách như nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình), nhà thờ Đức Bà (thành phố Hồ Chí Minh), nhà thờ Lớn (Hà Nội)...

- * Các danh lam thắng cảnh.

Bên cạnh các di tích lịch sử-văn hóa, không nhiều thì ít, còn có những giá trị văn hóa do thiên nhiên ban cho, đó là các danh lam thắng cảnh.

ở Việt nam, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa là nơi có cảnh đẹp, có chùa nổi tiếng. Phần lớn các danh lam thắng cảnh đều có chùa thờ phật như Hương Tích (Hà Tây), động Tam Thanh -Liêm Sơn.

Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la, hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay khối óc của con người tạo dựng lên.

Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử-văn hóa và vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với hoạt động du lịch.

1.4.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

- ❖ Phong tục tập quán

Tập quán là những thói quen đã thành nếp trong đời sống xã hội, trong sản xuất và trong sinh hoạt thường ngày được mọi người công nhận và làm theo.

Khi điều kiện sống thay đổi thì tập quán được biến đổi cho phù hợp làm xuất hiện những tập quán mới.

Phong tục là những tập quán đã đi đến sự công nhận của xã hội đạt đến chuẩn mực của xã hội coi như là một phần của luật lệ. Phong tục đã ăn sâu vào tiềm thức của con người trong đời sống xã hội từ lâu đời. Nó ảnh hưởng sâu rộng trong một cộng đồng rộng lớn và được đa số mọi người thừa nhận và làm theo. Vì vậy người ta có thể coi phong tục là biểu hiện cụ thể của bản sắc văn hóa của một cộng đồng dân tộc

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc. Mỗi tộc người có điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán mang sắc thái riêng có sức hấp dẫn rất lớn đối với du khách.

Người Việt có rất nhiều tập quán nhưng tập trung lại thì có bốn tập quán chủ yếu là ăn, ở, mặc, uống. Các phong tục như phong tục hôn nhân, phong tục tang ma, phong tục lễ tết, nhóm phong tục theo tôn giáo tín ngưỡng như phong tục thờ cúng tổ tiên, thờ các nhân thần, nhiên thần. Đây được coi là tài nguyên du lịch vô giá của mỗi dân tộc.

❖ Lễ hội

• Quan niệm lễ hội.

Lễ hội có lịch sử rất lâu đời từ khi có nhu cầu và sinh hoạt của con người thì lễ hội được ra đời. Do đó cùng với sự phát triển của xã hội thì những lễ hội ngày càng được mở rộng hơn phù hợp với điều kiện sinh hoạt của con người. Các lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu giúp cho người tham dự có điều kiện tiếp xúc với bí ẩn của nguồn khởi mội sinh vật sống. Lễ hội dân tộc trở thành dịp cho người hành hương về với cội rễ bản thể của mình. Trong kho báu các di sản của quá khứ để lại cho hôm nay. Các lễ hội dân tộc có lẽ là một trong những thứ quý giá nhất. Và vì thế mà các lễ hội dân tộc lành mạnh không bị mất đi, mà ngày càng được nhân rộng, phát triển cả hình thức lẫn nội dung. Các lễ hội có sức hấp dẫn du khách không kém gì các di tích lịch sử văn hóa.

Vì vậy lễ hội được quan niệm là loại hình sinh hoạt tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc, hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, hoặc là giải quyết những nỗi

lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Lễ hội vừa có tính thần linh vừa có tính trần tục vừa ôn lại quá khứ để giáo dục hiện tại và bồi dưỡng tình cảm của con người đối với thiên nhiên, đối với cộng đồng.

Đối với dân cư lúa nước thì lễ hội là dịp họ bày tỏ tình cảm của con người với thiên nhiên, với các vị thần linh mà người ta cho rằng nhờ các yếu tố đó mà mùa màng bội thu.

- Nội dung của lễ hội.

Lễ hội gồm hai phần: phần lễ và phần hội

- * Phần lễ

Lễ hội dù lớn hay nhỏ đều có phần nghi lễ với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể mở đầu ngày hội theo không gian và thời gian.

Trong lễ thì các nghi thức đều toát lên những yếu tố mang tính chất linh thiêng huyền bí mà con người đặt ra.

Nghi lễ tạo thành nền móng vững chắc, tạo một yếu tố văn hóa thiêng liêng, một giá trị thẩm mỹ đối với toàn thể cộng đồng người đi hội trước khi chuyển sang phần xem hội.

- * Phần hội

Đây chính là một hoạt động có sự tham gia đông đảo của nhiều người tạo ra những niềm vui theo những phong tục hoặc những dịp có liên quan đến những kỉ niệm của cộng đồng

Hội chính là phần đời của con người có những hoạt động có màu sắc, có âm thanh, có không khí của lễ hội.

Phần hội diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hóa dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó với thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên. Trong hội, thường có các trò chơi, những đêm thi nghề, thi hát, tượng trưng cho sự nhớ ơn và ghi công của người xưa. Tất cả những gì tiêu biểu cho một vùng đất, một làng xã được mang ra phô diễn, mang lại niềm vui cho mọi người.

Lễ hội cổ truyền là nói tới phần đạo và phần đời của con người trong hoạt động xã hội. Ở đó các ghi lễ rất cụ thể và sinh động. Nó vừa mang tính chất đời thường đồng thời cũng được thần thánh hóa.

- Thời gian lễ hội

Lễ hội xuất hiện vào thời điểm linh thiêng của sự chuyển tiếp giữa hai mùa, đánh dấu sự kết thúc một chu kỳ lao động chuẩn bị sang một chu kỳ mới, lễ hội tập trung nhiều vào mùa xuân và mùa thu.

- Các loại lễ hội

Theo các nhà nghiên cứu văn học dân gian thì có nhiều cách phân chia khác nhau, căn cứ vào những thư tịch cổ và những phân loại của dân tộc học về ý nghĩa và nguồn gốc của các lễ hội người ta xếp ra 5 loại lễ hội cổ truyền sau:

- * Loại hình lễ hội nông nghiệp

Nội dung chủ yếu phản ánh công việc của nhà nông: Gieo hạt, thu hoạch, làm đất, cầu mùa, chăm bón.

- * Loại hình lễ hội giao duyên, phồn thực.

Nội dung chủ yếu thờ sinh thực khí như hội tắt đèn ở làng Thâm Vĩnh phú

- * Loại hình lễ hội văn nghệ giải trí

Hội xuân, hội quan họ, hội đối đáp.

- * Loại hình lễ hội thi tài.

Hội cướp cầu, hội thi chạy, thi phóng lao, đấu vật, đấu kiếm, nấu cơm, hội kéo co.

- * Loại hình lễ hội lịch sử.

Là lễ hội kỉ niệm về một nhân vật lịch sử có công với làng, nước như hội Gióng, hội Đống Đa, hội Bạch Đằng.

Ngoài ra lễ hội lịch sử còn diễm lại các di tích của các thần tự nhiên, như thần mây, mưa, sấm, chớp trong đó có những lễ hội cầu mưa, cầu cạn.

Lễ hội là nơi thể hiện những hoạt động văn hóa của một cộng đồng. Toàn bộ hoạt động trong lễ hội là sự thể hiện những giá trị nghệ thuật với những loại hình văn hóa dân gian phong phú

Lễ hội là cuộc đời thứ hai bên cạnh cuộc đời thật, là hình thức tổng hòa văn hóa nghệ thuật, là một hiện tượng văn hóa mang tính trội.

- ❖ Tín ngưỡng.

- Tín ngưỡng phồn thực

Thực chất của tín ngưỡng này là khát vọng cầu mong sự sinh sôi nảy nở của con người và tạo vật ở Việt Nam tín ngưỡng này tồn tại suốt chiều dài lịch sử với hai dạng tiêu biểu: thờ sinh thực khí và thờ hành vi giao phối.

Tín ngưỡng thờ sinh thực khí là hình thức thờ công cụ sinh nở, là hình thái đơn giản của tín ngưỡng phồn thực, phổ biến ở các nền văn hóa nông nghiệp, tín ngưỡng này thờ Linga – tượng trưng cho sinh thực khí nam và Yoni – tượng trưng cho sinh thực khí nữ.

- Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên.

Sùng bái tự nhiên là giai đoạn tất yếu trong quá trình phát triển của con người đặc biệt là tục thờ Mẫu: Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thủy, Mẫu Thiên thế kỷ XVI Mẫu Liễu Hạnh ra đời được nông dân tôn sùng. Mẫu Liễu Hạnh là sự gắn kết giữa thần thoại và sự thật.

Ngoài ra còn có tục thờ động vật thực vật. Đó là các con vật như chim, rắn, cá sấu, cóc, trâu... Về thực vật cây được tôn sùng nhất là cây lúa, có nhiều vùng thờ cây dâu, cây cau, cây đa.

- Tín ngưỡng sùng bái con người.

Có thể là sùng bái những người có công dựng nước và ông tổ nghề như thờ Lạc Long Quân và Âu Cơ, vua Hùng, thờ Hai Bà Trưng, Thánh Gióng, Trần Hưng Đạo...

Tín ngưỡng này còn thể rất rõ trong việc thờ cúng tổ tiên của người Việt. Với niềm tin rằng chết là về với tổ tiên chín suối. Tin rằng ở nơi chín suối nhưng ông bà tổ tiên vẫn thường xuyên về thăm nom, phù hộ cho con cháu. Người Việt còn thờ cả thổ công – người trông coi gia cư, định đoạt hạnh phúc cho một gia đình. Trong phạm vi thôn xã thì thờ thần Hoàng Làng – vị thần cai quản che chở, định đoạt họa phúc cho dân làng đó. Ở phạm vi đất nước thì thờ vua hùng, thờ tứ bất tử. Tục thờ tứ bất tử là một giá trị văn hóa tinh thần rất đẹp của dân tộc.

❖ Tôn giáo.

Nước ta là một quốc gia có nhiều hình thức tôn giáo khác nhau cùng tồn tại. Vì nước ta là trung tâm của khu vực Đông Nam Á nên dễ tạo ra sự giao lưu của nhiều luồng tư tưởng văn hóa tôn giáo. Nước ta lại nằm trong vùng giao thoa của hai nền văn hóa lớn trong khu vực là Trung Quốc và Ấn Độ. Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc cư trú ở nhiều vùng khác nhau. Do đó ở Việt Nam có những tôn giáo bản địa (Đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo) cùng tồn tại với tôn giáo ngoại lai như Kitô giáo, Hindu giáo, Hồi giáo, Phật giáo.

- Phật giáo

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ Ấn Độ và Trung Hoa ngay từ đầu công nguyên. Thành Luy Lâu đã sớm trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng của nước ta. Lúc đầu Phật giáo Việt Nam là Phật giáo Tiểu thừa. Thế kỷ tiếp (IX-V) có thêm luồng Phật giáo Đại thừa Bắc tông từ Trung Hoa tràn vào lần 2 và thay thế trường phái trước đó.

Do thâm nhập một cách hòa bình, ngay từ thời Bắc thuộc, Phật giáo đã phổ biến rộng khắp. Đến thời Lý Trần, Phật giáo Việt Nam phát triển tới mức cực thịnh. Rất nhiều chùa, tháp có quy mô to lớn, kiến trúc độc đáo được xây dựng trong thời gian này. Đặc biệt vào thời Lý Phật giáo trở thành quốc giáo.

- Nho giáo

Đầu công nguyên, khi bị các thế lực của phong kiến phương Bắc đô hộ, Nho giáo đã được truyền bá vào nước ta nhưng đây là thứ văn hóa do kẻ thù áp đặt nên không được nhân dân ta chấp nhận. Đến khi vua Lý Thánh Tông thì Nho giáo được xem là chính thức được tiếp nhận và đặc biệt phát triển ở thời Lê sơ và thời Nguyễn... Đó là một học thuyết đạo đức chính trị chủ trương người sống có trách nhiệm thương yêu con người, vì đời, cứu đời, không lo nghĩ đến những việc không thiết thực ở kiếp sau, ở thế giới bên kia.

- Ki tô giáo

Ki tô giáo được truyền vào Việt Nam bởi các nhà đạo giáo người Pháp, Bồ Đào Nha... Giữa lúc chế độ phong kiến ở Việt Nam đang khủng hoảng trầm trọng, phong kiến suy đồi. Nhưng Ki tô giáo đã không tận dụng được hoàn cảnh mà chỉ phát triển được một thời gian thì kìm hãm bởi hoạt động truyền giáo không được tiến hành một cách đơn thuần mà mang cả mục đích quân sự lại mang tính cứng rắn của truyền thống văn hóa phương Tây nên khó có thể dung hòa với văn hóa bản địa.

Tuy nhiên Ki tô giáo vào nước ta cũng không làm cho bộ mặt văn hóa, xã hội, kinh tế nước ta có những thay đổi lớn đặc biệt chữ Quốc ngữ ra đời.

- ❖ Các yếu tố truyền khẩu, các nghề gia truyền.

Âm nhạc Việt Nam có một truyền thống khá lâu đời. Việt Nam có nhiều loại hình văn học nghệ thuật có giá trị về nhiều mặt. Các làn điệu dân ca như Quan họ Bắc Ninh- là đặc sản dân ca của người Việt ở tỉnh Bắc Ninh. Nó bắt nguồn từ những lối hát đối đáp nam nữ có từ lâu đời. Lời hay ý đẹp ngôn ngữ

bình dân nhưng tinh tế, ý nhị, giàu hình tượng và cảm xúc, âm điệu phong phú trữ tình. Tất cả làm nên vẻ đẹp và sức hấp dẫn của dân ca quan họ Bắc Ninh.

Dân ca bài chòi được hình thành từ lối chơi bài trên các chòi trong hội xuân của người Việt cổ ở miền Trung.

Ngoài ra, còn có hát văn. Hát văn cùng với tục hầu bóng tiêu biểu cho loại ghẹo ở Phú Thọ, ca tài tử, cải lương (Nam Bộ)

Bên cạnh đó còn có truyền thuyết hệ thống thần thoại hay kho tàng ca dao tục ngữ vô cùng phong phú được lưu truyền trong dân gian từ xưa đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Đặc biệt ở nước ta còn có loại hình múa rối nước đã từng đạt được huy chương vàng trong cuộc thi múa rối quốc tế năm 2000

Các làng nghề thủ công cũng có sức hút đối với du khách ở nước ta có nhiều làng nghề nổi tiếng như: Nghề gốm (Bát Tràng), nghề dệt lụa (Hà Đông), nghề đúc đồng, nghề thêu, chạm gỗ, làm tranh, sơn mài.

❖ Nghệ thuật ẩm thực.

Người Việt rất khéo léo, tinh tế trong việc chế biến các món ăn từ các sản phẩm nông - lâm- thủy sản. Mỗi vùng quê Việt Nam có các đặc sản nông nghiệp riêng. Vì vậy Việt Nam là một quốc gia có nhiều món ăn đồ uống ngon như phở Hà Nội, cơm Hà Nội, bánh cuốn Thanh Trì, chả cá lá vọng, bánh gai Ninh Giang, bánh đậu xanh Hải Dương, bún bò Huế, cao lầu Hội An, hủ tiếu Nam Bộ....

Nghệ thuật ẩm thực của Việt Nam được thể hiện từ khâu chọn nguyên liệu, chế biến nguyên liệu, bày đặt món ăn, cách ăn, cách uống tạo sự hấp dẫn đối với du khách.

1.4.4. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn trong hoạt động du lịch .

Du lịch là một ngành công nghiệp không khói là một trong những ngành có đóng góp to lớn vào tổng thu nhập quốc dân và là ngành mũi nhọn của nhiều nước phát triển bằng con đường du lịch. Phát triển du lịch đem lại những lợi ích như đóng góp vào sự phát triển của đất nước, tăng nguồn thu ngoại tệ, giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Ngành du lịch cũng được coi là ngành thúc đẩy sự hiểu biết văn hóa và hòa bình. Nếu như tài nguyên tự nhiên thu

hút khách bởi sự hoang sơ, hùng vĩ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên nhân văn thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Các đối tượng văn hóa, tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú, nó đánh dấu sự khác biệt giữa nơi này và nơi khác, quốc gia này với quốc gia khác, dân tộc này với dân tộc khác và là yếu tố thúc đẩy động cơ đi du lịch của du khách, kích thích quá trình lữ hành. Ngày nay du lịch văn hóa là một xu hướng mang tính toàn cầu, trong đó văn hóa trở thành nội hàm, động lực để phát triển du lịch bền vững, giá trị văn hóa khiến sản phẩm du lịch mang đậm nét độc đáo nhân văn, được coi là nguồn tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động du lịch.

Trong những chuyến đi thăm quan tài nguyên du lịch nhân văn khách không chỉ được thăm quan mà còn có thể tìm hiểu và nghiên cứu khoa học.

Tài nguyên du lịch nhân văn đa số không có tính mùa vụ, không phụ thuộc vào tự nhiên và các điều kiện tự nhiên khác do vậy tài nguyên du lịch nhân văn góp phần giảm nhẹ tính mùa, tính thời vụ của các dòng du lịch. Hầu như đều có thể khai thác phục vụ du lịch quanh năm.

1.4.5. Môi quan hệ tương tác giữa tài nguyên du lịch nhân văn với phát triển du lịch.

1.4.5.1. Môi quan hệ giữa tài nguyên du lịch nhân văn với phát triển du lịch

+ Tài nguyên du lịch nhân văn được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn du khách. Nếu như tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự độc đáo, hoang sơ và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách bởi sự phong phú, đa dạng, độc đáo, và tính truyền thống, tính địa phương của nó.

+ Các tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú. Mặt khác, do nhận thức văn hóa còn là yếu tố thúc đẩy động cơ đi du lịch của du khách. Như vậy, tài nguyên du lịch nhân văn vừa là yếu tố cung, vừa góp phần hình thành yếu tố cầu của hệ thống du lịch.

+ Tài nguyên du lịch nhân văn còn là yếu tố có tác động không nhỏ đến tính thời vụ, tính nhịp điệu trong hoạt động du lịch. Ngoại trừ lễ hội là bị giới hạn bởi thời gian còn hầu như đều có thể khai thác phục vụ nhu cầu của khách tham quan quanh năm, nếu những người làm công tác du lịch biết cách khai

thác một cách hợp lý.

+ Đối với tài nguyên du lịch nhân văn, khách dễ tiếp nhận với tài nguyên và các nhà kinh doanh du lịch không mất nhiều tiền bạc để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng.

Với những yếu tố được coi là thuận lợi trên, việc phát triển du lịch dựa vào tài nguyên du lịch nhân văn là rất có triển vọng mang lại hiệu quả .

1.4.5.2. Mối quan hệ tương tác giữa du lịch và tài nguyên du lịch nhân văn.

Hoạt động du lịch tác động tới tài nguyên du lịch nhân văn ở cả hai mặt tiêu cực và tích cực.

* Tác động tích cực:

+ Thông qua các hoạt động du lịch mà tài nguyên du lịch nhân văn được quảng cáo giới thiệu cho du khách hiểu được giá trị lịch sử, bản sắc văn hóa riêng của dân tộc ta. Khi du lịch được phát triển tại nơi có tài nguyên du lịch thì nguồn thu từ hoạt động du lịch này không những góp phần đem lại thu nhập cho người dân địa phương, giải quyết công ăn việc làm mà còn tác động quan trọng là một phần từ thu nhập đó quay lại tái tạo, tu bổ di tích, khôi phục lại những làng nghề...góp phần bảo tồn tài nguyên.

+ Thông qua du lịch giáo dục truyền thống nâng cao nhận thức khơi dậy lòng tự hào dân tộc, là cơ hội cho thế hệ trẻ hiểu sâu hơn về lịch sử của dân tộc

* Tác động tiêu cực:

+ Khi du lịch phát triển, bên cạnh những thuận lợi lại nảy sinh rất nhiều tiêu cực, nhiều di tích lịch sử bị xâm hại nghiêm trọng làm mất đi cảnh quan tự nhiên, để xây dựng cơ sở dịch vụ du lịch. Hoạt động du lịch ô ạt có nguy cơ làm cho các di tích bị xuống cấp, góp phần làm tăng mức độ ô nhiễm môi trường.

+ Để thỏa mãn nhu cầu của du khách, vì lợi ích kinh tế trước mắt, nhiều nhà cung ứng dịch vụ đã thuyết phục người dân địa phương thường xuyên trình diễn các phong tục, lễ hội cho du khách xem nên các hoạt động văn hóa truyền thống được trình diễn một cách thiếu tự nhiên hoặc mang lại trò chơi cho du khách.

+ Do chạy theo số lượng, không ít những mặt hàng truyền thống được chế tác lại để làm quà lưu niệm cho du khách, sản xuất cầu thả làm méo mó

giá trị chân thực của truyền thống, làm sai lệch hình ảnh của một nền văn hóa bản địa

+ Sự hiểu biết hạn chế của hướng dẫn viên cũng có thể bóp méo đi tính chân thực của di tích, lễ hội, phong tục... Và sẽ làm cho giá trị truyền thống bị lu mờ, giảm tính hấp dẫn của tài nguyên.

Như vậy tài nguyên du lịch nhân văn và hoạt động du lịch có mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau. Muốn du lịch phát triển được phải có tài nguyên và du lịch phát triển góp phần vào việc bảo tồn phát triển tài nguyên tài nguyên phát triển tài nguyên, tu bổ, giữ gìn những giá trị đích thực của tài nguyên.

1.4.6. Bài học kinh nghiệm của một số địa phương về việc bảo tồn và khai thác tài nguyên nhân văn vào mục đích du lịch.

* Tại tỉnh Bắc Ninh

Nói tới Bắc Ninh là nói tới miền quê của những di sản văn hóa tiêu biểu của nền văn hiến và truyền thống cách mạng Việt Nam. Tới bất cứ đâu trên mảnh đất này cũng đầy ắp những lịch sử và sống động truyền thống văn hóa, đậm đà bản sắc Kinh Bắc.

Theo thống kê năm 2006 Bắc Ninh có 333 điểm di tích lịch sử -văn hóa đã được xếp hạng trong đó có 183 di tích được công nhận là di tích quốc gia và 150 di tích xếp hạng địa phương, Bắc Ninh là tỉnh có mật độ di tích chỉ đứng sau Hà Nội.

Từ việc xác định đây là vùng du lịch tâm linh quan trọng, tỉnh bắc Ninh đã có những việc làm thiết thực nhằm bảo tồn các tài nguyên nhân văn phục vụ cho du lịch nói riêng và phục vụ cho nhân dân nói chung.

- Ngày 28/3/2001 Bộ Văn hóa Thông tin đã ký quyết định số 99/ QĐ-BVTT phê duyệt chủ chương tu bổ tôn tạo di tích chùa Đậu. Ngày 07/10/2002 UBND tỉnh Bắc Ninh đã kí quyết định số 106/ QĐ-CT phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình này với tổng kinh phí là 10 tỷ đồng.

- Năm 2004 Nhà nước và nhân dân đã đầu tư hơn 2 tỷ đồng tôn tạo chùa Bút Tháp, trùng tu tam quan, gác chuông, tiền đường , tam bảo, cửa phẩm liên hoa, hậu đường, tháp Tôn Đức, tả vu, hữu vu. Tất cả đều bằng gỗ lim

- Năm 2004 Bộ Văn hóa Thông tin tỉnh Bắc Ninh và huyện Thuận Thành đã dành một khoảng chi phí hơn hai tỷ đồng xây dựng lại chùa Tổ và hơn 1 tỷ đồng sửa chữa xây dựng lăng đền thờ Lạc Long Quân- Âu Cơ.

- Để tránh hiện tượng người dân xâm phạm đến có di tích, tỉnh Bắc Ninh đã cho xây dựng tường bao quanh các di tích, cử người trông coi. Trong các di tích có treo các tấm bảng chỉ dẫn, nghiêm cấm như: Không sờ vào hiện vật, cấm bẻ cành lá.... Nhằm hạn chế sự tác động không tốt của du khách đến các điểm du lịch

- Để nâng cao nhận thức của người dân, thì công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân tích cực tham gia gìn giữ bảo vệ các di tích, cũng được chính quyền và các cơ quan tỉnh Bắc Ninh thực hiện một cách tích cực. Thông qua loa, đài, để tuyên truyền phổ biến cho mọi người biết giá trị về mặt lịch sử và giá trị tinh thần của các di tích.

Ngoài việc bảo tồn các đình, chùa... thì các làng nghề, các lễ hội cũng được bảo lưu, gìn giữ đặc biệt là làng nghề làm tranh Đông Hồ và dân ca Quan họ, tỉnh đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm khôi phục và duy trì phát triển phục vụ cho du lịch.

Kết quả đạt được:

+ Nghề làm tranh Đông Hồ đã phục hồi và phát triển thu hút được nhiều du khách cả trong và ngoài nước, đã quy hoạch làng tranh Đông Hồ để phục vụ du lịch.

+ Đời sống của nhân dân được nâng cao, góp phần giải quyết việc làm

+ Tranh Đông Hồ đã có mặt ở nhiều nước trên thế giới như: Nhật,

Bồ Đào Nha... và ngày được mở rộng hơn.

+ Các lễ hội hàng năm vẫn được chính quyền các ban ngành của tỉnh quan tâm, tổ chức chú trọng đưa các hoạt động như hát quan họ, các trò chơi dân gian .. vào trong lễ hội nhằm tạo ra sức hấp dẫn đối với du khách. Và đã thu hút được hàng ngàn du khách đi trải hội.

+ Thông qua công tác sưu tầm, nghiên cứu và khôi phục và bảo tồn phát huy sinh hoạt văn hóa dân ca Quan họ cho đến nay đã thành lập được nhiều đội văn nghệ, câu lạc bộ dân ca Quan họ. Tổ chức các cuộc thi hát cho cả trẻ em và người lớn, và nó đã trở thành một loại hình văn nghệ phổ biến ở Bắc Ninh. Dân ca Quan họ Bắc Ninh đã được Bộ Văn hóa-Thông tin lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại.

Kết quả chung:

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

+ Hầu hết các tài nguyên nhân văn của tỉnh Bắc Ninh đã được đưa vào khai thác phục vụ du lịch, với việc tôn tạo bảo vệ các di tích trong những năm qua làm cho sức hấp dẫn của du lịch Bắc Ninh ngày càng tăng và việc khai thác tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng và tài nguyên du lịch Bắc Ninh nói chung đã đạt được những kết quả tốt

+ Năm 2006 tỉnh đã đón được 73.615 lượt khách trong đó 69.115 khách nội địa, 4.500 khách quốc tế.

+ Năm 2007: doanh thu từ du lịch đạt 55.087 tỷ đồng

+ Đời sống nhân dân được nâng cao

+ Số lượng khách đến với Bắc Ninh ngày càng tăng

+ Công tác tôn tạo tốt giúp ngành du lịch phát triển và du lịch phát triển quay lại phục vụ cho việc tôn tạo đây là hướng phát triển du lịch của Bắc Ninh – phát triển bền vững.

Qua ví dụ về Tỉnh Bắc Ninh ta thấy một bài học lớn rút ra ở đây đó là việc khai thác phải đi đôi với bảo tồn, chỉ có khai thác mà không bảo tồn gìn giữ thì sẽ làm giảm đi sức hấp dẫn của các điểm du lịch, và làm bào mòn các giá trị văn hóa. Nếu bảo tồn tốt thì việc khai thác sẽ đạt hiệu quả cao đem lại nguồn thu lớn cho tỉnh nói chung và cho đất nước nói riêng. Vì vậy bảo tồn tôn tạo là một việc làm quan trọng không chỉ đối với Bắc Ninh mà còn quan trọng đối với cả Hưng Yên và các tỉnh khác.

TIỂU KẾT CHƯƠNG I

Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch tự nhiên. Du lịch và tài nguyên du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tài nguyên du lịch tự nhiên thường để thỏa mãn các nhu cầu nghỉ dưỡng, thư giãn hòa mình vào thiên nhiên, tài nguyên nhân văn có giá trị nhận thức nhiều hơn, nó bồi dưỡng tâm hồn, tự giáo dục nhân cách. Làm phong phú thể giới tinh thần, tình cảm, thẩm mỹ của con người, giữa du lịch và văn hóa có mối liên hệ bền vững, tương tác lẫn nhau. Khai thác thế mạnh của tài nguyên du lịch nhân văn để phát triển du lịch và du lịch phát triển quay lại củng cố phát triển thêm văn hóa.

Giá trị văn hóa khiến sản phẩm du lịch mang đậm nét độc đáo, nhân văn, được coi là nguồn tài nguyên đặc biệt hấp dẫn. Các đối tượng văn hóa tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú và là yếu tố thúc đẩy động cơ đi du lịch của du khách.

Như vậy tài nguyên du lịch nhân văn là nguồn tài nguyên có khả năng thu hút khách du lịch lớn, là xu hướng chung của nhiều quốc gia trên thế giới.

CHƯƠNG II

TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NHÂN VĂN HƯNG YÊN PHỤC VỤ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

2.1. Khái quát chung về tỉnh Hưng Yên

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội.

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên:

– Vị trí địa lý.

Hưng Yên ở vị trí trung tâm của đồng bằng châu thổ sông Hồng với diện tích tự nhiên là 929,09 km², và dân số trung bình 1.143.138 người, chiếm 0.28% diện tích tự nhiên và 1.36% dân số cả nước (2006). Hưng Yên giáp các tỉnh có hệ thống các tuyến giao thông quan trọng gồm: Quốc Lộ 5, đường 39A, đường 38 và đường sắt Hà Nội-Hải Phòng, nối Hưng Yên với các tỉnh phía Bắc đặc biệt là với Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh. Có hệ thống sông luộc, sông Hồng tạo thành mạng lưới giao thông thủy khá thuận lợi cho giao lưu hàng hóa và đi lại. Vị trí này tạo ra cơ hội và động lực quan trọng để phát triển, có thị trường tiêu thụ lớn, có môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài.

Hưng Yên nằm ở phái Đông Nam của thủ đô Hà Nội thuộc đồng bằng Bắc Bộ có tọa độ địa lý từ 105⁰53 đến 106⁰15 kinh độ đông, từ 20⁰36' đến 21⁰00 vĩ độ Bắc.

Phía Tây Bắc tỉnh giáp Hà Nội, địa giới dài 20km.

Phía Bắc tỉnh giáp với Bắc Ninh, địa giới dài 16km.

Phía Đông giáp với Hải Dương, địa giới dài 93km, có sông Đào và sông Cửu An phân giới hạn.

Phía Tây giáp thủ đô Hà Nội, tỉnh Hà Nam, địa giới dài 67km có sông Hồng phân giới hạn.

Phía Nam giáp Thái Bình, đường giới dài 26km có sông Luộc phân giới hạn.

Hưng Yên là tỉnh thuộc vùng đất phù sa cổ của đồng bằng Bắc Bộ, được kiến tạo hình thành từ hàng ngàn năm trước. Từ thời Hùng Vương dựng nước, cư dân nơi đây đã biết trồng lúa nước, đánh cá, chăn tằm, dệt vải,...Biết dùng cây thuốc nam để chữa bệnh. Vùng đất này đã hình thành và phát triển

trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước và dân tộc, đã tích tụ cả một bề dày truyền thống lịch sử và văn hóa. Tự nhiên, lịch sử trên mảnh đất này đã tạo nên những cảnh quan sinh thái, những di tích lịch sử có giá trị đối với hoạt động du lịch, mà tiêu biểu nhất là di tích Phố Hiến, di tích Đa Hòa-Dạ Trạch với sự tích Chử Đồng Tử –Tiên Dung và hàng trăm đền chùa nổi tiếng như: Đền Dạ Trạch, đền Chử Đồng Tử, đền Phù Ủng, đền Lý Thường Kiệt, chùa Hiến...Cùng với nhiều danh nhân nổi tiếng như: Đoàn Thị Điểm, Lê Hữu Trác, cố tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh...

Với vị trí địa lý thuận lợi. Hưng Yên có điều kiện để phát triển một nền kinh tế tổng hợp nhiều thành phần, trong đó du lịch là một ngành có triển vọng, hứa hẹn giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh.

– Địa hình.

Địa hình có ảnh hưởng sâu sắc đến cấu trúc cảnh quan, đến sự hình thành tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như việc khai thác nguồn tài nguyên đó.

Nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, Hưng Yên có địa hình tương đối bằng phẳng, không đồi, không núi, không biển, đơn giản hơn so với nhiều tỉnh ở miền Bắc. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam là 14cm/km. Độ cao đất không đồng đều mà hình thành các dải, các khu, vùng xen kẽ như làn sóng, 70% diện tích có độ cao trung bình từ +2,0 đến +4,5, cao độ thấp nhất từ +1,2 đến +1,8m (khoảng 10% S), cao độ từ +5 đến +7 (khoảng 20%).

Là tỉnh có địa hình đặc trưng của khu vực Đồng Bằng, được bồi tích phù sa dầy, Hưng Yên nằm gọn trong một ô trũng, được cấu tạo bằng các trầm tích thuộc Kỷ Đệ Tứ với chiều dày 150m-160m.

Nhìn chung địa hình tỉnh đơn giản, thoáng đãng trong lành của cảnh quan đồng quê và cảnh quan tự nhiên, đặc biệt là cảnh quan bãi bồi sông Hồng mênh mông, phong cảnh độc đáo, trên đó có thể diễn ra các hoạt động du lịch. Không những thế, địa hình bằng phẳng là điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, thăm thú của du khách. Tuy nhiên do địa hình thấp nên dễ bị úng ngập nhất vào mùa mưa như vùng bãi ven sông Hồng, vùng Quang Hưng (Huyện Phù Cừ 1.8m). Vì vậy trong quy hoạch xây dựng mặt bằng đất đai cần phải tính toán, khắc phục sự cố úng ngập.

– Khí hậu.

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra môi trường du lịch, các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm có ảnh hưởng đến sức khỏe du khách, ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch, tạo yếu tố mùa trong hoạt động du lịch.

Cũng như nhiều tỉnh của đồng bằng sông Hồng, Hưng Yên chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, nhiều nắng và có mùa đông lạnh.

Hưng Yên quanh năm có mặt trời, thời gian chiếu sáng dồi dào. Số giờ nắng bình quân 1650 giờ/năm, nhiệt độ trung bình 23⁰c, Lượng mưa trung bình hàng năm 1500-1600mm. Lượng mưa hàng năm tập trung tới 80%-85% vào mùa mưa (trong khoảng từ tháng 5-10). Mùa khô lạnh (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) có mưa phùn.

Khí hậu Hưng Yên khá ẩm ướt, độ ẩm trung bình năm là 80%, tháng có độ ẩm nhỏ nhất cũng là 82%.

Về gió: có hai mùa rõ rệt, thay đổi theo mùa, mùa đông có mùa đông Bắc (từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau), mùa hè có gió Đông Nam, ngoài ra còn có Tây và Tây Nam

Nhìn chung so với đặc điểm của nhiều vùng trên đất nước, khí hậu Hưng Yên tương đối thuận lợi cho mọi hoạt động sản xuất cũng như hoạt động du lịch, tham quan nghỉ dưỡng. Tuy nhiên những ngày gió mùa đông bắc với thời tiết lạnh, mưa phùn hay như khả năng giông bão, có thể gây trở ngại đáng kể cho hoạt động du lịch. Vì vậy hoạt động du lịch cần có biện pháp phòng ngừa.

- Tài nguyên sinh vật:

Sự đa dạng sinh học của Hưng Yên khá nghèo nàn. Thực vật bắt đầu có thống kê được 731 loài trong đó có gần 300 loài có giá trị kinh tế. Tuy đa dạng loài nghèo nhưng những loài có giá trị kinh tế cao lại được nuôi với số lượng lớn để cung ứng cho nhu cầu trong tỉnh và các địa phương khác.

• Đa dạng hệ thực vật

Bước đầu đã thống kê được tỉnh Hưng Yên có 731 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 149 họ, trong đó có:

+ 435 loài cây thuốc

+ 41 loài cây lấy gỗ

- + 19 loài cây sợi
- + 149 loài cây cảnh
- Đa dạng hệ động thực vật
- + Thú: Chủ yếu là các loài được nuôi : Trâu, bò, lợn, dê, thỏ
- + Chim: Với các loài thường gặp: cò, sẻ, chim sâu, và một số loài chim cảnh được con người nuôi: Sáo, cu gáy, vẹt....cùng các loại gia cầm khác.
- + Bò sát: Một số loài rắn
- + Lưỡng cư: thường gặp một số loài ếch, nhái, cóc.
- + Cá: Những loại cá tự nhiên và cá được nuôi có giá trị kinh tế cao, dễ thích nghi với điều kiện sống ở nhiều vùng khác nhau.

- Các hệ sinh thái:

- + Hệ sinh thái trên cạn:

Thảm thực vật phân tán(thảm cây trồng): Gồm 2 hệ sinh thái chính:

Hệ sinh thái cây trồng cận hàng năm: Liên quan chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp với các cây trồng chính: Lúa, ngô, khoai, sắn, đậu, rau, và các loài cây thuốc. Hệ sinh thái này đang có xu hướng ngày một biến đổi theo chiều hướng xấu mạng hơn vì mức độ sử dụng phân bón hóa học.

Hệ sinh thái cây trồng cận lâu năm: chủ yếu liên quan đến các loài cây ăn quả: Nhãn, vải, cam, quýt, xoài. Trong đó nổi tiếng toàn quốc với thương hiệu "Nhãn lồng Hưng Yên". Ngoài ra còn có các loài cây lấy gỗ, cây bóng mát: Xà cừ, sấu, cây hoa sữa, bằng lăng, keo tai tượng, hoa ban... Hệ sinh thái mang đậm tính nhân tạo, có tính đa dạng sinh học thấp và kém bền vững.

- + Hệ sinh thái dưới nước:

- * Thực vật thủy sinh thường gặp: Các loài rau, ngô, khoai nước, sen, súng, bèo...

- * Thực vật nổi: Thành phần thực vật nổi ở khu vực này rất phong phú và đa dạng, nằm trong các ngành như : Tảo silic, tảo Lục, tảo lam, tảo Giáp, tảo Mặt.

- * Động vật nổi: Thành phần động vật nổi bao gồm các nhóm giáp xác rau, giáp xác chân bèo, trùng bánh xe, nhóm ấu trùng phù du

- * Động vật đáy: Thường gặp các loài thân mềm như vỏ, chân bụng, giáp xác mười chân như trai, hến, tôm, tép

- * Cá: Chủ yếu là các loài cá nuôi như: Trắm cỏ, cá trôi, cá mè hoa. mè

trắng, chép, rô phi vằn, rô phi đốm, cá chim trắng...

Có thể nhận thấy trong tương lai, với đà phát triển kinh tế đất nước nói chung và kinh tế của tỉnh nói riêng, nhận thức về hưởng thụ cuộc sống thay đổi xu hướng người dân sẽ chú ý hơn đến sức khỏe, với thức ăn sạch, chữa bệnh bằng cây dược liệu. Nếu tổ chức tốt, khai thác tốt thì cây dược liệu, nhãn lồng, cam, sen chẳng những đem lại nguồn lợi kinh tế mà còn làm đa dạng, phong phú hơn các sản phẩm du lịch, tạo cho ngành du lịch Hưng Yên những sản phẩm độc đáo, hấp dẫn, thu hút khách du lịch bốn phương

– Nguồn nước.

Lãnh thổ Hưng Yên nằm trong hệ thống sông Hồng và sông Luộc, là hệ thống sông lớn nhất miền Bắc. Do vậy Hưng Yên có nguồn nước ngọt dồi dào, trong đó sông Hồng có lưu lượng dòng chảy lớn ($6400\text{m}^3/\text{s}$), chiếm gần 15% tổng lượng nước cả nước. Sông Luộc vốn là phân lưu của sông Hồng, sông Cửu An, sông Kẻ Sặt sông Hoan Ái, sông Nghĩa Trụ, sông Điện Biên, tất cả tạo ra sự phong phú.

Theo kết quả của các cuộc điều tra cho thấy nguồn nước ngầm của Hưng Yên rất dồi dào, thuận lợi cho tưới tiêu nông nghiệp, tuy nhiên có hạn chế là nguồn nước tại chỗ ít hơn nhiều so với nước chảy qua. Do khó không chế được lượng nước chảy qua nên về mùa cạn việc khai thác sử dụng nước gặp khó khăn. Nước mặt của sông Hồng chứa nhiều bùn, cát không thuận lợi cho sinh hoạt và công nghiệp

Mạng lưới sông suối trong tỉnh chia làm hai khu vực rõ rệt:

+ Khu vực sông ngòi ngoài đê bao gồm dòng chính là sông Hồng và sông Luộc

+ khu vực sông ngòi nội đồng nằm trong đê.

2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Hưng Yên là một tỉnh nghèo, sản xuất nông nghiệp là chính, không có lâm nghiệp, 90% dân cư sống ở nông thôn.

Là một tỉnh có lợi thế phát triển nông nghiệp, lại có vị trí gần các trung tâm công nghiệp, đặc biệt là Hà Nội, gần các khu công nghiệp phát triển trên đường 5, Hưng Yên có cơ hội chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh nông nghiệp hàng hóa phục vụ nhu cầu thực phẩm tươi sống và chế biến của thành phố và các khu công nghiệp.

Kể từ sau khi tái lập tỉnh, tình hình kinh tế Hưng Yên đã có mức tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng bình quân là 10% năm. Cơ cấu kinh tế đang chuyển theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp

Năm 1996 nông nghiệp chiếm 60% GDP, công nghiệp xây dựng chiếm 15%, dịch vụ 25% thì đến năm 2000 nông nghiệp giảm xuống còn 41,5%, công nghiệp xây dựng tăng lên chiếm 27,8%, dịch vụ 30,7%.

Thu nhập bình quân đầu người năm 1996 là 180USD tăng lên 300USD năm 2000. Tỷ lệ đói năm 2000 giảm xuống còn 7,7%. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật xã hội không ngừng được củng cố và phát triển. Đặc biệt quốc lộ 39A được nhà nước cho nâng cấp từ Phố Nối về thị xã Hưng Yên và việc xây dựng cầu Yên Lệnh từ thị xã Hưng Yên bắc qua sông Hồng đã tạo thuận lợi để Hưng Yên mở mang giao lưu, thông thương với quốc lộ 1A và quốc lộ 5 theo đường 38

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kinh tế xã hội không ngừng được củng cố và phát triển, đời sống xã hội được nâng cao là cơ hội để đông đảo nhân dân tham gia du lịch, trực tiếp đầu tư phát triển du lịch.

Cùng với sự phát triển chung của đất nước, Hưng Yên dần khẳng định được vị trí của mình. Hiện nay kinh tế của tỉnh đạt mức tăng trưởng khá và ổn định, đời sống của nhân dân được nâng lên, Hưng Yên giờ đã lên thành phố đó cũng là một thuận lợi để thu hút đầu tư cũng như thu hút khách đến với Hưng Yên nhiều hơn.

2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên

2.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

2.2.1.1. Di tích lịch sử văn hóa.

Theo đánh giá, Hưng Yên là tỉnh có tài nguyên du lịch kém phong phú so với các tỉnh lân cận, nhưng tập trung nhiều di tích nổi tiếng, đứng hàng thứ tư cả nước, sau Hà Nội, Hà Tây (Hà Tây cũ), Bắc Ninh.

Bảng 1: Tổng số di tích trên địa bàn Hưng Yên năm 2005.

STT	Loại	Tổng	XHQG	Xếp hạng địa phương	Tỉ lệ các loại di tích (%)
1	Các di tích lịch sử và văn hóa	810	132	758	
2	Chùa	280	75	205	34,5%
3	Đình	250	49	210	30,8%
4	Đền	240	16	224	29,6%
5	Nhà thờ	6	1	4	0,7%
6	Các di tích khảo cổ	22	0	22	2,7%
7	Văn miếu	1	1		0,1%
8	Nhà lưu niệm	5	2	3	0,6%
9	Nhà thờ họ	4	0	4	0,5%
10	Nghĩa địa người nước ngoài	2	0	2	0,2%

Nguồn: *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hưng Yên.*

Theo thống kê toàn tỉnh có 810 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 132 di tích được xếp hạng quốc gia cùng hàng ngàn tài liệu và hiện vật cổ.

Trong các di tích lịch sử văn hóa thì chùa có số lượng lớn nhất có: 280 di tích chiếm 34,5%, tiếp đến là đình: 250 di tích chiếm 30,8%, đền: 240 di tích chiếm 29,6%, nhà thờ: 5 di tích chiếm 0,6%, các di tích khảo cổ: 22 di tích chiếm 2,7%, văn miếu: 1 di tích chiếm 0,1%, nhà lưu niệm: 5 di tích chiếm 0,6%, nhà thờ họ: 4 di tích chiếm 0,5%, nghĩa địa người nước ngoài: 2 di tích chiếm 0,2%. Như vậy thông qua bảng ta thấy Hưng Yên là một tỉnh có nhiều di tích lịch sử văn hóa, có tới 132 di tích xếp hạng quốc gia, còn loại có ý nghĩa cấp xã, huyện, số di tích cấp xã, huyện. Nếu được quan tâm đầu tư thì số lượng các di tích xếp hạng quốc gia, sẽ còn tăng lên VD: Chùa Đa Lộc ở Ân Thi đây là một ngôi chùa cổ, có phong cảnh đẹp lối kiến trúc độc đáo tuy nhiên do xa trung tâm, chưa được các cấp quan tâm cho nên chùa vẫn chỉ có ý nghĩa địa phương.

Các di tích lịch sử văn hóa ở Hưng Yên chủ yếu là đình, đền, chùa.

Các di tích này không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, mà còn có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, văn hóa phật giáo Phương Đông nên nó đã hướng người dân về gốc rễ cội nguồn, các giá trị văn hóa được bảo vệ, bản sắc dân tộc được gìn giữ. Chính những giá trị của nó mà các di tích là điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách, các nhà nghiên cứu sử học, các nhà văn hóa. Đây là một tiềm năng lớn có thể khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch.

Một số di tích tiêu biểu của Hưng Yên:

- *Chùa Hiến:* Một biểu hiện rõ nét cảnh đô thị Phố Hiến, một thời “Thứ nhất kinh kỳ thứ nhì Phố Hiến”. Chùa được xây dựng giữa một khung cảnh khoáng đạt, trước mặt là sông, xung quanh là làng mạc, phố phường sầm uất. Ở trong chùa có tượng Quan Âm Hải Nam ở thế ngồi, có 8 đôi tay, bố trí đăng đối, đặc biệt trong chùa có cây Nhãn Tổ một biểu tượng cho Hưng Yên.

- *Đền Mẫu:* Được coi là một trong những danh lam thắng cảnh đẹp nhất của Phố Hiến, nơi có hồ Bán Nguyệt với phong cảnh hữu tình làm đắm say bao du khách, đền Mẫu cũng nổi tiếng bởi có cây sanh, si ngọt tám trăm năm, đền Mẫu thực sự là một kiệt tác kiến trúc thuần Việt. Một di tích vừa uy nghi vừa cổ kính, gần gũi với dân gian. Đây là điểm du lịch được đánh giá là khá hấp dẫn.

- *Văn Miếu:* Còn gọi là văn miếu Xích Đằng, hiện vật quý nhất của văn miếu là 9 tấm bia đá ghi danh các nhà khoa bảng – Văn miếu là di tích chứng minh truyền thống hiếu học với những Bản Nhãn, Trạng Nguyên của đất Hưng Yên xưa. Văn miếu Xích Đằng còn hấp dẫn ở lối kiến trúc bề thế, phong cảnh đẹp, đây là điểm du lịch đặc biệt hấp dẫn của Hưng Yên.

- *Đền Đa Hòa:* Tương truyền đây là nơi tác thành môi tình Chử Đồng Tử -Tiên Dung, trong đền còn lưu giữ được nhiều di vật quý, được xây dựng theo lối kiến trúc độc đáo, không gian thoáng đạt, khí hậu trong lành tạo ra một khung cảnh lên thơ. Đặc biệt gắn với truyền thuyết lãng mạn đã tăng thêm sức hút đối với nhiều du khách, nhất là du khách trẻ tuổi.

- *Chùa Thái Lạc:* Là một trong hai ngôi chùa cổ nhất có giá trị về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của Hưng Yên, nét đặc biệt của ngôi chùa là lưu giữ 16 bức chạm khắc bằng gỗ, mỗi bức chạm thể hiện một nội dung khác nhau làm nổi bật đời sống xã hội, tinh thần và đức tính cao đẹp của người dân trong lịch sử.

Ngoài ra còn có chùa Chuông, chùa Nễ Châu, đền Đậu An, đền Hóa Dạ Trạch, di tích Hàm Tử, đền Ủng, khu tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, khu di tích đại danh y Hải Thượng Lãn Ông, đình Đa Ngư, đền thờ danh tướng Lý Thường Kiệt..., tất cả đều có sức hấp dẫn lớn đối với du khách

Như vậy thông qua việc tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Hưng Yên ta thấy các di tích lịch sử đều có khả năng khai thác phục vụ cho du lịch, đây cũng là cơ sở cho ngành du lịch tỉnh Hưng Yên xây dựng và tạo ra được những tour du lịch nhằm khai thác hết tiềm năng sẵn có.

2.2.1.2. Nhà thờ Thiên Chúa Giáo:

Nhà thờ trung tâm ở phường Lê Lợi- TP. Hưng Yên được xây dựng vào năm 1898. Bên ngoài và mặt trước được mô phỏng theo kiến trúc Gothic, vòm kiêu vòm cung 3 thùy hình dấu ngoặc các bài vị đều tạo bằng gỗ ghép mộng hình vòm 3 thùy các đầu bẩy chạm khắc hình hoa lá rồng rất rói, có những nét điêu khắc kiến trúc rất Việt Nam và Phương Tây.

Nhà thờ họ Lê (làng hôm nay còn gọi là làng Tiêu). Được xây dựng vào cuối đông tháng 12 năm 1905. Bên ngoài kiến trúc kiểu Gootich nhưng lại có điêu khắc am dương, bát quái, có cuốn thư, có hình các lá nho, cổng vào nhà thờ hình vòm, đường vào ở đầu dốc mái được làm như mái đình. Kiến trúc thể hiện sự kết hợp giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây, giữa thiên chúa giáo và tín ngưỡng bản địa, nét đặc trưng là sự có mặt của cây nhãn. Nêu như theo kiểu kiến trúc nhà thờ phương Tây, không gian xung quanh bao giờ cũng để trống, nhà thờ được xây dựng vút cao lên như muốn chế ngự không gian. Nhưng ở đây, nhà thờ họ Lê được xây dựng giữa vườn nhãn tạo nên vẻ đẹp hài hòa giữa di tích kiến trúc và thiên nhiên. Tuy không đồ sộ và quy mô như nhà thờ Trung tâm nhưng nhà thờ họ Lê có một nét đặc sắc riêng và rất đáng trân trọng.

Kiến trúc nhà thờ Thiên Chúa Giáo ở Hưng Yên thể hiện sự kết hợp giữa Phương Đông và phương Tây, giữa Thiên Chúa Giáo và tín ngưỡng bản địa còn nhà thờ lớn Hà Nội do người Pháp thiết kế, chỉ huy xây dựng do vậy công trình mang dáng dấp của nhà thờ Đức Bà Pari. Đây là công trình được bảo tồn, giữ gìn khá nguyên vẹn đặc biệt là phần mộ của các vị cha xứ, là địa điểm hấp dẫn du khách, đặc biệt đối với du khách theo đạo Thiên Chúa Giáo. Đánh giá theo phương pháp cho điểm thì nhà thờ Thiên Chúa được 70 điểm là

di tích khá hấp dẫn du khách.

2.2.1.3. Các di tích khảo cổ:

Ngày nay đến Phố Hiến ta sẽ không còn thấy sầm uất và cổ kính như ngày nào, nay chỉ còn là phế tích nằm sâu dưới lớp phù sa sông Hồng. Cho nên việc khai thác và tìm kiếm các dấu vết trong lòng đất có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng, qua trình tìm kiếm sự tồn tại của Phố Hiến. Thời gian vừa qua đã có một số cuộc khảo sát và khai quật và cũng đã có hiệu quả cao, ở khu vực Phố Hiến đã thu gom được các mảnh gốm và di tích chứng tỏ ở đây là nơi sản xuất gốm thờ Lê, ở khu vực trước chùa Chuông có các mảnh gốm sứ, ở khu vực Bến Đa và Hiến Xạ xác định vị trí của Bến Đá xưa kia từ dốc đê xuống chợ Bảo Châu. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy được cột cờ làm bằng đá của dinh trấn thủ Lam Sơn ở dưới ao doanh trại bộ đội và đã tìm thấy nhiều dấu vết gạch ngói xây dựng khu thương điểm của Phương Tây. Ở khu vực Hiến Hạ qua khai quật hai hố có 245 mảnh gốm sứ, trong đó có 18 chân bát Việt, 13 bát đĩa Thanh, hai vỏ sò biển và một đồng tiền

Những cuộc khai quật này mới chỉ là bước đầu của một giai đoạn tìm hiểu Phố Hiến thông qua phương pháp khảo cổ học khá hấp dẫn du khách đạt 65 điểm.

2.2.1.4. Các lễ hội truyền thống

Lễ hội cũng là một loại tài nguyên nhân văn, có sức hấp dẫn và thu hút khách du lịch cao. Thông qua Lễ và Hội, ở mức độ nào đó du khách có thể thấy được, hiểu được phong tục tập quán của nhân dân địa phương. Bởi lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa đặc sắc phản ánh một mặt đời sống của mỗi dân tộc. Lễ hội thường gắn với các di tích lịch sử, thường là một phần trong các chương trình thu hút, quảng bá của khu du lịch.

Một thực tế là ngày nay khi cuộc sống ấm no, cuộc sống vật chất được đáp ứng đầy đủ thì nhu cầu đời sống tinh thần được chú ý, đó là tâm linh, là tín ngưỡng được thể hiện rõ nhất qua lễ hội.

Là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng có nền văn minh lúa nước lâu đời, Hưng Yên có nhiều lễ hội truyền thống phản ánh khá rõ nét con người, truyền thống, phong tục của nền văn minh lúa nước.

Nét độc đáo của nhiều lễ hội ở Hưng Yên đó là các lễ rước gắn liền với sông Hồng như lễ hội đền Mẫu tổ chức rước nước từ sông Hồng về làm lễ

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

mục dục, hay như nghi thức rước nước từ sông Hồng về lễ thánh. Trong đám rước du khách thấy được rồng, rước cờ, trống...Thông qua các lễ hội người dân như bày tỏ được lời cảm ơn của mình với đất trời, thần nước và cầu mong được cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bên cạnh đó, người dân Hưng Yên thông qua lễ hội để cảm ơn những người có công đức, tưởng nhớ tới các vị anh hùng.

Bảng 2: Một số lễ hội điển hình ở Hưng Yên

Stt	Tên lễ hội	Địa điểm	Thời gian diễn ra
1	Đền Mẫu	P.Quang Trung TP.Hưng Yên	10-13/3 (âm lịch)
2	Đền Thiên Hậu	P.Quang Trung TP.Hưng Yên	23/3 và 9/9 (âm lịch)
3	Đình Chùa Hiến	P.Hiến Nam TP.Hưng Yên	10-12/3 (âm lịch)
4	Đền Mây	P.Lam Sơn TP.Hưng Yên	07/11 (âm lịch)
5	Đền Ủng	Xã Phù Ủng Ân Thi	12-15/1 (âm lịch)
6	Đền Trà Phương	Xã Hồng Vân Ân Thi	09-11/1(âm lịch)
7	Đền Chùa Xá	Xã Cẩm Linh Ân Thi	09/01 (âm lịch)
8	Đền Tân La	Xã Bảo Khê Kim Động	15-17/3 (âm lịch)
9	Đền An Xá	Xã An Viên Tiên Lữ	06-12/4 (âm lịch)
10	Đền Tống Trân	Xã Tống Trân Phù Cừ	15/04 (âm lịch)
11	Đền Đa Hòa	Xã Bình Minh Khoái Châu	10-12/02 (âm lịch)
12	Đền Dạ Trạch	Xã Dạ Trạch Khoái Châu	10-12/02 (âm lịch)
13	Chùa Thứa	Xã Dị Sử Mỹ Hào	8-10/04 (âm lịch)
14	Chùa Xuân Nhân	Xã Xuân Dục Mỹ Hào	6-10/01 (âm lịch)
15	Chùa Thái Lạc	Lạc Hồng Văn Lâm	8/05 (âm lịch)
16	Hàm Tử	Xã Hàm Tử Khoái Châu	10/08 (âm lịch)
17	Hải Thượng Lãn Ông-Lê Hữu Trác	Xã Liêu Xá Yên Mỹ	15//01 (âm lịch)

Nguồn: Sở Thương Mại và Du Lịch Hưng Yên

Một số lễ hội tiêu biểu

- Lễ hội đền Dạ Trạch chính thức diễn ra từ ngày mùng 10 đến 12 tháng 2(âm lịch), kỷ niệm ngày sinh của công chúa Hồng Vân Công Chúa. Bắt đầu bằng nghi thức rước nước từ sông Hồng về lễ thánh, trong đám rước

có : rông vàng dẫn đầu, có hội rước cờ,có trống, phường bát âm...và có cả rước kiệu: Chử Đồng Tử,Tiên Dung và Hồng Vân Công Chúa. Những ngày hội có tổ chức hát trống quân, quan họ,ca trù cùng nhiều trò chơi dân gian như: đập niêu đất, đi cầu kiều....Hiên tại, ngay cả những nhà sử học cũng không xác định được lễ hội Chử Đồng tử- Tiên dung là lễ hội của tình yêu, đền thờ Chử Đồng Tử –tiên Dung là đền thờ tình yêu. Đã từ lâu trai gái trong vùng đã rủ nhau đi lễ hội để kết bạn, trao duyên, trai gái yêu nhau đến đây cầu nguyện cho tình yêu bền chặt, thề thốt chung thủy khi gặp khó khăn khi bị nghi ngờ phụ bạc. Có phải vì nó đẹp quá, ý nghĩa quá mà nhiều ngành nhiều cấp cùng nhất trí khôi phục lại lễ hội này một cách tinh tế hơn, lãng mạn hơn và ý nghĩa hơn nữa. Chính vì thế mà hội thảo khoa học về Chử Đồng Tử-Tiên Dung diễn ra vào ngày 09.30.2000 đã góp phần quan trọng vào việc khôi phục lại Lễ hội này.

- *Lễ hội Đền Đa Hòa* diễn ra cùng thời gian với lễ hội Dạ Trạch, mởi đầu hội là đám rước thần thành hoàng của 8 làng thuộc Tổng Mễ xưa về đền chính(gồm các làng Mễ Sở, Đa Hòa, Bằng Nha, Phú Thị, Phú Trạch, thiết Trụ, Nhạn Pháp...) Trong mỗi đám rước đền có cờ, chiêng trống, bát bửu, bộ lộ...Ngày tiếp theo là cuộc rước nước, là hình thức lên thuyền ra giữa sông Hồng lấy nước về đền tế lễ. Những ngày hội thường diễn ra mùa rông, vật lão, cờ người....

- *Hội Đền Ủng*, hội chính tổ chức từ 12-15 tháng giêng âm lịch, kỷ niệm ngày ra quân của Phạm Ngũ Lão. Có Đại lễ, tế Nội tán, Ngoại tán, ngày lễ hội sôi động nhất là ngày 13 với nghi thức rước kiệu cung phi từ đền về lăng Phạm Tiến Công sau đó rước về đền Phạm Ngũ Lão. Trong lễ rước có cờ quạt, kiệu, bát bửu, lộ bộ. Vào những ngày này thường tổ chức vật cù, thể hiện tinh thần thượng võ, có nhiều đội tế các vùng đến tế lễ, cung văn hát chầu hay tổ chức múa rối nước, hát trống quân...Tương truyền vật cù được tướng Phạm Ngũ Lão dùng để rèn luyện sức khỏe và vui chơi cho quân sĩ. Trước cách mạng tháng tám, triều đình đều cử các quan về tế lễ, gần đây vào ngày hội nhân dân trong huyện thường tổ chức lễ dâng hương tưởng niệm công lao của ông.

Việc tổ chức các lễ hội còn là dịp phục hồi, phát triển các giá trị nghệ thuật văn hóa dân gian, giao lưu chao đổi tâm tính lứa đôi. Đây là những lễ

hội có quy mô lớn nhất và điểm hình của hưng Yên, vào dịp lễ hội thu hút trên 10 ngàn lượt khách từ nhiều địa phương, Đặc biệt ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

Ngoài ra còn phải kể đến các lễ hội khác như: Lễ hội đèn An Xá diễn ra từ ngày mùng 6 đến ngày 12 tháng 4 âm lịch; lễ hội đèn Mẫu; Lễ hội truyền thống tưởng niệm đại danh y Lê Hữu Trác.

Dễ nhận thấy các lễ hội ở Hưng Yên là nó mang ý nghĩa tín ngưỡng, tôn giáo, đến tinh thần thượng võ với các trò chơi như chọi gà, múa lân, chơi cờ...cùng với các cuộc thi và những giải thưởng càng làm cho lễ hội hấp dẫn du khách.

Tóm lại để các lễ hội hấp dẫn du khách, đặc biệt là lôi cuốn lượng khách lưu trú qua đêm, tỉnh Hưng Yên cần có nhiều hơn nữa những sản phẩm du lịch độc đáo kết hợp trong các lễ hội, cần đầu tư xây dựng hạ tầng, đầu tư quảng bá, có nhiều thông tin giới thiệu về tỉnh nhà, tạo ra sự phong phú trong các lễ hội. Tin rằng trong tương lai không xa du lịch Hưng Yên sẽ tạo được bước phát triển mới.

** Nhận xét.*

Hưng Yên là một tỉnh có nhiều lễ hội, các lễ hội đều có thể khai thác phục vụ cho du lịch. Lễ hội ở Hưng Yên không chỉ phong phú về thể loại mà còn đa dạng về nội dung. Đặc biệt Hưng Yên có một số lễ hội lớn nổi tiếng như: lễ hội Đèn Dạ Trạch, lễ hội Đèn Mẫu, lễ hội đèn Ủng... Hàng năm thu hút hàng ngàn du khách từ các nơi đến xem hội, trong hội có các trò chơi càng làm tăng thêm tính hấp dẫn cho lễ hội. Như vậy cần khai thác và bảo tồn các lễ hội để phục vụ cho du lịch đây là một tiềm năng lớn của tỉnh nhà.

2.2.1.5. Nghệ thuật ẩm thực

Món ăn ngon chế biết từ những đặc sản quê nhà là sự thể hiện sinh động, thuyết phục về một vùng đất có căn nguyên, con người có lịch về cơ bản. Đặc sản và văn hóa ẩm thực ở Hưng Yên cũng rất độc đáo không kém các vùng quê khác trên đất nước ta.

** Nhãn lồng Phở Hiến*

“ Dù ai buôn Bắc bán Đông
Đố ai quên được nhãn Lồng Hưng Yên”

(ca dao)

Đi khắp các vùng quê Hưng Yên, nơi nào cũng thấy nhãn, nhưng nhãn ngon và nổi tiếng nhất là nhãn lồng Phố Hiến được trồng nhiều từ ven đê Đằng Châu, Xích Đằng đến cửa Luộc. Nhãn Lồng là quà tặng ưu ái của đất trời ban cho Phố Hiến, Hưng Yên. Thời xưa còn dùng để tiến vua nên còn gọi là Nhãn Tiến.

Chỉ riêng có Nhãn Tiến cũng đủ để Hưng Yên nổi tiếng. Khi nhãn ra hoa, bầu trời dậy tiếng ong hương thơm tỏa nhẹ, hương nhãn làm ra một thứ mật ngọt ngây ngất. Mùa quả nhãn chín vào tháng sáu âm lịch, khắp các chợ quê Hưng Yên, chợ Phố Hiến đều tấp nập cảnh mua bán nhãn.

Nhãn Lồng phố Hiến dùng để làm quà biếu khách hoặc người thân nơi xa thì quý hóa. Khách du lịch đến Hưng Yên không bao giờ quên ghé thăm cây Nhãn Tiến (thường quen gọi là cây Nhãn Tổ) trước cửa Chùa Hiến để chiêm ngưỡng một thứ cây đặc sản của vùng đất Hưng Yên.

** Sen*

Hưng Yên có nhiều đầm, hồ, ao, vốn là vùng đất trũng. Dọc đê sông Hồng từ Văn Giang đến cửa sông Luộc là đầm sen bát ngát. Sen là một đặc sản quý của Hưng Yên.

Người Hưng Yên kết hợp hai thứ đặc sản của quê hương chế biến thành món chè sen long nhãn nổi tiếng mang hương thơm của đồng nội và vị ngọt của phù sa. Hạt sen còn được dùng như một thứ vị thuốc chữa thần kinh suy nhược, mất ngủ. Các bộ phận khác như gương sen, liên tu (tu nhị của hoa sen phơi khô), lá sen, ngó sen cũng được dùng vào việc chữa bệnh, hạt gạo trong hoa sen dùng để ướp chè.

Khi về Hưng Yên vào mùa sen nở du khách sẽ được ngắm nhìn những ao sen, cù sen dài tấp tắp. Gió thổi du khách có thể cảm nhận được hương thơm từ hoa sen, lá sen, một mùi thơm dịu nhẹ mát mẻ, làm cho du khách thoải mái, dễ chịu

** Bún thang thế kỷ*

Xung quanh TP.Hưng Yên có đầm phá, ao hồ chằng chịt, các loại tôm cá ê hề, đặc biệt lươn rất sẵn, con nào cũng béo to, vàng óng. Vì thế ở TP.Hưng Yên nổi tiếng với món bún thang lươn ít nơi có được.

Muốn làm được thang lươn ngon đòi hỏi rất công phu, khéo léo, cần có bí quyết riêng. Lươn thui rồi mới mổ, nhất định có một bát thang ngon phải nhờ

ở nước dùng nấu cách nào thật ngon, thật khéo. Bún Vân Tiên rần kỹ, đem ra từng bát rồi bày giò lụa, trứng tráng, thịt gà thái chỉ, nhân lợn, rau răm lên trên, giũ là hai miếng trứng muối đỏ hoa lụa. Tất cả tạo thành bức tranh đầy màu sắc. Sau khi chan nước dùng nóng rẩy tùy sở thích khách ăn cho thêm vào một chút mắm tôm cà cuống làm dậy lên hương vị đậm đà của một món ăn vừa ngon vừa lạ.

* *Ếch om Phượng tường*

“Đi thì nhớ vợ cùng con
Về nhà lại nhớ ếch om Phượng Tường”

(ca dao)

Làng Phượng Tường thuộc huyện Tiên Lữ, từ lâu đã lưu truyền một món ăn ngon, dân dã nhưng đầy tính nghệ thuật, có nhiều cách làm:

Món ếch om, khi làm mổ bụng bỏ hết ruột gan bên trong. Dùng gọng dao rần kỹ cho nhuyễn xương nhưng vẫn còn nguyên vẹn cả con. Đem ướp ra vị gồm: Mẻ, vỏ quýt khô, mộc nhĩ, tiêu, nước mắm, mỡ nước nửa giờ cho ngấm. Lấy nạt bó lại cho vào nồi nấu với măng, thịt ba chỉ, đun nhỏ lửa sôi kỹ rồi bắc xuống om cạnh bếp sao cho khi chín ếch và nước chỉ vừa một bát, ếch chín nhừ, nước om phải có màu vàng sánh tỏa mùi thơm quyến rũ, dùng chung với các loại rau sống.

* *Chả gà Tiêu Quan*

Làng Tiêu Quan thuộc xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu từ lâu đã lưu truyền một món ăn lạ, độc đáo, hấp dẫn: món chả gà.

Cách làm chả gà rất công phu. Thịt gà nạc đem vào cối giã, lúc gần được đem chộn với lòng đỏ trứng gà, nước mắm ngon, tiêu, mỡ lợn thái hạt lựu rồi giã mịn. Lá chuối tây rửa sạch, để ráo nước rồi phết thịt lên, dàn mỏng, lấy miếng lá chuối khác đặt lên trên rồi dùng phen nướng đan bằng tre tươi kẹp chặt, đặt lên than củi quạt hồng. Khi nướng phải thật nhanh tay cho chả chín đều, vàng ươm. Món ăn ngon bởi sự hài hòa của tất cả hương vị quê nhà quện chặt vào.

* *Tương Bần:*

“Dưa La, cà Láng.Nem Báng, tương Bần
Nước mắm Vạn Cân, cá rô Đầm Sét”

(ca dao)

Làng Bần nay là Thị Trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, trước đây làm tương nổi tiếng nhất miền Bắc. Nghề cổ truyền này vẫn còn lưu giữ tại các gia đình có tiếng từ xưa, ở phố có gia đình bà Lãm, cụ chánh Cộng; trong làng có gia đình bà ngoại ...

Tương Bần được làm từ gạo nếp và đỗ tương. Làng Bần có những công thức, bí quyết gia truyền khiến không một nơi nào có được thứ tương ngon như ở đây, mặc dù ở nước ta “Tương cà là gia bản”, khắp các tỉnh miền Bắc nơi nào cũng biết làm tương.

Tương là món ăn mang tính cộng đồng. Dầm thắm mà khiêm tốn. Người Miền Bắc khi đi xa cũng mang nỗi nhớ quê nhà tha thiết quê hương vị tương Bần Hưng Yên nổi tiếng đã đi vào ca dao:

“Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương”

** Bánh dày Làng Gàu*

Từ bao lâu nay bánh dày Làng Gàu (Cửu cao-Văn Giang) được xếp ngang với Trương Xá (Kim Động), tương Bần (Mỹ Hào) làm nên văn hóa ẩm thực của đất Hưng Yên.

Bánh dày làng Gàu trắng trong, xinh xắn, vị thanh khiết mộc mạc, thơm ngon, được tạo nên từ những đặc sản quê hương dưới đôi bàn tay khéo léo của các cô gái làng Gàu. Vào những phiên chợ quê, thúng bánh dày tần tảo, chịu thương chịu khó bao đời cũng đọng lại trong lòng du khách một nỗi niềm xúc động bàng khuâng.

2.2.1.6. Các làng nghề thủ công

Vùng đất Hưng Yên do đất đai màu mỡ, xóm làng trù phú, vị trí địa lý và giao thông thuận lợi, lại tiếp giáp với Thăng Long-Hà Nội nên sớm nảy sinh và tiếp nhận một cách tích cực những ngành nghề có giá trị kinh tế, văn hóa cao, từ đó hình thành những làng nghề chuyên sâu. Không ít những làng nghề truyền thống nổi tiếng của Hưng Yên đã vượt ra ngoài lãnh thổ vùng đến với nhân dân cả nước. Dưới đây là một số làng nghề tiêu biểu:

** Đúc đồng Cầu Nôm.*

Làng nôm thuộc xã Đại Động huyện Văn Lâm là trung tâm đúc và bán đồ đồng nổi tiếng từ thời Lê-trình dân gian có câu:

“Đồng nát thì về Cầu Nôm
Con gái nỏ mồm về ở với cha.”

Con gái nỏ môm về ở với ch có thể mất giá, còn đồng nát mà về cầu Nôm thì chắc chắn trở thành vật có giá hơn. Trước kia xã Đại Đồng đứng riêng thành một xã (nhất xã, nhất thôn) tục gọi là làng Nôm hay Cầu Nôm. Cầu Nôm giàu nhất vùng, một thời từng gọi là Làng buôn xứ Bắc, cũng là làng có kiến trúc, quy hoạch đẹp nhất tỉnh Hưng Yên. Cầu đá xanh của Làng Nôm nổi tiếng là một cây cầu đẹp, vững chắc có liên đại từ thời Lê. Xuru kia các lò đúc đồng Cầu Nôm hàng năm sản xuất một khối lượng đồ đồng rất lớn, trình độ mỹ thuật cao, nổi tiếng khắp trong Nam ngoài Bắc, theo các thuyền buôn sang cả Pháp và một số nước Châu Âu. Sản phẩm gồm đủ loại gồm: Nồi, sang, chậu, linh đèn và các đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng như: đỉnh, lư, lọ hoa, chân đèn, tráp chầu, chuông, tượng...

Hiện nay thôn Đại Đồng có 9 thôn, 4 thôn vẫn giữ được nghề đúc đồng cổ truyền, nổi tiếng nhất là thôn Long Tượng. Đến Long Tượng những năm gần đây sẽ thấy các lò đúc đồng đồ lửa quanh năm. Làng có khoảng 600 khẩu với 145 hộ, trong đó đã có hơn 100 hộ đã trở lại với nghề. Những lò đúc đồng có uy tín như của các nghệ nhân Lương Văn Ban, Dương Văn Yên, khách đến đặt những lô hàng lớn theo mẫu sẵn hoặc tự thiết kế, mô phỏng. Thời gian gần đây sản phẩm giả cổ được ưa chuộng nhiều.

Nghề đúc đồng giữ vai trò trọng yếu trong đời sống của dân tộc ta qua nhiều thiên niên kỷ. Ngày nay kỹ thuật luyện kim rất phát triển, nhiều kim loại mới thay thế kim loại đồng nhưng sản phẩm mỹ nghệ của Đại Đồng vẫn có một chỗ đứng trang trọng trong đời sống tâm linh của dân tộc. Chừng nào nhu cầu đúc đồng tế khí còn thì nghề đúc đồng cổ Đại Đồng vẫn còn tồn tại.

** Hương xạ cao thôn*

Cao Thôn thuộc xã Bảo Khê huyện Kim Động nằm ven đường 39A, trục giao thông lớn của tỉnh, sát đê sông Hồng. Nghề làm hương có từ hơn 100 năm trước, họ Mai và họ Đào được coi là khai sinh ra nghề hương Cao Thôn.

Hương Cao Thôn gọi là hương thuốc Bắc vì các nguyên liệu làm hương có gần 30 vị đều từ thuốc Bắc, tất cả thảo mộc như: mộc hương, xuyên nhung, đại hoành, quế hồi, nhục đậu, hoa ngâu, địa liền, trầm hương... đem giã nhỏ chộn với keo rồi se vào que tre. Hương vì thế rất thơm, không độc hại.

Người Cao Thôn lập nghiệp khắp nơi trong nước. Những hiệu hương nổi tiếng như: Thế Hưng-68 Nguyễn Thiệp, Quảng Thái, Vạn Hoa, Hoàn Phát

(Hà Đông), hương trầm Hồng Phúc, Đồng An Xương(Sài Gòn)...chủ hiệu đều là người Cao Thôn.Hiện nay sản lượng hương Cao Thôn sản xuất hàng năm rất lớn, tiêu thụ trong cả nước và xuất khẩu sang một số nước láng giềng.

** Đan thuyền Nội Lễ*

Nội Lễ là một trong 4 thôn của xã An Viên huyện Tiên Lữ, có nghề đan thuyền cách đây hàng ngàn năm nên dân gian cũng gọi là Nội Thuyền.

Người Nội Lễ giỏi đan thuyền và bơi lội. Thuyền Nội Lễ bán đi khắp miền Bắc, thuyền nhỏ dùng trong ao, hồ, phục vụ sinh hoạt hàng ngày, thuyền lớn căng buồm vượt sông ra biển. Trong kháng chiến chống Pháp hàng ngàn thuyền nan Nội Lễ đưa đón bộ đội qua sông an toàn. Sau ngày giải phóng Miền Bắc thuyền và người Nội Lễ có mặt hầu hết ở các công trường thủy lợi trong tỉnh. Kháng chiến chống Mỹ cũng có sự tham gia của thuyền Nội Lễ ở tuyến lửa anh hùng. Cách đây khoảng 20-30 năm nghề đan thuyền của Nội Lễ còn rất phồn thịnh, nay hạn chế hơn do có thuyền sắt, thuyền tôn thay thế.

** Chạm bạc Phù Ủng*

Xã Phù Ủng huyện Ân Thi, quê hương của Danh tướng Phạm Ngũ Lão, nằm dọc bờ sông Kim Ngưu có thôn Huệ Lai chuyên làm nghề chạm bạc. Nghề này khởi nguồn từ làng Châu Khê, xã Thúc Kháng huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương ở bên kia sông. Đây là một làng nghề mới có cách đây khoảng 14-15 năm nhưng sản phẩm khá đa dạng , phong phú.Hiện nay cả xã có 200 hộ làm nghề chạm bạc,nguồn khách chủ yếu là Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh biên giới phía Bắc. Nếu biết cách phát huy, mở mang làng nghề đúng hướng, vùng quê này sẽ trở lên giàu có.

Ngoài ra Hưng Yên còn có những làng nghề cổ truyền đặc trưng như: Mây tre đan ở huyện Tiên Lữ, dệt thảm, thiêu ren ở huyện Phù Cừ, quạt Đào Xá, lụa Vân Phương....

Sự xuất hiện và tồn tại những làng nghề cổ truyền trên đất Hưng Yên là một thành tố tạo nên nền văn minh sông Hồng. Nếu có quan điểm đúng, hành động tích cực, phương pháp khoa học, chúng ta có thể khai thác một cách hiệu quả di sản quý báu này.

2.2.1.7.Nghệ thuật dân gian truyền thống

Hầu hết các thể loại phổ biến của văn học dân gian vùng đồng bằng Bắc Bộ đều có mặt trong văn học dân gian Hưng Yên. Song đặc biệt Hưng Yên

chính là quê hương của các loại hình văn hóa nghệ thuật Hát Trống Quân, Chèo, Ả Đào.

** Hát trống Quân*

Hát Trống Quân là lối hát giao duyên vốn là sinh hoạt văn hóa thông thường ở thôn đồng bằng Bắc Bộ. Sự ra đời của hát Trống Quân hiện hay có hai truyền thuyết phổ biến.

Truyền thuyết một: Hát Trống Quân xuất hiện từ thời Trần, trong kháng chiến chống quân Nguyên-Mông trong lúc nghỉ ngơi binh sĩ nhà Trần thường ngồi thành hai hàng đối diện nhau, một bên hát xướng, bên kia hát đáp, khi hát gõ vào tai trống để giữ nhịp.

Truyền thuyết 2: Hát Trống Quân có từ thời Tây Sơn, khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc Hà đánh đuổi quân Thanh(1789) đã bày cảnh đôi bên trai gái hát đối đáp với nhau cho đỡ nhớ nhà.

Mỗi địa phương có những làn điệu khác nhau những cách diễn xướng thì thường giống nhau. Hát Trống Quân ở Hưng Yên mà điển hình là hát Trống Quân Dạ Trạch trong lễ hội Chử Đồng Tử-Tiên Dung mang về độc đáo riêng theo lối truyền thống: hai bên nam nữ hát đối nhau, lời ca là thơ lục bát, khi hát có thêm các từ đệm như: Oi, a, hỡi...nhạc cụ chỉ gồm một các trống quân là loại nhạc cụ dây, trong đó chỉ có một sợi dây căng ngang trên một cái thùng trống, khi hát dứt câu thì đệm một hồi trống “thình , thùng , thình”.

Hát Trống Quân phổ biến khắp các vùng Hưng Yên, thường được tổ chức vào ban đêm lúc trăng sáng, dịp lễ hội, trung thu...Ngày nay vào dịp lễ tết, kỷ niệm ngày Quốc Khánh dân nhân trong vùng cũng tổ chức hát Trống Quân. Địa điểm là đình, đền hoặc đơn giản là một bãi đất trống. Cư dân trong vùng tham gia hát Trống Quân hoàn toàn tự nhiên, tự nguyện, người xem kéo đến xem nườm nượp vừa để nghe hát, xem hát, vừa tham gia biểu diễn.

Những nơi hát Trống Quân nổi tiếng nhất là: Dạ Trạch(Khoái Châu), Đào Khê, Đào Xá (Ấn Thi); Xuân Cầu, khúc Lộng(Văn Giang). Tuy nhiên người hát được trống quân theo đúng lối truyền thống nay không còn nhiều, ngay cả Dạ Trạch cũng chỉ còn khoảng 10 người.

** Hát ả đào*

Hát ả đào còn gọi là hát ca trù là nghệ thuật hát thơ, hát nói độc đáo trong kho tàng văn hóa của dân tộc ta. Lúc đầu hát đào chỉ là một loại hình diễn

xướng có nguồn gốc dân gian (theo chuyện kể về nàng con gái họ Đào ở xã Đào Đặng huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên dùng sắc đẹp và tiếng hát hay để giết giặc Minh. Ghi nhớ công lao to lớn của bà nhân dân lập đền thờ gọi tên thôn là tên Á Đào, lối hát xướng ấy là hát Á Đào. Sau này giới quan lại, nho sĩ rất thích thể loại này liền đặt ra các khổ, phách sáng tác lời dân . Sự hấp dẫn của hát ả đào là ở ngôn từ hàm súc, tinh tế, các ngón đàn, khổ phách kết hợp hết sức nhịp nhàng, ăn ý, khách nghe và người hát có sự giao cảm, đồng điệu.

Chu Mạnh Trinh người làng Phú Thị, tổng Mễ Sở nay thuộc huyện Văn Giang nổi tiếng là con người tài hoa đủ cả cầm, kỳ, thi, họa cũng rất mê hát ca trù. Ông đã có những sáng tác thật sự có giá trị ở thể loại này.

Hiện nay hát ả đào còn duy trì ở một số địa phương trong tỉnh như: Mễ Sở, Vĩnh Phúc(Văn Giang); Bình Minh, Dạ Trạch(Khoái Châu); thôn Trịnh Mỹ xã Ngô Quyền và thôn Đào Đặng xã trung nghĩa (Tiên Lữ). Đến lễ hội Chử Đồng Tử -Tiên Dung khi không khí náo nức của ngày hội lúc ban ngày dần lắng xuống, vào ban đêm bao giờ cũng có tiết mục diễn xướng dân gian truyền thống của địa phương như Hát Trống Quân, hát Á Đào, hát Chèo làm say đắm lòng người.

** Hát chèo*

Hát chèo là loại hình sân khấu truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ khởi đầu của chèo là các hình thức trò nhại, trò diễn xướng dân gian từ Thế kỷ 11, sau này phát triển thành một loại hình sân khấu độc đáo. Xưa kia mỗi phường chèo do một ông trùm cầm đầu đi diễn ở các thôn xã vào các dịp lễ tết, hội hè.Chèo thường được diễn ở sân đình, sân khấu là chiếc chiếu trải ở giữa. Khán giả ngồi quây ba mặt nên còn được gọi là chiếu chèo hoặc chèo sân đình.

Hiện nay nghệ thuật hát chèo ở Hưng Yên được khôi phục mạnh mẽ, có hai hình thức biểu diễn là chuyên nghiệp và cộng đồng. Hình thức biểu diễn chuyên nghiệp là của các đoàn chèo, ở đó diễn viên được đào tạo và tuyển chọn bài bản, các vở diễn được dàn dựng công phu. Trong tỉnh có đoàn chèo Hưng Yên do sở Văn Hóa Thông Tin quản lý. Hình thức biểu diễn cộng đồng là của các chiếu chèo địa phương, diễn viên là những nghệ sĩ dân gian, biểu diễn phục vụ cộng đồng trong các dịp hội hè, lễ tết. Có rất nhiều chiếu chèo của các địa phương trong tỉnh Hưng Yên, tiêu biểu là chiếu chèo thôn Dương

Hòa (Minh Đức-Mỹ Hào), chiếu chèo xã Chi Đạo (Văn Lâm), chiếu chèo xã Đồng Than(Văn Giang)

❖ *Nhận xét chung tài nguyên du lịch nhân văn Hưng Yên.*

* *Thuận Lợi.*

Hưng Yên là một địa bàn dân cư đông đúc, trong những năm qua kinh tế-văn hóa-xã hội được ổn định và phát triển, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng cao, nhu cầu nghỉ ngơi, bồi dưỡng sức khỏe, du lịch của người dân ngày càng cao. Điều đó được thể hiện qua số lượng khách du lịch nội tỉnh mỗi năm ngày càng cao, đó là lợi thế quan trọng để du lịch Hưng Yên phát triển.

Lợi thế lớn nhất để phát triển du lịch đó là vị trí địa lý. Nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng, kế cận với thủ đô Hà Nội –Trung tâm du lịch của cả nước, Hưng Yên chẳng những có thuận lợi trong việc thu hút các đoàn khách đến thăm Hà Nội mà còn là địa điểm tổ chức các khu nghỉ cuối tuần lý tưởng cho cư dân thủ đô sau những ngày làm việc mệt mỏi với không gian chật hẹp muốn nghỉ ngơi nơi cảnh quan thoáng đãng của đồng quê yên ả và khí hậu trong lành.

Hưng Yên là một tỉnh nằm ở vùng đồng bằng, không có núi, không có rừng, không có biển, hiện tại được đánh giá là tỉnh có tài nguyên du lịch kém phong phú và hấp dẫn so với nhiều tỉnh lân cận. Tuy nhiên Hưng Yên cũng có một số di tích lịch sử Phố Hiến –Một thương cảng sầm uất thế kỷ 15-17, khu tưởng niệm đại danh y của dân tộc Hải Thượng Lãn Ông, khu di tích Đa Hòa-Dạ Trạch với truyền thuyết đặc sắc và lễ hội chử Đồng Tử-Tiên Dung hàng năm cuốn hút hàng vạn du khách về thăm. Hưng Yên còn có tuyến đê sông Hồng với cảnh quan sinh thái hấp dẫn, không khí trong lành và một số đặc sản như nhãn Lồng, sen, tương bần, các loại thảo dược quý, đó là những tài nguyên vô cùng quý báu, là cơ sở để Hưng Yên xây dựng và phát triển thành những khu du lịch tổng hợp hấp dẫn, độc đáo bổ sung cho thị trường sản phẩm du lịch của trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận. Đây là thị trường khách to lớn và đầy tiềm năng và là cơ sở thuận lợi cho du lịch Hưng Yên gắn kết với các tuor du lịch cả đường bộ và đường thủy từ Hà Nội qua Hưng Yên, Hải Dương, đi Hải Phòng, Quảng Ninh, Hạ Long.

Hưng Yên là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Hưng Yên

có cơ hội đón nhận và tận dụng sự phát triển chung của vùng, trước hết là đón nhận và tận dụng đầu tư vào kết cấu hạ tầng (hệ thống đường bộ, đường cao tốc, đường sắt, sân bay, bến cảng...) cho phát triển kinh tế-du lịch.

Cũng là một thuận lợi về vị trí địa lý, giáp với các tỉnh có ngành du lịch phát triển như: như Hà Nội, Hà Tây (cũ), Bắc Ninh...đó là những tỉnh đã có quy hoạch tổng thể phát triển về du lịch, đây là thuận lợi của tỉnh đi sau. Hưng Yên có thể học tập kinh nghiệm, có thể tạo được sự khác biệt, độc đáo về sản phẩm và chất lượng phục vụ để thu hút khách.

**Hạn chế*

Mặc dù tài nguyên du lịch của tỉnh kém phong phú so với một số tỉnh nhưng có nét độc đáo, đầy tiềm năng phát triển. Song hiện tại tài nguyên du lịch Hưng Yên còn có những hạn chế sau:

- Phần lớn các tài nguyên du lịch của tỉnh còn ở dạng tiềm năng chưa thực sự được khai thác hết.

- Hưng Yên chưa có một quy hoạch tổng thể phát triển du lịch. Lại thiếu vốn đầu tư phát triển nên việc bảo vệ và quản lý tài nguyên còn hạn chế. Mâu thuẫn trong quản lý và khai thác tài nguyên dẫn đến tình trạng chưa phát huy được thế mạnh của tài nguyên du lịch

- Những di tích bị xuống cấp, đất đai bị lấn chiếm, cảnh quan môi trường bị phá vỡ và có hiện tượng bị ô nhiễm nghiêm trọng như: Khu di tích nhà tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, khu Đa Hòa-Dạ Trạch; khu Phố Hiến-Một thửa lừng danh “Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến” thì nay đã đề thời gian, sông nước, con người mặc sức mài mòn không còn dấu tích.

- Hạ tầng, giao thông đến các di tích, cảnh quan còn hạn chế. Tuy thời gian gần đây việc bảo vệ, tôn tạo các tài nguyên du lịch đã được đặt ra nhưng thực tế vẫn chưa đạt hiệu quả.

Vì vậy vấn đề cơ bản cần thiết phải đánh giá đúng tài nguyên của tỉnh nhà. Các cấp, các ngành cần phải quy hoạch để đầu tư tôn tạo, bảo vệ và khai thác một cách tốt nhất nguồn tài nguyên du lịch, đưa du lịch sớm trở thành một ngành quan trọng, góp phần phát triển kinh tế -xã hội của tỉnh.

2.3. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ cho du lịch.

2.3.1. Thực trạng khai thác các di tích.

Bảng 3: Số lượng các di tích được khai thác trên địa bàn tỉnh năm 2005

Stt	Loại	Số lượng	Số lượng khai thác	Tỉ lệ khai thác
1	Chùa	280	25	9%
2	Đình	250	24	10%
3	Đền	240	18	7,5%
4	Văn Miếu	01	01	100%
6	Nhà thờ	6	1	16,7%
7	Nhà thờ họ	4	0	0,00%
8	Di chỉ khảo cổ	22	0	0,00%
9	Nghĩa địa người nước ngoài	2	0	0.00%
10	Nhà lưu niệm	5	3	60%

Nguồn: *Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch Hưng*

Số lượng các di tích có thể khai thác phục vụ cho du lịch trên địa bàn Hưng Yên khá dồi dào, trong những năm qua hoạt động du lịch đến các di tích đã tăng, tuy nhiên số lượng các di tích được khai thác còn thấp. Chùa tổng số có: 280 di tích nhưng số lượng được khai thác chỉ có 25 di tích, chiếm 9%; Đình : 250 di tích, số đưa vào khai thác là 24 di tích chiếm 10%; Đền tổng 240 số khai thác là 18 chiếm 7,5%; Văn miếu tổng là 1 số khai thác là 1 chiếm 100%; nhà thờ có 5 số khai thác là 1 chiếm 16,7%; nhà lưu niệm tổng: 5 số khai thác là 3 chiếm 60% còn nhà thờ họ, di chỉ khảo cổ, nghĩa địa người nước ngoài, vẫn chưa được khai thác.

Như vậy thông qua đây ta thấy số lượng các di tích được khai thác còn qua ít so với tiềm năng. Mới chỉ khai thác được một số đền, chùa, lễ hội tiêu biểu phục vụ cho du lịch, còn lại chỉ có ý nghĩa phục vụ nhu cầu của dân địa phương.

Nguyên nhân làm cho số lượng các di tích được khai thác phục vụ du lịch thấp là do mức độ hấp dẫn, sự độc đáo tại các điểm du lịch còn thấp, việc khai thác không đi đôi với bảo vệ làm cho các di tích bị xuống cấp làm giảm đi

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

tính hấp dẫn của nó. Việc đi lại đến các điểm du lịch còn gặp khó khăn gây cản trở cho việc khai thác và chính quyền địa phương cùng các cấp ngành chưa có sự quan tâm, đầu tư khôi phục cho nên giá trị của các di tích bị mất dần.

2.3.2. Thực trạng về khách du lịch

Theo số liệu thống kê về tình hình khách du lịch đến Hưng Yên ta thấy.

Bảng 4: Thực trạng khách du lịch đến Hưng Yên Thời kỳ 2001-2005

Danh mục	Đơn vị tính	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số lượt khách	Lượt khách	14.234	16.951	17.673	18.333	23.196
Tr đó: -Khách quốc tế	”	115	256	260	277	589
-Khách nội địa	”	14.119	16.695	17.413	18.056	22.607
Tổng số ngày lưu trú	Ngày/khách	14.945	18.815	20.323	22.549	25.015
Tr đó -khách quốc tế	”	137	248	296	325	595
-Khách nội địa	”	14.808	18.531	19.027	21.224	24.420
Ngày khách lưu trú bình quân	Ngày/khách	1,05	1,11	1,15	1,23	1,27

Nguồn: Điều tra khảo sát ở sở Thương Mại và Du Lịch Hưng Yên.

Bảng 5: Bảng đánh giá chỉ tiêu qua các năm

Danh mục	Đơn vị tính	So sánh giữa các năm				Nhịp độ tăng bình quân
		02-01	03-02	04-03	05-04	
Chênh lệch	L.khách	2.717	722	660	4.863	2.240
-Khách quốc tế	”	141	4	17	312	118
-Khách nội địa	”	2.576	718	643	4.551	2.122
Tăng trưởng	%	19	4,26	3,73	26,52	13,37
-Khách quốc tế	”	5,1	0,55	2,57	6,4	3,65
-Khách nội địa	”	94,9	99,45	97,43	93,6	96,35
Chênh lệch	N.khách	25,89	8	11	11	2.494
Tăng trưởng	%	3.870	1.417	2.226	2.466	13,75

Nguồn: Điều tra khảo sát ở sở Thương Mại và Du lịch Hưng Yên

Năm 2001 Hưng Yên đón được 14.234 lượt khách, đến năm 2005 con số đó lên tới 23.196 lượt khách, tăng 8.962 lượt khách, gấp 1,603 lần so với năm 2001. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 13,37% giai đoạn (2001-

2005), trong đó có 589 lượt khách nước ngoài, tăng trưởng bình quân 3,65% đối với du khách quốc tế và mức độ tăng trưởng bình quân 96,35% đối với khách nội địa.

Thông qua số liệu ta thấy số lượng khách tuy chưa nhiều so với các tỉnh có nhiều tài nguyên du lịch hấp dẫn và hoạt động du lịch mạnh nhưng đã góp một phần vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội.

Khách du lịch nội địa thường đến với mục đích công tác, thương mại, làm ăn, học sinh, sinh viên đi du lịch dã ngoại. Nhưng chủ yếu họ đi vào các mùa lễ hội, vào các tháng giêng, hai và các tháng hàng năm dự các lễ hội, thăm các di tích lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái cảnh quan rất đông.

Những điểm đón khách du lịch là cụm du lịch lễ hội Đa Hòa-Dạ Trạch, khu vực Phố Hiến, khu vực Hải Thượng Lãn Ông, Đền Ủng...

Khách du lịch đến Hưng Yên chủ yếu bằng đường bộ từ Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hạ Long qua đường 5 và đường 39A; từ tuyến du lịch xuyên Việt (quốc lộ 1A) qua cầu Yên Lệnh; từ Hà Nội theo sông Hồng.

Qua nghiên cứu về khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa đến Hưng Yên thời kỳ 2001-2005 ta thấy: sở dĩ trong những năm gần đây lượng khách du lịch quốc tế và du lịch nội địa tăng là nhờ chính sách đổi mới kinh tế, tình hình chính trị an ninh trong nước ổn định, quan hệ đối ngoại phát triển. Nhu cầu du lịch trong và ngoài nước tăng đã ảnh hưởng tích cực đến du lịch Hưng Yên.

Song với các số liệu thống kê như trên ta thấy số khách đến Hưng Yên tuy đã tăng trưởng đáng kể nhưng so với thực tế là rất thấp. Có nhiều nguyên nhân để lý giải sự việc trên, nhưng lý do chính đối với Hưng Yên cũng như nhiều tỉnh khác là công tác quản lý về du lịch còn hạn chế, việc cập nhật các số liệu về khách lưu trú và khách tham quan chưa đầy đủ.

Nhìn một cách tổng quát khách du lịch Hưng Yên trong những năm qua chủ yếu là khách du lịch nội địa. Khách từ những địa phương xung quanh đi lễ hội, tham quan, dã ngoại, khách công vụ và đó là nguồn khách chủ yếu, còn khách du lịch thuần túy đi theo tour, tuyến rất ít. Vì vậy trong tương lai cần phải phát triển cơ sở vật chất và quảng cáo để lượt khách tăng mạnh hơn, xứng đáng với tiềm năng du lịch của tỉnh.

2.3.3. Hiện trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Hưng yên là một tỉnh mới được tái lập, xuất phát điểm còn rất nhiều khó khăn: Đất ít, người đông, cơ sở vật chất chưa có gì, hệ thống hạ tầng yếu kém nhất là giao thông, điện, nước, các dịch vụ thương mại... còn rất hạn chế.

Như chúng ta đã biết cơ sở vật chất kỹ thuật là một trong những yếu tố quan trọng có tính chất quyết định sự phát triển của du lịch. Với cơ sở vật chất kỹ thuật của tỉnh như vậy thì cơ sở lưu trú của du lịch Hưng Yên còn rất yếu và thiếu nên không tạo ra được sự hấp dẫn đối với du khách, chưa khai thác được tiềm năng của du lịch địa phương.

Tuy nhiên trong thời gian qua du lịch đã được sự quan tâm chú trọng của tỉnh và chính quyền địa phương các cấp, cơ sở hạ tầng cũng dần được cải thiện, đầu tư, tôn tạo như một số con đường chính và những con đường dẫn tới các điểm lễ hội thăm quan. Các kế hoạch đầu tư xây dựng mới khách sạn, nhà nghỉ, công viên, khu thể thao... Cũng dần đi vào thực hiện

Bảng 6: Hiện trạng cơ sở vật chất kỹ thuật cơ sở lưu trú 2001-2005.

Chỉ tiêu	Năm	Đvt	Năm				
			2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số cơ sở lưu trú		Cơ sở	06	09	16	32	35
Tổng số phòng lưu trú		phòng	68	103	255	396	472
Tổng số giường		Giường	151	206	387	553	681
Công suất phòng		%	60	69	68	70	68
Tắm hơi masage (số lũy kế)		Cơ sở	-	-	12	37	48

Nguồn :Khảo sát điều tra sở Thương Mại và Du Lịch Hưng Yên.

Với lợi thế về vị trí địa lý tốt là cầu nối giữa các vùng kinh tế trọng điểm khu vực Bắc Bộ những năm qua hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú ở Hưng Yên liên tục tăng nhanh và bước đầu có hiệu quả, chất lượng phục vụ dần dần được đổi mới. Năm 2001 toàn tỉnh đã có 06 cơ sở lưu trú với 68 phòng nghỉ 151 giường. Đến cuối năm 2005 toàn tỉnh có 35 cơ sở lưu trú với 472 phòng ngủ, 681 giường, (số cơ sở kinh doanh lưu trú tăng gấp 6 lần so với năm 2001) tập trung ở hai khu vực TP.Hưng Yên và khu vực Phố Nối – Văn Lâm – Mỹ Hào. Trong đó có 05 khách sạn xếp hạng sao bao gồm: 01 khách sạn 2 sao, 04 khách sạn một sao. Tổng số vốn đầu tư cho cơ sở lưu trú đến năm 2005 đã lên tới trên gần 50 tỷ đồng: Đặc biệt khu vực TP.Hưng Yên

trong những năm gần đây, số lượng trong các cơ sở lưu trú du lịch tăng nhanh và chất lượng tốt hơn. Tính đến 31/12/2005 trên địa bàn thành phố đã có 20 cơ sở lưu trú du lịch với 308 phòng 513 giường, tăng 240 phòng và 362 giường so với năm 2001. Hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú đã thu hút được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh xây dựng nhiều nhà nghỉ và khách sạn mới. Có một số đơn vị kinh doanh nay chuyển thành công ty cổ phần đã có những thay đổi cơ bản tập trung vào xây dựng những khách sạn có quy mô. Cơ sở lưu trú phát triển đã đáp ứng phần lớn nhu cầu phục vụ khách, trong đó năm 2005 đón được 25.015 lượt ngày khách lưu trú tăng 67,38% so với năm 2001. Số ngày khách tăng lên đáng kể từ 1,05 ngày năm 2001 lên 1,27 ngày năm 2005. Năm 2006 là 1,3 ngày khách với tổng 59 cơ sở lưu trú nâng tổng số phòng lên 819 phòng trong đó đã có 10 khách sạn đạt hạng 1-2 sao với 276 phòng tương ứng 432 giường và 49 nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn tối thiểu với 534 phòng tương ứng với 614 giường so với năm 2005 tăng 24 cơ sở tương ứng với 68,7% và số khách sạn cũng tăng lên gấp đôi. Doanh thu kinh doanh cơ sở lưu trú năm 2001 đạt 1,995 tỷ đồng, năm 2005 đạt 3.200 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 22% trên tổng doanh thu du lịch.

Nói chung về cơ sở lưu trú của Hưng Yên còn thiếu và yếu, tuy nhiên cũng đã giải quyết được nhu cầu nghỉ ngơi của khách du lịch trong thời gian qua. Mặc dù chất lượng phục vụ còn kém chưa phù hợp với giá cả, chưa tạo được sự thoải mái cho khách khi sử dụng các trang thiết bị, nội thất trong phòng yếu và xuống cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Điều đó đặt ra cho du lịch Hưng Yên trong định hướng phát triển cơ sở lưu trú cần ưu tiên cho khách sạn cao cấp hơn để phù hợp với nhu cầu của khách nhất là khách du lịch quốc tế.

2.3.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch:

Kết cấu hạ tầng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển du lịch, đặc biệt là đối với Hưng Yên. Gần đây được sự quan tâm của TW, tỉnh Hưng Yên đã đầu tư nhiều cho phát triển cơ sở hạ tầng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội cũng như phát triển du lịch.

2.3.4.1. Giao thông đường bộ:

Giao thông đường bộ và đường sắt:

Toàn tỉnh có 24 km đường sắt quốc gia, 87 km quốc lộ, khoảng 130 km đường nội tỉnh. Mật độ đường bộ đạt 1,5 km/km²; 1.26 km/1000 dân.

Đến năm 2000 tỉnh đã tập trung cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông đối ngoại huyết mạch trong tỉnh trong mối quan hệ chặt chẽ với quy hoạch chung phát triển kết cấu hạ tầng của cả vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Đã hoàn thành việc nâng cấp quốc lộ 39A và đã tiến hành nâng cấp quốc lộ 39B. Cầu Yên Lệnh được khởi công vào cuối tháng 12/2001 nay đã được hoàn thành nó sẽ nối quốc lộ 1A với quốc lộ 5 ra cửa biển Hải Phòng và Cái Lân (qua địa bàn Hưng Yên), tạo sự giao lưu kinh tế mạnh giữa Hưng Yên với các tỉnh phía Nam, đồng thời góp phần giải tỏa cảng thẳng cho thủ đô Hà Nội. Các tuyến tỉnh lộ 206, 200, 205, đê sông Hồng, đường trục chính TP.Hưng Yên, đường trong khu công nghiệp, bến phà Yên Lệnh đã được xây dựng. Giao thông nông thôn đã có khởi sắc đã được dải đá thuận lợi cho đi lại.

Tuy nhiên việc nâng cấp các tuyến đường liên tỉnh, liên huyện trên thực tế tiến độ thực hiện còn chậm, chưa đáp ứng được cho nhu cầu phát triển du lịch. Một số đường đi đến các diền, khu du lịch như đường đến khu đền Đa Hòa-Dạ Trạch vẫn còn rất khó khăn, đường nhỏ và chất lượng đường rất xấu nên gây nhiều hạn chế cho phát triển du lịch.

2.3.4.2. Giao thông đường thủy:

Sông Hồng và sông Luộc là hai trục giao thông thủy quan trọng của Hưng Yên cũng như cả vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Hệ thống đường thủy thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại bằng tàu thuyền nhưng phần nhiều các bến bãi chưa được cải tạo, luồng lạch chưa được lạo vét, độ rộng, độ sâu hạn chế gây trở ngại cho việc lưu thông tàu thuyền.

Trong những năm qua vận chuyển hàng hóa cũng như đón nhận khách du lịch từ thủ đô Hà Nội bằng đường sông của Hưng Yên chiếm một tỉ lệ đáng kể. Tuy nhiên việc đầu tư quy hoạch phát triển vận chuyển đường sông hầu như chưa có gì, đặc biệt công tác vận chuyển hành khách bằng đường sông chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng được nhu cầu về du lịch.

2.3.4.3. Hệ thống cung cấp điện:

Đáp ứng đủ và ổn định cho sản xuất và cuộc sống của nhân dân trong tỉnh. Cả tỉnh có 5 trạm biếm áp: Phố Nối, Kim Động, Như Quỳnh, TP.Hưng

Yên... Đã xây dựng được 146 trạm biến thế, 77 km đường dây 110KV gồm các tuyến Phố Nối –Kim Động, Kim Động-TP.Hung Yên, TP.Hung Yên – Phố Cao. Nói chung mạng lưới điện của tỉnh đảm bảo phục vụ tốt.

2.3.4.4.Hệ thống cấp thoát nước:

Nằm trong hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, là hai hệ thống sông lớn nhất miền Bắc nên Hưng Yên có nguồn nước rất dồi dào.

Ngoài nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm của Hưng Yên rất phong phú. Trong địa phận Hưng Yên có những mỏ nước ngầm rất lớn, nhất là khu vực dọc đường 5 từ Như Quỳnh đến Quán Gỏi, có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong đó có du lịch.

Về hệ thống thoát nước, hiện nay đã hoàn thành hệ thống thoát nước của TP.Hung Yên. Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình cấp thoát nước cho các khu du lịch như cụm Phố Nối, Như Quỳnh...

Với những chương trình nước sạch của Hưng Yên, trong thời gian tới tình hình cơ sở hạ tầng, khả năng cung cấp nước sạch được cải thiện. Điều đó không chỉ có ý nghĩa đến sự phát triển kinh tế xã hội của Hưng Yên mà nó rất thiết thực đối với sự phát triển của ngành du lịch địa phương.

2.3.4.5.Bưu chính viễn thông:

Nhờ những thành tựu của bưu chính viễn thông, thời gian gần đây mạng lưới bưu chính viễn thông của tỉnh Hưng Yên đã được quan tâm phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cải tạo và hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc (cả thông tin nội tỉnh và thông tin quốc tế) theo hướng tự động hóa, vi tính hóa, đảm bảo thông tin nhanh giữa các vùng trong tỉnh, trong nước, và với quốc tế.

Tính đến năm 2001, tổng số máy điện thoại trong toàn tỉnh có trên 2 vạn máy, gần 2,1 máy điện thoại/ 100 dân, 100% số xã và 93% số thôn có điện thoại. Hiện nay mật độ điện thoại ở Hưng Yên còn thấp, chất lượng truyền đưa thông tin và các loại hình phục vụ tuy có nhiều chuyển biến song chưa phong phú, đa dạng, chưa khai thác hết tiềm năng. Hiện nay hệ thống bưu chính viễn thông đã được đầu tư nhiều như nâng cấp thông tin liên lạc từ thành phố đến các huyện, phát triển dịch vụ internet, lắp đặt thêm BTS, mở rộng vùng phủ sóng cho điện thoại, xây dựng đường cáp quang...Đây là những điều kiện tốt để đáp ứng và thúc đẩy du lịch Hưng Yên phát triển.

2.3.5. Hiện trạng nguồn nhân lực:

Theo kết quả điều tra hiện nay nguồn nhân lực lao động trực tiếp trong ngành du lịch có khoảng 200 người. Trình độ được đào tạo ở đây còn thấp, số người học đại học và trên đại học còn thấp 4,5% số người học cao đẳng và trung cấp chiếm 8,5%. Ngoài ra còn một số lao động chuyển từ ngành khác sang làm du lịch. Các nhà kinh doanh nhà nghỉ và nhà hàng tư nhân với đội ngũ nhân viên chủ yếu là các thành viên trong gia đình hầu hết chưa đào tạo về du lịch một số nữa học sinh mới học qua phổ thông cũng phục vụ trong các nhà nghỉ tư nhân, mới chỉ qua lớp sơ cấp về du lịch. Chính những hạn chế về quản lý, nghiệp vụ của đội ngũ lao động du lịch ở Hưng Yên đã hạn chế hiệu quả kinh tế.

Thời gian gần đây, một số công nhân viên của khách sạn Phố Hiến được qua đào tạo về nghiệp vụ du lịch. Hướng dẫn viên của tỉnh chưa qua đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ. Chỉ có một số biết tiếng Anh, riêng tiếng Pháp và tiếng Trung rất ít. Về trình độ ngoại ngữ có cả A, B, C chủ yếu là trình độ A, B.

Bảng 7: Lao động trong ngành du lịch

Năm	Đại học và trên đại học	Cao đẳng và trung học	Lao động khác
1997	5	12	60
1998	7	15	95
1999	7	15	115
2000	9	17	190

Nguồn : sở Thương Mại Và Du Lịch Hưng Yên

Nhìn chung nguồn nhân lực cho du lịch của Hưng Yên trong thời gian qua chưa đáp ứng được cho yêu cầu hiện tại. Vì vậy vấn đề đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho nguồn nhân lực du lịch, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch Hưng Yên đang là một trong những vấn đề cấp bách.

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

2.3.6. Hiện trạng Doanh thu:

Bảng 8: Doanh thu du lịch và cơ cấu doanh thu thời kỳ 2001-2005.

Danh mục	Đơn vị tính	2001	2002	2003	2004	2005	Nhịp độ tăng bình quân
<i>Tổng doanh thu</i>	Tr.đồng	8.780	10.637	11.386	12.812	14.520	13,5%
Trđó:-Doanh thu lưu trú	”	1.995	2.411	2.924	3.056	3.200	
-Doanh thu ăn uống	”	3.241	3.797	4.182	4.324	4.725	
-Doanh thu lữ hành	”	-	-	100	625	630	
-Doanh thu vận chuyển	”	823	808	945	910	920	
-Doanh thu dịch vụ khác	”	2.721	3.621	3.235	3.897	5.045	
<i>A-Doanh thu phục khách quốc tế</i>	Tr.đồng	51	113	134	142	182	43,43%
-Doanh thu lưu trú	”	23	55	59	63	95	
-Doanh thu ăn uống	”	18	42	48	57	62	
-Doanh thu dịch vụ khác	”	10	16	27	22	25	
<i>B-Doanh thu phục vụ khách nội địa</i>	Tr.đồng	8.729	10.524	11.252	12.670	14.338	13,3%
-Doanh thu lưu trú	”	1.972	2.356	2.865	2.993	3.105	
-Doanh thu ăn uống	”	3.223	3.755	4.134	4.267	4.663	
-Doanh thu lữ hành	”	-	-	100	625	630	
-Doanh thu vận chuyển	”	823	808	945	1.576	920	
-Doanh thu dịch vụ khác	”	2.711	3.605	3.205	3.875	5020	

Nguồn : Khảo sát điều tra sở Thương Mại và Du Lịch Hưng Yên.

Do du lịch Hưng Yên chưa phát triển nên doanh thu còn ít. Tuy nhiên nó có những đóng góp nhất định vào ngân sách của tỉnh và một phần vào việc cải thiện đời sống của nhân dân và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh nhờ vào các dịch vụ du lịch khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng.. Việc tổ chức quản lý du lịch ở đây chưa đi vào nề nếp, còn tùy tiện nên tình trạng thất thu lớn. Vì vậy nói chung doanh thu từ du lịch chưa xứng đáng với tiềm năng du lịch của tỉnh.

Qua bảng thống kê ta thấy những năm gần đây cùng với sự gia tăng về khách du lịch, doanh thu từ du lịch 2001 là 8.780 triệu đồng đến năm 2005 đã là 14.520 triệu đồng, nhịp độ tăng bình quân là 13,5%

Trong đó ta thấy doanh thu từ khách nội địa nhiều hơn khách quốc tế nhưng nhịp độ tăng bình quân của khách du lịch quốc tế lại cao hơn khách nội địa. Doanh thu phục vụ khách quốc tế nhịp độ tăng bình quân là: 43,43% còn khách nội địa là : 13,3%. Điều đó cho thấy trong những năm gần đây khách du lịch quốc tế đến Hưng Yên ngày càng tăng đặt ra cho tỉnh nhà cần quan tâm hơn đến ngành để thu hút khách quốc tế.

Nhìn vào doanh thu của du lịch ta thấy mức tăng trưởng là lớn nhưng thực chất doanh thu này không đáng kể so với tiềm năng du lịch của tỉnh. Nguyên nhân do đối tượng khách chủ yếu là đi lễ hội thời gian lưu trú không dài, điều kiện cơ sở vật chất còn nghèo, mức giá thấp, hoạt động vui chơi giải trí ít, chưa khuyến khích được chi tiêu của khách, hoạt động kinh doanh mang tính chất thời vụ. Qua đây ta thấy nếu như du lịch chỉ được đầu tư một cách đầy đủ và biết cách khai thác đúng hướng thì doanh thu du lịch sẽ là một nguồn thu đáng kể.

2.3.7. Thị trường khách du lịch của Hưng Yên.

Nhìn một cách tổng quát, thị trường khách du lịch của Hưng Yên trong những năm qua và về lâu dài chủ yếu vẫn là khách du lịch nội địa, từ Trung tâm Hà Nội, Hải Phòng Quảng Ninh- khách từ các địa phương xung quanh đi lễ hội, tham quan, dã ngoại, khách công vụ... Hiện tại khách du lịch thuần túy đi theo tour, tuyến, khách nước ngoài rất ít. Vì vậy trong tương lai cần có sự phát triển các khu du lịch độc đáo, về cơ sở vật chất và xúc tiến quảng cáo để thu hút khách du lịch nội tại và từ các trung tâm du lịch kế cận về Hưng Yên tăng lên, tương xứng với tiềm năng du lịch của tỉnh.

Dự báo khách du lịch đến Trung tâm Hà Nội và Trung tâm du lịch Hải Phòng, Quảng Ninh – thị trường khách chủ yếu của du lịch Hưng Yên được thể hiện tại bảng.

Bảng 9 : Thị trường khách du lịch của Trung tâm du lịch Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh

Loại khách	2005	2010	2020
Khách du lịch nội địa(triệu lượt)	9,0	12,0	18,0
Khách du lịch quốc tế (triệu lượt)	2,0	3,0	6,0

Nguồn: Viện NCPT du lịch

Qua nghiên cứu thị trường chính về khách du lịch đến Hưng Yên, ta thấy về thành phần, tâm lý và sở thích có những đặc điểm sau:

- Đối tượng là học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên thích du lịch sinh thái, tham quan các danh lam thắng cảnh độc đáo, sự tích hấp dẫn tình yêu lãng mạn thủy chung, thích thể dục thể thao, vui chơi giải trí, mạo hiểm..

- Đối tượng là cán bộ CNV đi nghỉ dưỡng cuối tuần, thăm viếng đền chùa, thích cảnh quan đồng quê không khí trong lành, thoáng đãng, thanh bình, thuận tiện đi lại và dịch vụ tốt, hấp dẫn..

- Đối tượng là nhân dân thích tham quan các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội tín ngưỡng, thăm viếng đền chùa, mua sắm các sản phẩm du lịch độc đáo của địa phương làm quà tặng người thân..

- Đối tượng là khách du lịch quốc tế ngoài thích du lịch sinh thái, cảnh quan, tham quan các di tích lịch sử, kiến trúc, văn hóa, lễ hội dân gian, làng nghề truyền thống, các món ăn đặc sản, hàng lưu niệm mang sắc thái địa phương khác lạ..

Với những nhu cầu trên của thị trường khách du lịch đối với ngành du lịch Hưng Yên hoàn toàn có điều kiện tổ chức và đáp ứng một cách tốt nhất.

Nếu tính, thấp nhất khoảng 0,5% lượng khách của Trung tâm du lịch Hà Nội và Hải Phòng- Quảng Ninh qua lại, dùng chân với các sản phẩm mới được đầu tư của Hưng Yên đến năm 2005 Hưng Yên có thêm 45.000 lượt khách cùng với số khách bình thường ở tốc độ tăng trưởng 25%-30%/ năm(chưa kể trong điều kiện du lịch Hưng Yên được đầu tư tốt hơn) thì tổng số khách sẽ đạt 70.000 đến 80.000 lượt. Khách lưu trú của Hưng Yên chủ yếu tập trung ở 3 nơi: TP. Hưng Yên, Phố Nối, Đa Hòa- Dạ Trạch. Như vậy, ta

thấy thị trường tiềm năng khách du lịch của Hưng Yên là rất lớn, vấn đề chính của du lịch Hưng Yên là dựa trên ưu thế về vị trí và tiềm năng của mình tạo ra các khu du lịch, các sản phẩm du lịch hấp dẫn, độc đáo để thu hút khách.

2.3.8. Thực trạng về tổ chức quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch.

Bộ máy tổ chức quản lý các hoạt động du lịch trước đây là sở Thương Mại và Du Lịch nay là Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch Hưng Yên.

Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch Hưng Yên là cơ quan trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời cũng là cơ quan hành chính nhà nước quản lý lĩnh vực du lịch và thương mại trong phạm vi tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào luật du lịch và việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử của Bộ Văn Hóa Thông Tin quyết định để thực hiện.

Trên thực tế từ khi tách tỉnh bộ máy tổ chức chưa hoàn thiện bởi hầu hết số cán bộ ở Hải Hưng chuyển sang, Đảng bộ chưa chặt chẽ. Chính vì vậy công tác quản lý và tổ chức chưa đạt hiệu quả cao. Việc đầu tư tôn tạo các di tích còn chậm, gặp nhiều khó khăn về vốn đầu tư.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch Hưng Yên tuy đã đạt được một số thành tựu, bên cạnh những ưu điểm trong việc quản lý du lịch ở Hưng Yên còn nhiều nhược điểm và hạn chế sau:

- Tuy có tên là sở Thương mại và Du lịch nay là sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch những thực chất về tổ chức là quan tâm đến sự phát triển của thương mại nhiều hơn, hạn chế trong kiểm tra, giám sát các hoạt động du lịch, đào tạo nguồn lực chưa được tiến hành thường xuyên, công tác thống kê chưa làm tốt gây khó khăn cho việc thu thập số liệu, tư liệu, khó khăn cho việc nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân.

- Trong công tác tổ chức cán bộ thì còn thiếu cán bộ quản lý về du lịch, đặc biệt là những cán bộ có trình độ cao, được đào tạo đúng chuyên ngành du lịch.

- Tuy đã có ban quản lý quy hoạch, nhưng bộ phận này hoạt động kém hiệu quả, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế còn hạn chế. Công tác chuyên môn còn nhiều tồn tại, nhất là việc thống kê, nghiên cứu. Tuyên truyền quảng bá giáo dục thì chỉ có tính khởi đầu, chất lượng chưa cao, chưa tiến hành một cách có hệ thống, thường xuyên, liên tục, đầu tư chưa tương xứng. Đây là một khó khăn lớn cho quy hoạch du lịch trong thời gian tới.

2.3.9. Các sản phẩm du lịch.

Thời gian qua du lịch Hưng Yên còn đơn điệu nghèo nàn, dựa vào du lịch lễ hội thăm các di tích là chủ yếu. Du khách đến Hưng Yên ngoài thăm các di tích hay dự lễ hội, không hề biết gì, mua gì làm kỉ niệm. Hiện tại Hưng Yên chưa xây dựng được những khu du lịch, những sản phẩm hấp dẫn, đặc thù mà thiên nhiên, lịch sử con người nơi đây đã tạo nên độc nhất vô nhị như: khu du lịch Đa Hòa –Dạ Trạch gắn với lễ hội và truyền thuyết Chử Đồng Tử - Tiên Dung, khu di tích Phố Hiến, di tích Hải Thượng Lãn Ông, Đền Ủng, Hàm Tử, Bãi Sậy.... vốn là thế mạnh du lịch văn hóa của Hưng Yên. Du lịch Hưng Yên cũng chưa tận dụng được các làng nghề thủ công truyền thống như nghề chạm bạc, nghề mây tre đan, cây thuốc quý... những nghề này khéo biết cách tổ chức, khai thác có ý nghĩa phục vụ du lịch rất tốt và biến thành sản phẩm lưu niệm cho khách. Đặc biệt ở Hưng Yên còn thiếu khách sạn, thiếu nơi hội họp, hội thảo cho nhu cầu trong nước và quốc tế, thiếu các nhà hàng ăn uống với các món ăn đặc sản như: Bún Thang Thế Kỷ, rượu Trương Xá, tương phố Bần, các đặc sản nhãn lồng, sen và các loại bánh truyền thống như bánh răng bừa.... vốn là thế mạnh của địa phương. Hưng Yên cũng còn thiếu các khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao phục vụ cho nhu cầu của nhân địa phương và du khách, vì vậy không giữ chân khách lưu trú dài ngày.

2.3.10. Công tác Marketing quảng cáo.

Các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong thời gian qua cũng đã có sự quan tâm đến quảng cáo. Hiện đã cho in những tập sách mỏng giới thiệu về các di tích, các tiềm năng du lịch lễ hội như lễ hội Đa Hòa –Dạ Trạch, lễ hội Đền Ủng....

Từ năm 1992 Tp. Hưng Yên đã tổ chức hội thảo Phố Hiến, có rất nhiều đại biểu trong và ngoài nước đến tham dự, xây dựng được một bộ phim truyền hình , “Phố Hiến Xưa” nhằm nhấn mạnh giá trị văn hóa riêng của Phố Hiến là một kho tài nguyên quý giá cho ngành du lịch địa phương.

Đặc biệt trong chương trình hành động quốc gia về du lịch, Ủy Ban Nhân Dân huyện Khoái Châu đã kết hợp với tổng cục Du Lịch tổ chức lễ hội Chử Đồng Tử -Tiên Dung vào đầu năm 2000 tại đền Đa Hòa và đền Dạ Trạch. Hàng vạn người ở những vùng phụ cận và du khách từ nhiều địa phương trong nước về dự lễ hội. Năm 2001 tổ chức Hội thảo khoa học về khu

du lịch Chủ Động Tử -Tiên Dung, đây cũng là dịp quảng cáo rất tốt cho du lịch Hưng Yên.

Tuy nhiên hoạt động Marketing quảng cáo của du lịch Hưng Yên chưa nhiều và chất lượng chưa cao, chưa có một chiến lược quảng cáo, xúc tiến phát triển du lịch, nhất là đối với một tỉnh mà ngành du lịch chỉ mới được hình thành, hình ảnh du lịch Hưng Yên chưa có trên thị trường du lịch trong và ngoài nước, nhiều khách trong khu vực và địa phương cũng chưa biết được du lịch Hưng Yên có gì hấp dẫn.

Do vậy, để du lịch Hưng Yên phát triển phải chiếm lĩnh thị trường, phải có một chiến lược về Marketing quảng cáo. Trước mắt phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng cáo du lịch, in những ấn phẩm, giới thiệu những di tích lịch sử văn hóa, những tiềm năng du lịch của tỉnh trên các thông tin đại chúng, in bản đồ du lịch, sách hướng dẫn du lịch để xâm nhập thị trường và phục vụ du khách....

2.3.11. Vốn đầu tư.

Hưng Yên là một tỉnh còn nghèo, cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung còn thiếu, yếu. Ngành du lịch hầu như chưa có gì. Điều này đặt ra nhiệm vụ cho Hưng Yên là phải nghiên cứu những giải pháp cụ thể nhằm tạo môi trường thuận lợi và khả năng thu hút đầu tư để xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao, vận chuyển khách, cơ sở sản xuất hàng lưu niệm, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và các dịch vụ khác... Đó chính là nguồn tạo doanh thu cao. Hiện nay số lượng các dự án đầu tư ở Hưng Yên chưa nhiều, chỉ có một số doanh nghiệp và vốn của Nhà nước là chính, chưa thu hút được các dự án nước ngoài vào đầu tư tại tỉnh nhà.

2.3.12. Các điểm, tuyến và một số tour du lịch điển hình của Hưng Yên.

➤ Các điểm:

Hưng Yên là một trong những tỉnh có nhiều di tích được công nhận là di tích quốc gia nhưng số di tích nổi tiếng trong cả nước không nhiều. Do vậy khóa luận này xin giới thiệu một số điểm du lịch quan trọng của Hưng Yên và cả nước.

❖ *Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế.*

* *Các điểm du lịch khu vực thành phố Hưng Yên.*

Phố Hiến: Nơi đây đã từng là một thương cảng lớn từ thế kỷ 15 -17 của

người Hoa, người Nhật, người Anh, người Bồ Đào Nha, Hà Lan đến đây lập nghiệp, buôn bán, xây dựng phố xá sầm uất, náo nhiệt một thời “Thứ nhất Kinh Kỳ thứ nhì Phố Hiến”.

Phố Hiến xưa với sự đa dạng về sắc tộc, phong phú tập quán và hết sức phong phú về lối sống, về các kiểu kiến trúc xây dựng mang phong cách Đông, Tây độc đáo trải dài 5 km suốt dọc sông Hồng bao gồm thành phố Hưng Yên, một phần huyện Tiên Lữ và huyện Khoái Châu.

Trai qua thăng trầm, biến đổi, Phố Hiến xưa chỉ còn lại trong lưu truyền hàng loạt các chứng cứ còn sót lại đến ngày nay như: Văn Miếu, Đền Mẫu, Chùa Chuông, đền Mẫu, đền Trần, chùa Mễ Châu, nhà thờ Thiên Chúa, nghĩa địa người nước ngoài... Đều là những điểm du lịch hấp dẫn. Nếu Phố Hiến được đầu tư tôn tạo thì nơi đây sẽ trở thành khu du lịch Văn hóa – Lịch sử có sức cuốn hút mạnh mẽ khách du lịch trong và ngoài nước tới đây theo các tuor du lịch tham quan, lễ hội, nghiên cứu, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, chiêm ngưỡng cảnh quan bãi bồi sông Hồng trăm năm biến hóa kỳ diệu với những đầm sen thơm ngát và thưởng thức những hoa trái tuyệt vời như: Nhãn lồng, cam

** Các điểm du lịch khu Đa Hòa –Dạ Trạch*

Phần lớn các điểm du lịch khu vực này nằm cạnh sông Hồng có cảnh quan đẹp, khí hậu trong lành, thoáng đãng, cách Hà Nội không xa, thuộc huyện Khoái Châu. Đây là khu du lịch chuyên đề khá độc đáo ,hấp dẫn của Hưng Yên gắn liền với truyền thuyết Chử Đồng Tử -Tiên Dung gồm có: Đền Dạ Trạch, đền Đa Hòa, đầm Dạ Trạch đã được nhà nước xếp hạng là một trong những di tích lịch sử văn hóa quan trọng quốc gia. Đây cũng là điểm du lịch trọng tâm của khu vực. Trong khu vực này còn có các điểm du lịch khác như : Đền Hàm Tử, chùa Mễ sở (Văn Giang)

** Các điểm du lịch khu vực Như Quỳnh –Phố Nối.*

Đây là khu đô thị mới đang trên đà phát triển mạnh của Hưng Yên, nằm dọc theo đường quốc lộ 5, liền kề với thủ đô Hà Nội –Trung tâm du lịch quốc gia. Nơi đây có các điểm du lịch quan trọng nổi bật như : Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông –nhà đại danh y lỗi lạc của dân tộc thế kỷ 18 tại làng Liên Xá huyện Yên Mỹ là điểm du lịch trọng tâm. Bên cạnh đó còn có các điểm du lịch khác như: Khu tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh , đền thờ

đanh tướng Lý Thường Kiệt (Yên Mỹ), chùa Lãng ,chùa Thái Lạc (Văn Lâm), đền Ủng (Ân Thi) thờ tướng quân Phạm Ngũ Lão...

➤ *Các khu du lịch.*

Khu du lịch là nơi tập trung nhiều loại tài nguyên với tập hợp các điểm du lịch trên một lãnh thổ trong đó hạt nhân của nó là một hoặc vài điểm du lịch có ý nghĩa trọng điểm có giá trị thu hút khách cao. Tài nguyên du lịch độc đáo, hấp dẫn nổi trội của Hưng Yên nhìn chung được phân bố tương đối tập trung ở 3 khu vực chính sau:

- Khu du lịch trung tâm thành phố Hưng Yên và phụ cận.
- Khu du lịch Phố nổi
- Khu di tích Đa Hòa –Dạ Trạch

* *Khu du lịch trung tâm thành phố Hưng Yên và phụ cận (cụm Phố Hiến)*

Đây là khu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là trung tâm du lịch của tỉnh Hưng Yên .Về không gian khu du lịch này tập trung các điểm du lịch có giá trị thuộc địa bàn các huyện, xã phụ cận như: Tiên Lữ,Kim Động. Các tài nguyên tiêu biểu của khu vực này chủ yếu là các tài nguyên nhân văn. Đây là nơi tập trung nhiều tài nguyên có ý nghĩa quốc gia như di tích Phố Hiến bao gồm: Đền Mẫu, đền Mây, đền Trần, Văn Miếu, chùa Phố, chùa Chuông, nhãn Tổ Hưng Yên và nhiều loại lễ hội làng nghề truyền thốngMặt khác thành phố Hưng Yên lại là trung tâm kinh tế ,chính thị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh . Là nơi có thể phát triển các loại hình du lịch như vui chơi giải trí, thương mại , hội nghị, hội thảo, thể thao ttrong nước và quốc tế

Các sản phẩm du lịch chính có thể khai thác ở cụm này bao gồm:

-Tham quan, nghiên cứu di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc liên quan đến Phố Hiến xưa.

- Du lịch lễ hội
- Hội nghị, hội thảo
- Thể thao , vui chơi giải trí
- Khách sạn nghỉ dưỡng
- Du lịch sinh thái cảnh quan đê sông Hồng, thăm nhãn tổ, Phố Hiến
- Du lịch đường thủy dọc sông Hồng

* *Khu du lịch khu vực Phố Nổi.*

Về không gian cụm này nằm ở phía Bắc tỉnh bao gồm thị trấn Phố Nổi,

thị trấn Như Quỳnh và phần phụ cận của các huyện Văn Lâm, Mỹ Hào, Văn Giang và Yên Mỹ. Cụm này với lợi thế nằm kế cận với thủ đô Hà Nội, ngay trên quốc lộ 5 là tuyến du lịch quốc gia trọng điểm nổi trung tâm di lịch Hà Nội –Phố Nối với trung tâm du lịch Hải Phòng –Hạ Long. Đây cũng là khu đô thị mới –Khu du lịch tập trung có nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, với dân cư đông đúc, đời sống thu nhập cao là một trong những thị trường lớn của du lịch Hưng Yên. Và cũng từ Phố Nối theo quốc lộ 39A đi thành phố Hưng Yên, thăm khu Đa Hòa –Dạ Trạch và các điểm du lịch khác trong tỉnh hết sức thuận lợi.

Các tài nguyên du lịch chính của vùng này là tài nguyên nhân văn có mật độ tập trung cao và nhiều nét đặc sắc nổi bật, có di tích đại danh y Lê Hữu Trác là hạt nhân- Trung tâm du lịch của khu. Bên cạnh đó có các điểm du lịch khác như: Đền thờ Lý Thường Kiệt, khu tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và nhiều đình chùa với kiến trúc độc đáo. Ngoài ra trong khu du lịch này còn có mỏ nước khoáng Văn Lâm, làng nghề truyền thống tương Bần, đúc đồng Cầu Nôm, chạm bạc Phù Ủng từ xưa đã nổi tiếng .

Khu này cần khai thác tổ chức các loại hình sau:

- Tham quan di tích lịch sử, kiến trúc
- Khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao.
- Khách sạn, nghỉ dưỡng cuối tuần, tắm nước khoáng Văn Lâm.
- Làng nghề đúc đồng, chạm bạc, cây dược liệu, tương Bần...
- Hội thảo, hội nghị.

* *Khu du lịch Đa Hòa –Dạ Trạch.*

Khu du lịch này nằm ở phía Đông Bắc tỉnh, bên dòng sông Hồng thuộc huyện Khoái Châu và một phần huyện Văn Giang. Tài nguyên du lịch này ngoài cảnh quan đồng quê trù phú với bờ bãi sông Hồng một vùng sinh thái thơ mộng, không khí trong lành, nơi đây còn rất nhiều di tích lịch sử văn hóa đặc sắc gắn liền với truyền thuyết Chử Đồng Tử -Tiên Dung –Một tình yêu đẹp đẽ và một tấm lòng nhân hậu. Khu này bao gồm các di tích: Đền Đa Hòa, đền Dạ Trạch thờ Chử Đồng Tử -Tiên Dung –Hồng Vân công chúa gắn với công viên Đầm Dạ Trạch là trọng tâm, ngoài ra còn có các điểm du lịch khác như: Đền Hàm Tử, chùa Mễ Sở....

Các sản phẩm du lịch chính khu này có thể khai thác:

- Tham quan đền thờ Chủ Đồng Tử, đền Dạ Trạch.
- Lễ hội Chủ Đồng Tử -Tiên Dung
- Khu vui chơi giải trí, thể thao
- Nghỉ dưỡng cuối tuần
- Du lịch sinh thái cảnh quan bãi bờ ven sông, đầm Dạ Trạch.

➤ *Các tuyến du lịch.*

Cơ sở khoa học để xác định các tuyến du lịch Hưng Yên được dựa trên một số căn cứ đảm bảo tính hấp dẫn cao cho tuyến, tuy nhiên nó cũng mang tính tương đối, cụ thể tuyến du lịch được xác định dựa vào các căn cứ sau.

- Có tài nguyên du lịch và sự hấp dẫn của cảnh quan trên toàn tuyến.
- Có các khu nghỉ ngơi, vui chơi, với khả năng thu hút khách.
- Có điều kiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật thuận lợi.
- Có môi trường trường trong sạch vệ sinh, trật tự an toàn xã hội.

Các tiêu chuẩn trên là yếu tố cơ bản tạo nên sự hấp dẫn, hài lòng, yên tâm, nó quyết định đến thời gian du lịch của khách dài hay ngắn.

Trên cơ sở nghiên cứu về phân bố các điểm du lịch hình thành các cụm du lịch chính cũng với các sản phẩm có khả năng khai thác, dựa trên hệ thống giao thông và khả năng tiếp cận ta có thể xây dựng các tuyến du lịch chính của du lịch tỉnh Hưng Yên như sau:

* *Tuyến du lịch nội tỉnh.*

- Tuyến Hưng Yên –Phố Nối –Phù Ủng (theo đường 39, quốc lộ 5)
 - + Đối tượng thăm quan chính:
 - Các di tích lịch sử văn hóa tại thành phố Hưng Yên – Phố Hiến
 - Di tích Hải Thượng Lãn Ông
 - Đền thờ Lý Thường Kiệt
 - Khu tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh
 - Đền Phù Ủng
 - Tắm nước nóng Văn Lâm
 - Làng nghề tương Bần
 - Làng nghề cây thuốc...
 - + Thời gian thăm quan 1 -2 ngày phụ thuộc vào các điểm tham quan phụ.
 - + Địa điểm lưu trú: Các khách sạn tại Phố Nối, Như Quỳnh, các khách sạn tại thành phố Hưng Yên.

- Tuyến du lịch Hưng Yên Đa Hòa –Dạ Trạch (theo quốc lộ 39A –TL199 –TL206)

+ Các đối tượng thăm quan chính:

- Các di tích lịch sử tại thành phố Hưng Yên –Phố Hiến
- Thăm các di tích lịch sử, văn hóa Đa Hòa –Dạ Trạch
- Lễ hội Chử Đồng Tử -Tiên Dung.
- Thăm đầm Dạ Trạch
- Làng gốm Xuân Quan
- Du lịch sinh thái cảnh quan sông Hồng.

+ Thời gian thăm quan 1 -2 ngày phụ thuộc vào các điểm thăm quan phụ.

+ Địa điểm lưu trú : Tại khu nghỉ dưỡng cuối tuần Đa Hòa –Dạ Trạch , các khách sạn tại thành phố Hưng Yên

- Tuyến du lịch sinh thái đê sông Hồng Thành phố Hưng Yên – Đa Hòa –Dạ Trạch – Xuân Quan:

+ Các đối tượng thăm quan chính:

- Các di tích lịch sử, lễ hội tại thành phố Hưng Yên ,Phố Hiến
- Cảnh quan đê sông Hồng
- Đầm Dạ Trạch
- Các di tích lịch sử, văn hóa Đa Hòa –Dạ Trạch.
- Lễ hội
- Làng nghề Xuân Quan...

* Các tuyến du lịch liên tỉnh.

- Tuyến thành phố Hưng Yên –Phố Nối –Hà Nội.

- Tuyến thành phố Hưng Yên –Phố Nối –Hải Dương –Hải Phòng –Hạ Long

- Tuyến thành phố Hưng Yên –Hải Dương –Hải Phòng –Hạ Long

- Tuyến thành phố Hưng Yên –Hà Nam –Hoa Lư –Tam Cốc Bích Động

- Tuyến du lịch sinh thái trên sông Hồng.

-Thành phố Hưng Yên –Đa Hòa –Dạ Trạch –Hà Nội

- Thành phố Hưng Yên – Thái Bình –Nam Định.

➤ Một số tour du lịch điển hình.

Chương trình 1: Du lịch tổng hợp

(3 ngày hai đêm phương tiện ô tô)

Ngày 1:

- Sáng : 7h 30 xuất phát từ Hà Nội theo quốc lộ 5 đi Hưng Yên. Thăm làng nghề đúc đồng Cầu Nôm (Văn Lâm), chùa Thái Lạc(Văn Lâm), làng nghề tương Bần (mỹ Hào). Ăn trưa tại Phố Nối.

- Chiều: Thăm khu di tích Hải Thượng Lãn Ông –Lê Hữu Trác, đền thờ Lý Thường Kiệt(Yên Mỹ). Về Phố Hiến (thành phố Hưng Yên).

- Tối: Nghỉ tại khách sạn hoặc nhà nghỉ tại thành phố Hưng Yên. Tự do dạo chơi, ngắm cảnh phố phường, hồ Bán Nguyệt, thưởng thức đặc sản địa phương, nghe hát chèo tại sân khấu đoàn chèo tỉnh Hưng Yên hoặc hát ả đào do cộng đồng địa phương biểu diễn.

Ngày 2:

- Sáng: Thăm quan quần thể di tích lịch sử Phố Hiến: Bến đá, chùa Chuông, đền Mây, phố khách, Văn Miếu Xích Đằng...Mua sắm quà lưu niệm

- Chiều: 16h00 lên xe về Khoái Châu.

- Tối: Nghỉ tại các trang trại thuộc huyện Khoái Châu. Giao lưu văn nghệ với dân cư địa phương, nghe hát trống quân, hát ả đào.

Ngày 3:

- Thăm quan đền Chủ Động Tử -Tiên Dung, đền hóa Dạ Trạch, đầm Dạ Trạch, di tích Hàm Tử, ngắm cảnh quan đê sông Hồng.

- Chiều: Tự do thăm thú cảnh quan nông thôn, thưởng thức đặc sản, mua quà lưu niệm, tham gia các hoạt động vui chơi giải trí. Thể thao, câu cá thư giãn, thưởng thức hoa quả tại trang trại. 17h00 về Hà Nội, kết thúc chuyến đi.

Chương trình 2: Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cuối tuần.

Ngày 1:

- Sáng 7h.00 xuất phát từ Hà Nội đi Khoái Châu, Hưng Yên bằng phương tiện xe đạp. Thăm đền Chủ Động Tử -Tiên Dung, đền hóa Dạ Trạch, di tích Hàm tử.

11h.30 dừng chân tại các trang trại thuộc huyện Khoái Châu ăn trưa và nghỉ ngơi.

- Chiều : Tự do câu cá, thưởng thức hoa trái trong trang trại, tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, tự nấu ăn lấy.

Ngày 2:

- Sáng: Tự do mua sắm, thăm thú cảnh quan nông thôn, bãi bồi sông Hồng,

thường thức các đặc sản trong vùng: Bánh dày, bánh khúc, bánh tẻ, chả gà...

- Chiều: Thăm làng hoa Phụng Công, làng gốm Xuân Quan (Văn Giang), mua các sản phẩm của làng nghề lam qua lưu niệm. 17h.00 về Hà Nội, kết thúc chuyến đi.

Chương trình 3: *Du lịch giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên (một ngày, bằng ô tô)*

Sáng:

- 7h.00 : xuất phát từ Hà Nội theo quốc lộ 5 đi Hưng Yên.

- 8h.00: Thăm khu tưởng niệm cố Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh (Giai Phạm –Mỹ Hào)

- 9h.00: Thăm khu di tích Hải Thượng Lãn Ông –Lễ Hữu Trác (Yên Mỹ)

- 10h.00: về thăm đền Lý Thường Kiệt (Yên Mỹ)

- 11h.00: Ăn trưa tại nhà hàng dọc theo đường 39A

Chiều

- 14h.00: Thăm đền hóa Dạ Trạch, đền Chử Đồng Tử -Tiên Dung, ngắm cảnh quan bãi bồi sông Hồng.

- 16h.00: về Hà Nội kết thúc chuyến đi.

*** *Đánh giá chung thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên.***

Hưng Yên là một tỉnh có vị trí thuận lợi cho phát triển kinh tế cũng như phát triển du lịch, là tỉnh tập trung nhiều các di tích trong đó có những di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia, có nhiều làng nghề, món ăn độc đáo ... Đó là những điều kiện tốt cho du lịch tỉnh nhà.

Trong thời gian qua hoạt động du lịch của tỉnh bên cạnh những ưu điểm đạt được còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

❖ Những ưu điểm.

+ Nhờ việc khai thác mà số lượng các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội, các làng nghề được đưa vào phục vụ cho hoạt động du lịch tăng lên rõ rệt, việc khai thác đi đôi với tôn tạo bảo vệ. Làm tăng sức hấp dẫn của các điểm du lịch, đặc biệt là các di tích lịch sử.

+ Việc khai thác hợp lý, tạo được nhiều tour du lịch, nhiều loại hình du lịch làm cho số lượng khách đến Hưng Yên năm sau nhiều hơn năm trước. Doanh thu từ du lịch tăng góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh phát triển.

+ Việc khai thác các tài nguyên mà đã làm cho các giá trị được bảo tồn, phát huy giúp cho mọi thế hệ hiểu về lịch sử dân tộc, đây cũng là dịp quảng bá hình ảnh đến với du khách.

+ Đã tạo ra được nhiều sản phẩm du lịch mới mẻ, mang đặc trưng riêng của tỉnh, phát triển du lịch làng nghề kết hợp với văn hóa ẩm thực. Đã làm cho du khách thấy ấn tượng và mang lại hiệu quả tốt.

+ Việc khai thác các di tích tại các nơi có nguồn tài nguyên, đã tạo công việc, tăng thu nhập cho người dân, cải thiện đời sống. Kích thích người dân cùng tham gia du lịch

❖ Những hạn chế.

+ Khai thác chưa đi đôi với đầu tư tôn tạo, nhiều di tích đã bị xuống cấp, khung cảnh tự nhiên bị phá vỡ VD chùa Đa Lộc đường vào chùa trước đây có hai hồ sen ở hai bên, nay đã bị san lấp để xây các quầy bán đồ lưu niệm, làm mất đi vẻ đẹp vốn có.

+ Hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách. Ngành du lịch tỉnh chưa có hệ thống tàu thuyền du lịch riêng, đội xe vận chuyển khách rất hạn chế về số lượng và chất lượng, các nhà hàng còn thiếu chỉ có riêng hai nhà trong khách sạn Phố Hiến là đủ tiêu chuẩn phục vụ khách còn các quán ăn khác quy mô nhỏ, chưa đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, trình độ phục vụ kém. Điều này gây khó khăn trong việc khai thác.

+ Chưa khai thác hết các tài nguyên du lịch, mới chỉ khai thác các di tích và lễ hội còn cảnh quan sông hồng, các làng nghề, điệu hát... chưa được khai thác nhiều

+ Khai thác thiếu cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích đầu tư phát triển và quản lý đồng bộ. Ở Hưng Yên, các nhà đầu tư rất khó tiến hành các dự án đầu tư du lịch vì thủ tục xét duyệt dự án mất nhiều thời gian và thiếu cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư.

+ Việc khai thác chưa có sự phối hợp giữa các địa phương. Sản phẩm du lịch ở các địa phương thường giống nhau, địa phương này là chùa sang địa phương khác cũng là chùa. Các địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ để tính đến nét riêng của từng điểm du lịch.

+ Sản phẩm còn đơn điệu, chưa mang tính độc đáo, hấp dẫn du khách

, chủ yếu là du lịch nhân văn các làng nghề, món ăn truyền thống chưa được khai thác triệt để nhằm tạo ra sản phẩm du lịch mới lạ và hấp dẫn.

+ Khai thác tài nguyên du lịch tự phát, thiếu quy hoạch và quy hoạch chưa phù hợp do việc quy hoạch chưa nghiên cứu, điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch về số lượng, giá trị tài nguyên, chưa chỉ ra được cần khai thác như thế nào, khai thác ở mức nào và phát triển hình du lịch gì dẫn đến sản phẩm còn đơn điệu. Nên số ngày khách lưu trú không nhiều

+ Các khu vui chơi giải trí thể thao, khu du lịch chậm được đầu tư. Nguồn vốn đầu tư còn qua ít chỉ có một vào doanh nghiệp đầu tư chưa thu hút được sự đầu tư của các cá nhân tổ chức, đây cũng là một hạn chế làm cho thời gian và mức chi tiêu của du khách giảm đi. Trong thời gian tới tỉnh cần có những hình thức khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào du lịch của tỉnh nhiều hơn, tạo ra được môi trường đầu tư tốt để từ đó thúc đẩy du lịch của tỉnh phát triển

+ Hạn chế trong về năng lực cạnh tranh và cung ứng dịch vụ du lịch nguyên nhân là do đội ngũ nhân viên phục vụ cho ngành du lịch bởi hiện tại nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về ngành du lịch và khách sạn còn qua ít, các ngành liên quan phải kiểm tra, giám sát quản lý chặt chẽ để đề ra các định hướng và giải pháp tối ưu nhất giúp ngành đi lên. Hi vọng rằng trong những năm tới du lịch Hưng Yên sẽ khắc phục được những hạn chế để phát triển tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

TIÊU KẾT CHƯƠNG II

Chương 2 của khóa luận đi sâu vào việc tìm hiểu, trình bày và phân tích những nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh Hưng Yên. Qua việc tìm hiểu và phân tích này có thể đánh giá sơ bộ về tiềm năng cũng như khả năng phát triển di lịch của tỉnh. Từ những tiềm năng khoa luận cũng trình bày thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng và tài nguyên du lịch của tỉnh nói chung, để từ đó ta có cái nhìn rõ hơn về ngành du lịch của tỉnh, những mặt mạnh và những hạn chế cần khắc phục, từ đó có những giải pháp tốt nhất nhằm khai thác tốt nguồn tài nguyên này của tỉnh.

Hưng Yên có rất nhiều di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt có một số di tích được xếp hạng quốc gia, hơn nữa Hưng Yên còn có đê sông Hồng với cảnh quan sinh thái hấp dẫn, không khí trong lành và một số đặc sản. Vì vậy kết hợp du lịch văn hóa và du lịch sinh thái sẽ tạo thành một tổng thể tương đối vững chắc cho sự phát triển du lịch của tỉnh.

Tuy nhiên thực trạng khai thác các tài nguyên chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Số lượng các di tích, làng nghề... được khai thác phục vụ cho du lịch còn qua ít. Số lượng khách đến Hưng Yên cũng như doanh thu từ hoạt động du lịch trong những năm qua tuy có tăng nhưng vẫn còn ít. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu. Đội ngũ lao động còn qua ít. Mặt khác công tác quảng cáo chưa được chú trọng. Sản phẩm du lịch còn nghèo chức đủ sức hấp dẫn thu hút khách ở dài ngày... Vấn đề đặt ra cho du lịch Hưng Yên là trong thời điểm hiện tại phải coa những định hướng cũng như những giải pháp tối ưu nhằm đưa du lịch của tỉnh lên tương xứng với tiềm năng của vùng và thực sự trở thành một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng.

CHƯƠNG III:

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH HƯNG YÊN CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2009-2015.

3.1. Mục tiêu phát triển du lịch.

➤ *Mục tiêu chiến lược:*

- Mục tiêu kinh tế: Tối ưu hóa sự đóng góp của ngành du lịch vào thu nhập của tỉnh góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành vào những năm đầu của thế kỷ 21 để du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

- Mục tiêu an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội: Phát triển du lịch Hưng Yên nhằm thu hút khách du lịch đến với địa phương nhưng phải gắn với an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

- Mục tiêu văn hóa xã hội: Phát triển du lịch phải gắn liền với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đặc trưng của địa phương, bảo tồn được môi trường nhân văn trong sạch, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, chống tệ nạn xã hội, cùng với phát triển du lịch quốc tế, đẩy mạnh phát triển du lịch nội địa, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, thăm viếng, tham quan du lịch của nhân dân, góp phần cải thiện nâng cao đời sống cho dân chúng địa phương.

- Mục tiêu môi trường: Phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường, sinh thái bền vững có kế hoạch và cơ chế quản lý phù hợp với việc tôn tạo, khai thác các di sản thiên nhiên, môi trường, đặc biệt những danh thắng cảnh.

- Mục tiêu phát triển: nhanh chóng quy hoạch tổng thể du lịch tỉnh, cung cấp thông tin, tư liệu, những định hướng chiến lược để khuyến khích, hỗ trợ cho sự phát triển, xúc tiến lập kế hoạch phối hợp giữa các ban ngành tạo đà vững chắc cho du lịch phát triển.

➤ *Mục tiêu cụ thể:*

- Tốc độ tăng trưởng bình quân về lượng khách du lịch, giai đoạn 2006-2010: 17%/ năm, trong đó khách quốc tế tăng 21%; khách trong nước tăng

15,6%; tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch 21%/ năm.

- Đóng góp GDP: Tăng tỷ trọng GDP của du lịch lên chiếm khoảng 7% so với GDP của tỉnh vào năm 2010.

- Khách du lịch: Phần đầu đón được 2,5 triệu lượt khách: Khách do các cơ sở lưu trú phục vụ 50 vạn lượt khách (trong đó khách quốc tế 13 vạn người, khách nội địa 42 vạn), khách không lưu trú 2,2 triệu lượt người.

- Số phòng khách quốc tế: 1100 phòng, số phòng khách sạn nội địa: 2620 phòng, công suất sử dụng phòng đạt 45%.

- Tăng thời gian lưu trú từ 1,0 ngày năm 2005 tăng 1,6 ngày vào năm 2010.

- Tổng doanh thu du lịch: 600 tỷ đồng trở lên.

Ngoài ra tỉnh sẽ đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch, tăng cường hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố khác

3.2. Định hướng.

3.2.1. Cơ sở để định hướng:

Dự báo mức độ tăng trưởng của ngành du lịch Hưng Yên trong những năm tới dựa trên những căn cứ cụ thể sau:

- Nghị quyết Đại hội tỉnh Hưng Yên lần thứ XIV, XV.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Hưng Yên thời kỳ 1996-2010 và một số định hướng chiến lược đến năm 2020, ngành dịch vụ trong đó có du lịch ngành kinh tế chiếm vị trí rất quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hưng Yên đến năm 2010 và một số định hướng đến năm 2020.

- Tiềm năng du lịch và các nguồn lực khác của tỉnh

- Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2001 -2010 và định hướng đến 2020

- Hiện trạng tăng trưởng dòng khách du lịch quốc tế và nội địa đến Hưng Yên, đến trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận, đến vùng du lịch Bắc Bộ và đến cả nước. Hiện trạng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch của Hưng Yên.

- Xu hướng của dòng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 2000-2010 trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập cùng với thế giới.

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

- Nhu cầu của dòng khách du lịch nội địa trong bối cảnh nền kinh tế nước ta ổn định, đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên.

- Các dự án đầu tư cả trong và ngoài nước về du lịch và các ngành liên quan đến du lịch ở Hưng Yên và các tỉnh phụ cận đã được cấp giấy phép và các dự án trong kế hoạch kêu gọi đầu tư.

3.2.2. Khách du lịch

- Khách du lịch quốc tế đến Hưng Yên bằng nhiều con đường khác nhau, nhưng chủ yếu là theo đường bộ từ Hà Nội –Trung tâm phân phối khách lớn nhất phía Bắc, từ Hải Phòng, Quảng Ninh. Hiện nay số khách đến Hưng Yên đạt mức tăng trưởng khá song còn hạn chế về số lượng.

Năm 2010 số khách quốc tế đi trong ngày (khách thăm quan) đến Hưng Yên ước tính đạt 212,2 ngàn lượt. Chủ yếu là khách thăm quan Phố Hiến, các di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc và các lễ hội dân gian, làng nghề truyền thống. Đây là đối tượng khách có tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ đạt 9 -10/năm sau năm 2010. Khách quốc tế nghỉ qua đêm tại Hưng Yên chiếm tỷ lệ thấp. Dự kiến đến năm 2010 đạt 9,2 ngàn lượt và sẽ đạt mức tăng trưởng khoảng 11 -12%/năm giai đoạn sau 2010.

Bảng 10: Dự báo khách du lịch đến Hưng Yên Thời kỳ 2010 -2020

Hạng mục		ĐVT	2010	2020
Tổng số lượt khách đến		Ngàn	1845,4	4121,9
Tổng số khách thăm quan, trong đó:		”	1676,2	3615,5
- Khách tham quan quốc tế		”	212,2	510,8
- Khách tham quan nội địa		”	1464,1	3104,7
Tổng số khách lưu trú, trong đó:		”	169,2	506,4
Khách quốc tế	Tổng số lượt khách	”	9,2	26,4
	Ngày lưu trú trung bình	”	2,0	2,0
	Tổng số ngày khách	”	18,4	52,8
Khách nội địa	Tổng số lượt khách	”	160,0	480,0
	Ngày lưu trú trung bình	”	2,0	2,0
	Tổng số ngày khách	”	320,0	960,0

Nguồn: Sở Thương Mại Và Du Lịch Hưng Yên

Như vậy dự báo năm 2010 Hưng Yên có khả năng đón được 212,2 ngàn

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

lượt đến thăm quan và 9,2 ngàn lượt đến lưu trú. Các con số tương ứng cho năm 2020 là 510.8 ngàn lượt và 26,4 ngàn lượt.

- Khách du lịch nội địa đến Hưng Yên chủ yếu từ Hà Nội, các tỉnh lân cận và dân địa phương với mục đích tham quan các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, công vụ. Dự kiến năm 2010 sẽ đón khoảng 1.464,1 ngàn lượt và 160,0 ngàn lượt khách lưu trú và đến năm 2020 đạt khoảng 3,104,0 ngàn lượt khách nội địa và 480,0 ngàn lượt khách lưu trú. Số khách trên chủ yếu được phân bố ở ba nơi: Khu vực thành phố Hưng Yên chiếm 50% -60% , khu vực Phố Nối 30% -40%, khu vực Đa Hòa 20% -30%.

3.2.3. Cơ sở lưu trú.

Bảng 11: Dự báo nhu cầu khách sạn của Hưng Yên thời kỳ 2010 -2020

Đơn vị tính: Phòng

Nhu cầu khách sạn	2010	2020
Nhu cầu cho khách quốc tế	60	170
Nhu cầu cho khách nội địa	340	1.170
Tổng cộng	400	1.340

Nguồn: Sở Thương Mại và Du Lịch Hưng Yên.

Để đảm bảo cơ sở lưu trú cho du lịch đến Hưng Yên từ nay đến năm 2020, vấn đề dự báo và đầu tư xây dựng khách sạn là hu cầu rất quan trọng. Việc dự báo nhu cầu khách sạn có mối quan hệ chặt chẽ với số lượng khách, với số ngày lưu trú của khách, với công suất sử dụng phòng trung bình.

Dự kiến đến năm 2010 tỉnh Hưng Yên cần khoảng 400 phòng trong đó có 60 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng và năm 2020 là 1.340 phòng trong đó có 170 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng. Trên địa bàn tỉnh có 3 nơi cần xây dựng thêm khách sạn là: Thành phố Hưng Yên khoảng 50% -60%, khu vực Phố Nối 30% -40%, khu vực Đa Hòa 20% -30% trong tổng nhu cầu về khách sạn đến năm 2010. Riêng khu Đa Hòa nên xây dựng nhà nghỉ cuối tuần, nhà nghỉ dân dã. Nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng mọi nhu cầu cho khách du lịch.

3.2.4. Nhu cầu lao động.

Dựa vào nhu cầu lao động tính bình quân cho một phòng khách sạn của cả nước và khu vực là 2,0 lao động trực tiếp cũng như số lao động gián tiếp kèm theo (một lao động trực tiếp kèm theo 2,2 lao động gián tiếp), các tính

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

toán về nhu cầu lao động trong du lịch của Hưng Yên thời kỳ 2010 -2020 được trình bày ở bảng sau:

Bảng 12: Dự báo nhu cầu lao động trong du lịch của Hưng Yên thời kỳ 2010 -2020.

Loại lao động	2010	2020
Lao động trực tiếp trong du lịch	800	2.700
Lao động gián tiếp ngoài du lịch	1.760	5.900
Tổng cộng	2.560	8.600

Nguồn: *Sở Thương Mại và Du Lịch Hưng Yên*

Với nhu cầu lao động như trên, Hưng Yên cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn lực cho các thời kỳ nhằm đảm bảo nhu cầu lao động cho ngành du lịch của tỉnh.

3.3.Những giải pháp chủ yếu nhằm khai tài nguyên du lịch nói chung và tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng cho phát triển du lịch giai đoạn 2009 -2015.

3.3.1. Tăng cường công tác bảo tồn và tôn tạo các di tích Văn hóa-Lịch sử vật thể và phi vật thể.

Các di tích lịch sử văn hóa nói riêng và tài nguyên nhân văn nói riêng có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách, đặc biệt là khách quốc tế. Tuy vậy đặc trưng cơ bản của tài nguyên nhân văn là dễ bị tổn hại trước các tác động của con người và thiên nhiên, khó khôi phục lại được các giá trị ban đầu. Vì vậy cần có sự kết hợp hài hòa giữa khai thác và đầu tư tôn tạo nhằm giữ gìn được những bản sắc văn hóa dân tộc qua những sản phẩm du lịch.

Tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể là nền tảng, là cơ sở để thực hiện hoạt động du lịch. Vì vậy trước hết phải có ý thức bảo vệ, tuyên truyền giáo dục trong nhân dân có trách nhiệm bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa ở địa phương mình. Cần tăng cường mọi khả năng, kêu gọi nguồn lực vốn từ trung ương đến địa phương, từ các cơ quan hữu quan đến các tầng lớp nhân dân, từ các tổ chức trong nước đến các tổ chức ngoài nước để trùng tu tôn tạo các hạng mục đã bị xuống cấp và xây dựng các hạng mục đã bị phá hủy. Việc trùng tu phải hợp lý nhằm giữ được nét kiến trúc ban đầu, việc xây dựng mới một số công trình phải có hòa hợp giữa kiến trúc mới và kiến trúc cũ. Đồng thời cũng không tách rời cảnh quan môi trường vì chính môi trường này lại

hòa nhập tác động tới di tích và tạo ra những đặc điểm mới, những nét riêng biệt độc đáo của di tích. Nếu bị tách rời môi trường lịch sử vốn có từ khi mới xây dựng, di tích sẽ bị tước bỏ một phần giá trị và việc cảm thụ của du khách đối với di tích không còn chọn vẹn nữa.

Trong qua trình bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, các giá trị văn hóa phi vật thể phải được tôn trọng, giữ gìn văn hóa truyền thống, tiến hành trưng bày hiện vật giả, cất giữ hiện vật thật. Việc trùng tu các di tích lịch sử văn hóa và các cổ vật phải được tiến hành kịp thời, tránh việc xuống cấp nghiêm trọng mới trùng tu, vừa gây lãng phí, vừa làm giảm giá trị của di tích và cổ vật.

Kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa phi vật thể trên cơ sở vừa giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc vừa kết hợp có chọn lọc những tinh hoa của nhân loại. Đối với Hưng Yên cần có những nghiên cứu đánh giá, chọn lọc kỹ lưỡng những giá trị văn hóa phi vật thể có thể đưa vào khai thác trong hoạt động du lịch.

Đối với các loại hình nghệ thuật dân gian cần phục hồi phát huy những điệu hát dân gian đặc biệt là nghệ thuật chèo, múa tứ lâm, múa tứ linh.

Cần quan tâm gìn giữ, khôi phục các món ăn dân dã, vừa độc đáo, hợp khẩu vị từng loại du khách.

Sản phẩm thủ công cần được bày bán tại các cửa hàng lưu niệm mang đặc trưng phong cách Hưng Yên và cần được sản xuất nhiều hơn, đa dạng hơn.

Khôi phục xây dựng lại các dãy phố cổ, phường thủ công để bán các loại hoa quả, các đồ sơn mài, các loại nón cho du khách.

Quy hoạch , xây dựng một kết cấu làng xóm truyền thống, có thể có làng ven sông, hoặc làng sông nước hoàn toàn

Công việc trùng tu tôn tạo phải giữa được vệ sinh môi trường, không bị ô nhiễm, phá hủy cảnh quan xung quanh.

3.3.2. Đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, đa dạng.

Sản phẩm du lịch gần nhau thường giống nhau gây nên sự nhàm chán không hấp dẫn được du khách. Cần nghiên cứu đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, giàu tính địa phương phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của khách du lịch.

Tập trung chính vào ba khu du lịch trọng điểm, tạo ra các sản phẩm độc

đảo: Phục hồi lại Phố Hiến xưa, khu đầm Dạ Trạch; khu vui chơi giải trí, tập luyện thi đấu thể thao (Thành phố Hưng Yên, Phố Nối, Đa Hòa –Dạ Trạch); nhân lồng, đồng sen, vườn cây thuốc Hải Thượng Lãn Ông, làng sinh thái vườn vôi, ao cá (Phố Nối), tương Bần, các sản phẩm văn hóa dân gian: Hát chèo, hát ả đào, hát trống quân...

Để du lịch Hưng Yên ngày càng hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách gần xa, ngoài việc quy hoạch khoa học những điểm du lịch trên địa bàn tỉnh, những giải pháp cho việc tổ chức bộ máy quản lý về du lịch những vấn đề có liên quan, việc đề ra những giải pháp cho môi trường tại điểm đến xanh –sạch đẹp cần có chiến lược đa dạng hóa chất lượng sản phẩm du lịch tại đây. Sản phẩm du lịch tại Hưng Yên không những đa dạng về chất lượng mà chất lượng phải được nâng cao. Trong thời buổi cạnh tranh gay gắt việc tạo ra một sản phẩm dịch vụ mang tính đặc trưng độc đáo có giá trị rất to lớn trong việc hấp dẫn du khách. Tuy vậy trên thực tế sản phẩm du lịch của Hưng Yên còn thiếu, đơn điệu về chủng loại, chưa thực sự hấp dẫn thu hút du khách. Vì vậy nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Hưng Yên. Dưới đây là một số giải pháp nhằm tạo ra sự hấp dẫn cho sản phẩm du lịch Hưng Yên:

- Dịch vụ lưu trú: Cần đa dạng hơn dịch vụ này, đặc biệt là nên xây dựng nhu nhà nghỉ của khách sạn Phố Hiến. Thành khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế thì mới thu hút được khách quốc tế. Nâng cao và sử chữa phòng ngủ của khách sạn để nâng tổng số phòng kép kín khoảng 50 phòng đạt tiêu chuẩn. Việc xây dựng các khách sạn mới cần đầu tư theo từng giai đoạn, khách sạn phải mang tính hoàn thiện, hiện đại, kiến trúc hài hòa.

- Dịch vụ ăn uống: Dịch vụ ăn uống chưa phong phú, món ăn còn đơn điệu. Các nhà hàng, quán ăn phải đảm bảo chất lượng vệ sinh thực phẩm. Hưng yên nên khai thác các món ăn của tỉnh như: cua, lươn, ốc...

- Dịch vụ vận chuyển còn qua ít, Hưng Yên nên thành lập công ty vận chuyển khách du lịch với các phương tiện sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu của du khách.

- Dịch vụ hướng dẫn: Đội ngũ hướng dẫn viên nhiệt tình đang được đào tạo nhưng trình độ ngoại ngữ còn rất yếu kém nên không đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu thông tin về di tích của du khách. Cần phải cấp tốc học tập và nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Dịch vụ bổ xung:

+ Dịch vụ vui chơi giải trí: Hưng yên hiện nay mới có một vài dịch vụ quen thuộc như hát karaoke, bóng bàn ít người sử dụng, chưa có sân tennis. Đặc biệt ở thành phố Hưng Yên để khắc phục tình trạng này trong thời gian tới cần triển khai xây dựng các khu vui chơi xung quanh hồ Bán Nguyệt như bơi thuyền, đạp xe nước, cắm trại ,câu cá và tổ chức các trò chơi có thưởng để đưa vào phục vụ du khách.

+ Dịch vụ bán đồ lưu niệm cần khai thác sản phẩm cổ truyền mang dấu ấn quê hương mà Hưng Yên có như nhãn lồng, long nhãn, hạt sen, mật ong, hương, nến... cho du khách nói chung và du khách thực hiện nghi lễ về tâm linh nói riêng. Phải tiến hành xây dựng những quầy hàng có kiểu dáng kiến trúc đẹp, hài hòa với cảnh quan. Giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương, những người tham gia vào hoạt động này phải trung thực, niềm nở, hiếu khách, văn minh lịch sự, hàng hóa phải có niêm yết giá để tránh tình trạng ép giá, chèo kéo du khách.

+ Dịch vụ y tế: Tại các điểm du lịch thì sự an toàn của du khách được đặt lên hàng đầu. Nhưng hiện nay y tế chưa được quan tâm. Vấn đề đặt ra là các nhà nghỉ, khách sạn, ban quản lý di tích phải quan tâm hơn nữa, bởi nó không chỉ liên quan đến doanh thu mà còn liên quan đến uy tín của khu du lịch để tiến hành sơ cấp cứu kịp thời cho những du khách có sức khỏe yếu.

3.3.3. Tuyên truyền quảng cáo cho các tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng và tài nguyên du lịch nói chung và sản phẩm du lịch.

Đầu tư cho công tác nghiên cứu, định hướng thị trường khách du lịch luôn là việc làm cần thiết. Từ đó mới đưa ra các phương thức tuyên truyền quảng bá phù hợp, góp phần tiêu thụ nhanh chóng các sản phẩm du lịch, tăng nhanh hiệu quả kinh doanh du lịch. Tuy nhiên cần đưa vào nội dung tuyên truyền quảng bá có trách nhiệm.

Huy động vốn của các doanh nghiệp du lịch và vốn ngân sách nhà nước cho công tác quảng cáo các sản phẩm du lịch đặc thù của Hưng Yên: khu di tích Đa Hòa –Dạ Trạch, lễ hội Chử Đổng Tử -Tiên Dung, khu Hải Thượng Lãn Ông (với thuốc nam chữa bệnh), đền Phù Ủng, du lịch sinh thái sông Hồng, sinh thái đồng quê vườn nhãn, đồng sen, kiến trúc văn hóa dân gian... bằng các loại hình quảng cáo: Xuất bản tờ rơi, sách mỏng, băng hình, truyền

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

thanh, truyền hình, quảng cáo tầm lớn ở những nơi công cộng quan trọng, triển lãm, hội chợ...

3.3.4. Tập trung vào một số dự án ưu tiên đầu tư để khai thác tốt hơn và có hiệu quả tài nguyên du lịch ở Hưng Yên.

3.3.4.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Mục đích-sản phẩm du lịch điểm hình	Vốn đầu tư (Triệu USD)	
				2001-2005	2006-2020
1	Đào tạo nguồn nhân lực	Thành phố Hưng Yên	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,50	5,00
2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng đến các khu, điểm du lịch	Liên huyện	Tạo những thuận lợi nhất để tiếp cận, khai thác tiềm năng du lịch	5,50	20,00
3	Trung tâm du lịch Phố Hiến và phụ cận	Thành phố Hưng Yên	Nghỉ dưỡng, VCGT thể thao, tham quan di tích LSVH, làng nghề	1,70	65,00
4	Cụm du lịch và dịch vụ Phố Nối Hải Thượng Lãn Ông và phụ cận	Phố Nối	Tham quan, hội nghị, nghỉ dưỡng, sinh thái	1,50	55,00
5	Khu du lịch Hàm tử, Bãi Sậy, Đa Hòa – Dạ Trạch	Văn Giang Khoái Châu	Tham quan, lễ hội, VCGT thể thao, sinh thái, cuối tuần	1,30	45,00
6	Trùng tu một số di tích lịch sử văn hóa kết hợp dịch vụ du lịch	Các điểm có di tích quan trọng	Du lịch văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, nghiên cứu	1,00	30,00
7	Tuyên truyền quảng bá du lịch	Các nơi công cộng, các TT du lịch	Xuất bản tờ gấp, sách mỏng, truyền thanh, truyền hình, quảng cáo tầm lớn	0,2	5,00
			Tổng vốn đầu tư	11,70	140,00

Nguồn: sở Thương Mại và Du Lịch Hưng Yên.

3.3.4.2. Mô tả một số dự án ưu tiên đầu tư:

Dự án 1: Phát triển nguồn nhân lực:

Du lịch là một ngành kinh tế du lịch tổng hợp, do vậy chất lượng của các sản phẩm và dịch vụ du lịch phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng nguồn nhân lực du lịch. Thực tế phát triển du lịch trên phạm vi toàn quốc đã chỉ ra rằng chất lượng nguồn nhân lực du lịch nước ta chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và Hưng Yên cũng không phải là ngoại lệ. Chính vì vậy, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch là dự án cần được ưu tiên số một và đầu tư liên tục, lâu dài.

Để đáp ứng được yêu cầu bức xúc trên, cần có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới và đào tạo lại, nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công nhân viên hiện đang công tác trong ngành thuộc các khu vực Nhà Nước và tư nhân. Cụ thể là rà soát, điều tra phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn thể cán bộ nhân viên và lao động hiện đang làm việc trong ngành du lịch của tỉnh để từ đó đưa ra một kế hoạch đào tạo cụ thể các cấp trình độ chuyên ngành.

Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn định kỳ phục vụ mọi đối tượng doanh nghiệp du lịch của tỉnh. Giảng viên là những chuyên gia trong ngành và các giáo viên từ các chuyên ngành, kể cả các chuyên gia nước ngoài đang công tác tại Việt Nam.

Khuyến khích và ưu tiên đào tạo nghiệp vụ du lịch ở trình độ đại học và trên đại học, tạo lực lượng nòng cốt phục vụ quản lý du lịch của Hưng Yên, chú trọng đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch giỏi về ngoại ngữ nhất là tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Anh, giỏi về ứng xử, giao tiếp hiểu biết văn hóa, lịch sử.

Tăng cường trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua các chuyến công tác, khảo sát và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học với các tỉnh bạn và các nước có ngành du lịch phát triển.

Xúc tiến một chương trình nâng cao hiểu biết của nhân dân về du lịch, khuyến khích nhân dân cùng tham gia.

Vốn đầu tư 20 triệuUSD

Dự án 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng đến các khu du lịch:

a. *Lợi ích:* Việc nâng cấp cơ sở hạ tầng đến các khu du lịch sẽ đem lại

các lợi ích như sau:

- Tăng sức hút của các điểm khu du lịch, tạo thuận lợi cho khách du lịch
- Kích thích , thu hút vốn đầu tư vào các điểm khu du lịch đó
- Phục vụ dân sinh
- Phòng chống lụt lội

b. Các tuyến đường dự kiến:

- Tuyến sinh thái đê sông Hồng
- Đường 199, 205 và đường giao thông nội bộ trong khu Đa Hòa Dạ Trạch, Hàm Tử, Bã Sậy, khu Hải Thượng Lãn Ông, đền Ủng, khu nhà thờ họ Hoàng, khu lưu niệm cố Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh...

c. Vốn đầu tư:

- Chủ yếu là ngân sách Nhà Nước, tổng vốn đầu tư khoảng là 8,4 triệu USD

Dự án 3: Phát triển trung tâm du lịch thành phố Hưng Yên (Phố Hiến) và phụ cận:

a. Mục đích:

-Thành phố Hưng Yên là trung tâm văn hóa, kinh tế của tỉnh và là một đầu mối của hệ thống giao thông quốc gia. Chính vì vậy cần xây dựng một trung tâm du lịch phục vụ nhu cầu du lịch của tỉnh Hưng Yên và các tỉnh phụ cận. Nhằm khai thác các lợi thế về đầu mối giao thông , góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

-Xây dựng đồng bộ các cơ sở vật chất kỹ thuật với dịch vụ và các sản phẩm du lịch có chất lượng cao phục vụ cho du khách.

-Đa dạng hóa các loại hình kinh doanh du lịch như tổ chức hội nghị, hội thảo, văn phòng cho thuê, VCGT thể thao, sinh thái... để thu hút khách đến thành phố và các điểm du lịch khác của tỉnh.

- Đặc biệt kết hợp với dự án “phục hồi Phố Hiến” tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù, có sức cạnh tranh nổi trội.

b. Yêu cầu:

-Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc và các chỉ tiêu kinh tế -kỹ thuật.

Tránh các tác động tiêu cực đến môi trường, cảnh quan tự nhiên và nhân văn

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

- Đầu tư tập trung đồng bộ, xây dựng và đưa vào hoạt động kinh doanh từng phần.

c. Hạng mục công trình:

- Trung tâm điều hành và dịch vụ du lịch
- Khu phức hợp khách sạn –văn phòng cho thuê –trung tâm thương mại – trung tâm hội nghị, hội thảo. Dự kiến khách sạn xếp hạng 3 sao với năng lực trên dưới 100 phòng.

- Khu thể thao, VCGT dịch vụ
- Phục hồi di tích Phố Hiến
- Khu cảnh quan tự nhiên và nhân văn
- Công viên đường dạo...

d. Lợi ích:

- Giữ gìn được di sản Phố Hiến cho thế hệ sau
- Phát huy chức năng phục vụ tổng hợp của thành phố Hưng Yên
- Tăng cường khả năng thu hút khách, định hướng thị trường cho các cơ sở kinh doanh du lịch, thực hiện tốt chức năng tư vấn cho các nhà đầu tư và khách du lịch.

- Tăng hiệu quả kinh doanh du lịch trên địa bàn thành phố, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng nguồn thu ngân sách địa phương.

- Thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu của khách du lịch

e. Nguồn vốn:

Huy động từ liên doanh, chú trọng các nguồn vốn trong nước, kể cả đầu tư tư nhân dưới dạng cổ phần. Cho đến năm 2020 tổng vốn đầu tư khoảng 65,0 triệu USD.

Dự án 4: Phát triển cụm du lịch Phố Nối và phụ cận:

a. Mục đích:

Dự án nhằm hồi phục, tôn tạo lại quần thể khu di tích Hải Thượng Lãn Ông với khu Phố Nối thành khu du lịch.

b. Yêu cầu:

- Đảm bảo các yêu cầu về quy hoạch đô thị, không phá vỡ quang cảnh và môi trường.

- Cung cấp các dịch vụ tổng hợp đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách du lịch và nhân dân địa phương.

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng của trung tâm điều phối du lịch: cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời; dịch vụ đa dạng, chất lượng cao.

Các hạng mục công trình chính:

Stt	Tên công trình	Diện tích(ha)
1	Trung tâm điều phối du lịch	1
2	Khu vui chơi giải trí, thể thao tổng hợp	9
3	Khu thương mại dịch vụ, khách sạn	3
4	Cải tạo cảnh quan, đường dạo, công viên	10
5	Đầu tư một số cơ sở làng nghề sản xuất tương bản, thuốc nam phục vụ khách thăm quan	2
	Tổng cộng	25

Nguồn: Sở thương Mại –Du Lịch Hưng Yên

c. Lợi thế:

- nâng cao vị thế của thị trấn Phố Nối và phụ cận trong phát triển du lịch tỉnh.

- Tạo một cụm du lịch tổng hợp, sản phẩm du lịch phong phú phục vụ nhu cầu của khách du lịch

- Tăng cường khả năng cung cấp thông tin, tuyên truyền quảng bá thu hút, và điều phối khách du lịch của tỉnh.

- Tạo công ăn việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương.

d. Nguồn vốn: 55 triệu USD huy động từ liên doanh, chú trọng các nguồn vốn trong nước, kể cả đầu tư tư nhân dưới dạng cổ phần.

Dự án 5: Phát triển khu du lịch Đa Hòa –Dạ Trạch

a. Sự cần thiết phải đầu tư:

khu du lịch Đa Hòa –Dạ Trạch nằm ở phía Tây tỉnh Hưng Yên, nơi đây có các tài nguyên du lịch độc đáo vào bậc nhất của tỉnh mà điển hình là di tích Cử Đồng tử -Tiên Dung ca ngợi tình yêu nam nữ. Tại đây có thể tổ chức các loại hình du lịch khác nhau như: Thăm quan đền Chủ Đồng Tử, đền Dạ Trạch, lễ hội Chủ Đồng Tử -Tiên Dung, nghỉ dưỡng, cuối tuần, sinh thái, vui chơi giải trí. Ngoài ra có thể liên kết với Bát Tràng, Xuân Quan tạo thành tour du lịch làng nghề hấp dẫn.

b. Mục tiêu:

- phát triển du lịch cuối tuần dân dã phù hợp với cảnh quan thiên nhiên

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

- Thu hút vốn đầu tư để khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch, góp phần vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

c. Yêu cầu:

- khẩn trương xây dựng quy hoạch chi tiết và các dự án khả thi tuân thủ các định hướng tổ chức không gian của quy hoạch tổng thể.

- Phong cách kiến trúc phù hợp với cảnh quan tự nhiên và môi trường

- Hạn chế tối đa sự di rời dân

- Phân định danh giới rõ ràng giữa khu dân cư và khu du lịch

d. Dự kiến phân khu chức năng

Stt	Tên công trình	Di tích (ha)
1	Khu trung tâm điều hành đón tiếp	2
2	Khu khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ dân dã cuối tuần	7
3	Khu biệt thự	1
4	Khu dịch vụ, vui chơi giải trí	10
5	Khu dân dã cắm trại	15
	Tổng cộng	35

Nguồn: Sở Thương Mại –Du Lịch Hưng Yên

e. Lợi ích:

-Tạo điểm nghỉ mát cuối tuần, khu vui chơi giải trí của nhân dân

-Dễ dàng liên kết với các điểm du lịch Bát Tràng, Phố Hiến thành một tuyến du lịch hấp dẫn.

-Đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng mức hấp dẫn và khả năng thu hút khách

g. Vốn đầu tư: 45 triệu USD huy động từ liên doanh, chú trọng các nguồn vốn trong nước, kể cả đầu tư tư nhân dưới dạng cổ phần.

3.3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hạn chế ô nhiễm, bảo vệ môi trường.

Thời tiết và khí hậu của Hưng Yên thì thường có mưa vào khoảng tháng 7 và 8 nên phải có kế hoạch phòng chống bão, lụt, cụ thể là phải hạn chế thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra. Xây dựng hệ thống thoát nước hợp lý, kè

sông để cho nguồn nước không bị ô nhiễm. Khi xây dựng các trung tâm mới hay nhà máy không để gần trung tâm du lịch.

Đưa ra tiêu chuẩn quy định về môi trường trên cơ sở đó không ngừng vận động nhân dân thực hiện vệ sinh môi trường. Sử dụng những hình thức thưởng, phạt, xã hội hóa hoạt động này để xây dựng thu gom chất thải hợp lý.

Các khách sạn phải có các thiết bị xử lý nước thải, thu gom rác thải. Về lâu dài toàn tỉnh vẫn phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải và rác thải.

Nghiêm cấm mọi hình thức xả nước và rác thải bừa bãi, tích cực trồng cây xanh đặc biệt là trồng nhãn trên các đường phố, các khu di tích, tạo ra phong cách thâm nghiêm, trữ tình hài hòa với vẻ đẹp cổ kính của các di tích, trong các di tích lịch sử cần có các bảng chỉ dẫn, các thùng rác để khách biết.

3.3.6. Quy hoạch du lịch, xây dựng các công trình kiến trúc.

Triển khai lập, xét duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực trọng điểm, trên cơ sở đó xây dựng các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn. Trong đó đặc biệt quan tâm lập và xét duyệt các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp phục hồi các di tích lịch sử văn hóa cho các khu du lịch trọng điểm. Trước mắt ưu tiên cho khu Phố Hiến, Phố Nối, Đa Hòa – Đa Trạch, đền Ủng, tạo động lực cho đầu tư phát triển tiếp theo một cách hiệu quả.

Phải tiến hành xây dựng những quy định làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch. Bất kỳ một bản quy hoạch lãnh thổ nào cũng vậy việc xác định không gian lãnh thổ là phần việc quan trọng và cần thiết, xác định xem không gian của di tích đến đâu, vùng ảnh hưởng như thế nào, đối tượng liên quan và xác định không gian lãnh thổ đó thuộc địa phận nào. Vì vậy ban quản lý quy hoạch du lịch cũng như ban quản lý di tích cần phải xác định khu vực bảo vệ nghiêm ngặt cũng như bảo vệ cảnh quan ở những “vùng nhìn thấy” của các di tích lịch sử. Nên có một vành đai bao quanh các khu di tích để dựa vào đây hình thành các điểm du lịch, xây dựng một vành đai bảo vệ các điểm du lịch.

Khi xây dựng các công trình kiến trúc phải sử dụng những công cụ tài chính để thưởng, phạt, giám sát các hoạt động xây dựng tại Hưng Yên. Kiểu dáng và vật liệu xây dựng tại Hưng Yên. Kiểu dáng và vật liệu xây dựng các công trình phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc bản địa, tránh tạo

kiểu dáng, vật liệu kiến trúc xung đột giữa kiến trúc với cảnh quan và kiến trúc văn hóa bản địa. Cụ thể tại trung tâm thành phố Hưng Yên, nơi tập trung nhiều di tích lịch sử, khi xây dựng không nên xây nhà quá 3 tầng, các vật liệu khung nhôm, kính làm mất đi dáng vẻ của Phố Hiến cổ năm xưa.

Nhãn và sen là hai loại cây đặc sản nổi tiếng của Hưng Yên cho nên cần có kế hoạch chăm sóc và bảo vệ chúng một cách có hiệu quả. Cần có kế hoạch mở rộng diện tích các vườn nhãn, ngoài ra không được lấy đất các hồ sen để xây dựng nhà cửa, các công trình kiến trúc

Giao thông cũng là một vấn đề quan trọng trong quy hoạch du lịch. Cần phải xây dựng các đường phố nhất là trong khu vực phố cổ những vành đai cây xanh bao quanh thành phố nhằm mục đích làm trong lành khí hậu, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp hài hòa với di tích kiến trúc cổ. Bên cạnh đó có thể xây dựng thêm các công viên, vườn hoa nhỏ trong phố làm nơi nghỉ ngơi vui chơi giải trí cho nhân dân và khách du lịch. Trong những năm gần đây, các vùng phụ cận và thành phố Hưng Yên ngày càng đông dân cư, đường bộ hẹp nên xảy ra tình trạng tắc nghẽn giao thông. Giải pháp cho tình trạng này là phải mở rộng và hiện đại hóa các quốc lộ như 39A và các con đường trực tiếp dẫn vào các khu di tích.

Sử dụng vốn công ích cho việc xây dựng các công trình công cộng, xây dựng bến bãi, kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường

Sử dụng tài nguyên đất một cách hạn chế, dành một phần cho tương lai bằng cách giữ lại nhiều đất cho cây xanh thảm cỏ. Không gian của các công trình phải là không gian thống nhất, không bị chia sẻ vụn, tránh những di tích thiếu ánh sáng tự nhiên và không có không khí lưu thông.

3.3.7 Phát triển du lịch cộng đồng.

Phát triển du lịch cộng đồng và xây dựng chiến lược giáo dục du lịch cộng đồng, giữ gìn cảnh quan và môi trường tự nhiên là vấn đề hết sức quan trọng. Bên cạnh việc bảo tồn gìn giữ môi trường cần phải có chiến lược cụ thể ở từng cấp, từ tỉnh xuống địa phương, giáo dục ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường ở cơ quan, địa phương, giáo dục ý thức trong từng tầng lớp nhân dân để mọi người cùng hiểu rõ được ích lợi của việc bảo vệ môi trường và càng thấy rõ được trách nhiệm của mình, giáo dục dân cư đối xử lịch sự, thân

thiện, cởi mở với du khách nhằm tạo ra môi trường du lịch hấp dẫn.

Cần thường xuyên nhắc nhở mọi người bảo vệ và gìn giữ sạch đẹp cảnh quan, viết các kiến nghị nhắc nhở mọi người ở những nơi thích hợp, hoặc nơi đặt các thùng rác như: Không ngắt hoa, không dẫm lên cỏ, xin mời hãy bỏ rác vào đây... Nên có thêm các biển quảng cáo lưu ý khách ở nơi có nhiều người qua lại như: Bãi đỗ xe, dọc đường đi đến các di tích

3.3.8. Giải pháp tổ chức quản lý nhà nước về du lịch.

Hoạt động du lịch của Hưng Yên chịu sự quản lý trực tiếp của sở Văn hóa, thể thao và Du lịch quản lý nhà nước đối với tất cả các đối tượng thuộc thành phần kinh tế khác nhau hoạt động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Trước mắt cần kiện toàn bộ máy của sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm phân định rõ trách nhiệm, chức năng, quyền hạn trong công tác quản lý du lịch.

Do hoạt động du lịch có tính liên ngành nên đòi hỏi phải có sự thống nhất, phân công trách nhiệm rõ ràng đến từng bộ phận. Đồng thời sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch Hưng Yên phải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch một cách có hiệu quả nhất, ngăn ngừa những yếu tố có thể làm ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Mặt khác phải dựa trên cơ sở các nhiệm vụ, chức năng quản lý nhà nước của từng cấp, từng bộ phận phải sớm kiện toàn bộ máy quản lý các hoạt động du lịch tại Hưng Yên. Nhằm tạo ra một sự thống nhất trong quản lý, có thể xây dựng một môi trường hoạt động thuận lợi cho du lịch phát triển, thu hút ngày càng nhiều du khách trong và ngoài nước.

Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch cần có nhiều chủ chương chính sách quan tâm đến sự phát triển của du lịch hơn nữa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động du lịch, chú trọng công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường mở những lớp đào tạo, huấn luyện, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ ngành du lịch.

Hoạt động tuyên truyền quảng bá là một hoạt động yếu của Hưng Yên vì vậy sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch cần kết hợp với các cơ quan quản lý nhà nước của Hưng Yên cũng như các sở Văn Hóa, Thể Thao và du lịch các tỉnh khác và tổng cục du lịch đầu tư tổ chức quản lý và phát triển hoạt động

này để nâng cao hình ảnh của du lịch Hưng Yên đối với du khách.

Trong quy hoạch du lịch phải tiến hành rà soát, bổ xung quy hoạch du lịch đã có và phát huy hơn nữa vai trò của ban quản lý quy hoạch du lịch trong việc kiểm tra, giám sát theo dõi, nghiên cứu, bổ sung quy hoạch thu hút các dự án đầu tư và phát triển du lịch. Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch phải kết hợp cùng ban quản lý các di tích lịch sử văn hóa của tỉnh Hưng Yên, sở văn hóa thông tin để tiến hành xã hội hóa, huy động nguồn lực cho việc bảo vệ, tôn tạo và sử dụng các di tích lịch sử văn hóa cũng như những giá trị văn hóa phi vật thể có hiệu quả và bền vững.

Để tạo thuận lợi cho việc thu thập tài liệu về du lịch Hưng Yên phục vụ cho công tác nghiên cứu thì sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch cần chú trọng và đầu tư thích đáng vào hoạt động thống kê nghiên cứu.

3.3.9 Những giải pháp phát triển các hoạt động lễ hành.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa xuất hiện các công ty lễ hành vì vậy trong thời gian tới, du lịch Hưng Yên cần có sự đầu tư thích đáng để xây dựng các công ty này, tạo đà cho phát triển du lịch. Sau đó cần xây dựng các tour du lịch nội tỉnh và tour liên tỉnh để thu hút khách như tour chuyên đề, tour du lịch danh nhân, tour du lịch lễ hội, tour du lịch thăm quan nghiên cứu...

Tài năng và trí tuệ của con người là yếu tố quyết định thành công trong mọi công việc vì vậy cần chú ý công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ hướng dẫn viên, nhân viên, những người trực tiếp phục vụ khách để nâng cao vị thế, hình ảnh du lịch Hưng Yên đối với du khách. Đặc biệt cần cấp tốc nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các điểm du lịch

Đưa các lễ hội cũng như các sản phẩm phi vật thể khác vào hoạt động du lịch để tăng sức hấp dẫn với du khách.(nghệ thuật ẩm thực, lễ hội đèn Mầu..)

Có chính sách bảo tồn các làng nghề như thủ công truyền thống để tạo thêm sản phẩm du lịch tại Hưng Yên. Như thuyền nan Nội Lễ, hương xạ Cao Thôn...)

3.3.10 .Giải pháp về vốn.

Muốn đầu tư phát triển thì yếu tố quan trọng hàng đầu là vốn, trong khi đó nguồn tích lũy từ GDP du lịch chỉ đáp ứng được một phần nhỏ. Đối với

một tỉnh có nguồn thu còn khiêm tốn như Hưng Yên thì việc huy động vốn cho đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách và từ tích lũy của các doanh nghiệp du lịch là khá hạn chế, vì vậy cần có những giải pháp linh động tối đa các nguồn vốn trong và ngoài nước. Các nguồn vốn có thể huy động thêm là vốn hỗ trợ của Trung Ương và các bộ, vốn đầu tư tư nhân, vốn liên doanh kết, vốn vay ngân hàng và các nguồn khác.

Vấn đề quan trọng là phải tạo được cơ chế chính sách phù hợp khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các công trình du lịch theo quy hoạch và dự án đầu tư cụ thể, đồng thời có chính sách rõ ràng về quản lý đầu tư xây dựng, kinh doanh và phân chia lợi nhuận

Một số hướng đi cần nghiên cứu áp dụng là:

- Nhanh chóng xây dựng các dự án kêu gọi vốn đầu tư cho du lịch Hưng Yên, ban hành các quy định ưu đãi về đầu tư như: ưu tiên giải phóng mặt bằng, giảm giá cho thuê đất, miễn giảm các loại thuế trong một khoảng thời gian nhất định.

- Nhanh chóng các quy hoạch và dự án đầu tư cụ thể, sử dụng nguồn vốn đầu tư hỗ trợ hạ tầng du lịch của Trung Ương đầu tư hạ tầng cho các khu, điểm du lịch làm đòn bẩy thu hút vốn của các thành phần kinh tế khác đầu tư vào sản phẩm du lịch.

- Nghiên cứu áp dụng giải pháp “đổi đất lấy hạ tầng”, đấu thầu sử dụng quỹ đất tạo vốn đầu tư phát triển du lịch. Giải pháp này đã được thực hiện có hiệu quả ở một số địa phương trong nước.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống thất thu thuế từ các doanh nghiệp và các hộ tư nhân, tiết kiệm các khoản chi tiêu không cần thiết, tăng cường liên doanh với các địa phương khác để phát triển du lịch.

- Đơn giản hóa các thủ tục thành lập doanh nghiệp, cấp giấy phép đầu tư, xác định rõ chức năng và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước trong việc hướng dẫn, xúc tiến đầu tư, khuyến khích phát triển đi đôi với tăng cường quản lý Nhà Nước nhằm đảm bảo vai trò quản lý và điều tiết của cơ quan Nhà Nước, đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng của các thành phần kinh tế trong khuôn khổ pháp luật.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các đoàn thể, tổ chức chính phủ, phi chính phủ,

của các Bộ, Ngành và khuyến khích huy động vốn nhân rỗi trong dân.

3.3.11. Giải pháp về nguồn nhân lực.

Con người là một yếu tố quan trọng nhất, bởi vì con người là yếu tố quyết định mọi sự phát triển. Vì vậy cần ưu tiên vốn Nhà nước, vốn viện trợ nước ngoài cho công tác đào tạo nguồn nhân lực. Tổ chức các khóa đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho ngành du lịch

- Đào tạo mới và đào tạo lại về quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ và lao động hiện đang công tác trong ngành du lịch của tỉnh.

- Cần đào tạo mới công nhân kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch của tỉnh

- Đào tạo mới chuyên gia du lịch cho các lĩnh vực quảng cáo, tiếp thị, quản lý khu du lịch, hướng dẫn viên du lịch, đội ngũ nhân viên nhà hàng, khách sạn, đặc biệt chú ý đào tạo trình độ ngoại ngữ cho nguồn nhân lực.

- Tổ chức các cuộc họp để trao đổi học về chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời hỏi kinh nghiệm của các địa phương xung quanh.

3.5. Một số kiến nghị:

3.5.1. Về vốn đầu tư phát triển:

- Kiến nghị chính phủ, các ngành liên quan cấp vốn đầu tư để bảo vệ, duy tu và nâng cấp phục hồi các hạng mục một số di tích lịch sử văn hóa có giá trị. Trước mắt cần cấp vốn ngân sách Nhà nước đầu tư, nâng cấp, phục hồi các khu: Phố Hiến; khu Hàm tử- Đa Hòa Dạ Trạch- Bãi Sậy; Khu Hải Thượng Lãn Ông; khu đền Ứng; tôn tạo đền thờ họ Hoàng-Vân Nội quê của thân Mẫu Bác Hồ. Đây là những dự án trọng điểm phát triển du lịch Hưng Yên.

- Kiến nghị Chính phủ cấp vốn ngân sách trong việc đầu tư vào kết cấu hạ tầng ở các khu du lịch, các tuyến du lịch trọng điểm. Ưu tiên đối với khu du lịch tổng hợp Hàm Tử- Đa Hòa Dạ Trạch- Bãi Sậy, Phố Hiến, Phố Nối tạo điều kiện cho đầu tư phát triển.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và Tổng cục Du Lịch tạo nguồn vốn, cho công tác tuyên truyền quảng cáo, xúc tiến, đầu tư phát triển du lịch Hưng Yên.

3.5.2. Về tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch:

- Kiến nghị toàn bộ máy của sở văn hóa, Thể thao và Du lịch, thành lập các

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

phòng bản quản lý về du lịch ở các huyện trọng điểm, các ban (trung tâm) quản lý các khu du lịch trọng điểm để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với hoạt động du lịch, bao gồm cả công tác tư vấn giúp Ủy ban Nhân dân các cấp xét duyệt các dự án đầu tư phát triển du lịch

- Thành lập Hội đồng “ Xúc tiến phát triển du lịch” ở tỉnh để giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh đề ra các chủ chương chính sách, quy chế đầu tư để quản lý, khai thác và bảo vệ các khu du lịch theo quy hoạch, giám sát việc tổ chức thực hiện quy hoạch, giải quyết mối quan hệ giữa các ban ngành tạo điều kiện cho du lịch phát triển.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần cập nhật số liệu mới nhất để tạo điều kiện cho giáo viên, cán bộ làm trong lĩnh vực du lịch , sinh viên ngành du lịch của tỉnh có được những con số chính xác và mới nhất phục vụ cho việc nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu, tìm hiểu đánh giá nguồn tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên, chúng ta đã có một cái nhìn tổng quát hơn về ngành du lịch của Hưng Yên. Với tiềm lực dồi dào, du lịch Hưng Yên trong tương lai nhất định sẽ phát triển mạnh mẽ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển du lịch của tỉnh và cả nước.

Khi làm khóa luận này em đã giải quyết được một số vấn đề sau:

- Tìm hiểu cơ sở lý luận chung về tài nguyên du lịch nói chung và tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng.
- Đã nêu và đánh giá được các tài nguyên nhân văn: Các di tích lịch sử văn hóa (cụm di tích lịch sử văn hóa Thành phố Hưng Yên- Phố Hiến, cụm di tích Đa Hòa- Dạ Trạch, cụm di tích Phố Nối), các lễ hội truyền thống (lễ hội đền Dạ Trạch, lễ hội đền Đa Hòa, hội đền Ủng), các làng nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật dân gian truyền thống, văn hóa ứng xử.
- Đánh giá được những hạn chế trong việc sử dụng và khai thác tài nguyên du lịch tỉnh Hưng Yên, thực trạng hoạt động du lịch của tỉnh.
- Đề ra được định hướng và các giải pháp cho việc sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch nhân văn.

Tuy nhiên trong đề tài này do lần đầu tiên làm quen với công tác nghiên cứu vì thế không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, rất mong có sự quan tâm, đóng góp của thầy cô và các bạn để có được cách hiểu toàn diện, sâu sắc hơn.

Việc tìm hiểu tiềm năng, thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nói chung và tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng là một việc khó khăn, đòi hỏi thời gian, chất xám, sự đam mê với đề tài nghiên cứu, sự tìm tòi thông tin qua nhiều phương tiện, tuy nhiên đây cũng làm việc làm cần thiết bởi có tìm hiểu về tiềm năng, thực trạng thì từ đó mới đưa ra được các giải pháp tốt nhất nhằm khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên nhân văn.

Qua đây em cũng mong rằng chính quyền tỉnh Hưng Yên, cũng như Nhà nước có chính sách đầu tư phù hợp cho ngành du lịch của tỉnh đưa Hưng Yên phát triển thành một tỉnh giàu đẹp, xứng đáng với tiềm năng vốn có. Và em hi vọng rằng khi ra trường mình sẽ về tỉnh nhà làm việc để có thể đóng góp một phần vào việc thúc đẩy ngành du lịch của tỉnh phát triển, xây dựng quê hương giàu đẹp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2002-2010 và định hướng năm 2020**, sở Thương Mại và Du lịch, 2002
2. **Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam (1995-2010)**, Tổng cục Du Lịch 1994
3. **Báo cáo thực trạng văn hóa vật thể của thành phố Hưng Yên**, Bảo tàng Hưng Yên, 2001.
4. Bùi Thị Hải Yến, **Tuyển Điểm Du Lịch Việt Nam**, Nxb Giáo dục
5. Nguyễn Chí Bền- Nguyễn Minh San, Đền hóa Dạ Trạch, **tạp chí văn hóa nghệ thuật 2002**.
6. **Hưng Yên tỉnh nhất thống chí**, Thư Viện tỉnh Hưng Yên, 1997.
7. **Luật Du lịch**, Nxb Lao Động, Quốc hội, 2006
8. **Luật Du lịch**, 2005.
9. **Hưng Yên 170 năm**, sở Văn hóa- Thông tin Hưng Yên 2001
10. “**Phố Hiến lịch sử văn hóa**”, sở Văn hóa Thông tin- Hội văn hoá nghệ thuật Hưng Yên 1998.
11. Trịnh Như Tấu, **Hưng Yên địa chí**, Nhà in Ngô Tử Hạ 1934
12. Phạm Văn Luân, **Luận án tiến sĩ**, 2005.

MỤC LỤC

Phần mở đầu:	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu:.....	2
3. Nhiệm vụ nghiên cứu:	2
4. Phương pháp nghiên cứu:.....	2
5. Kết cấu khóa luận:.....	3
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN HƯNG YÊN CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH	4
1.1.Khái niệm du lịch.	4
1.2.Khái niệm tài nguyên du lịch.	5
1.3. Đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch đối với việc phát triển du lịch... ..	6
1.3.1.Đặc điểm.	6
1.3.2.Vai trò của tài nguyên du lịch.	8
1.4.Tài nguyên du lịch nhân văn.	9
1.4.1.Khái niệm	9
1.4.2.Đặc điểm	9
1.4.3. Các dạng tài nguyên nhân văn.	11
1.4.3.1.Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.	11
1.4.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể	14
1.4.4. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn trong hoạt động du lịch	20
1.4.5. Mối quan hệ tương tác giữa tài nguyên du lịch nhân văn với phát triển du lịch.....	21
1.4.5.1. Mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch nhân văn với phát triển du lịch	21
1.4.5.2. Mối quan hệ tương tác giữa du lịch và tài nguyên du lịch nhân văn.	22
1.4.6. Bài học kinh nghiệm của một số địa phương về việc bảo tồn và khai thác tài nguyên nhân văn vào mục đích du lịch.	23
TIÊU KẾT CHƯƠNG I	26
CHƯƠNG II: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN HƯNG YÊN CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH	Error! Bookmark not defined.
2.1. Khái quát chung về tỉnh Hưng Yên	27
2.1.1.Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội.....	27

Tiềm năng, thực trạng và giải pháp chủ yếu khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên cho phát triển du lịch giai đoạn 2009-2015.

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên:.....	27
2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế -xã hội.....	31
2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Hưng Yên.....	32
2.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	32
2.2.1.1. Di tích lịch sử văn hóa.	32
2.2.1.2. Nhà thờ Thiên Chúa Giáo:.....	35
2.2.1.3. Các di tích khảo cổ:.....	36
2.2.1.4. Các lễ hội truyền thống.....	36
2.2.1.5. Nghệ thuật ẩm thực.....	39
2.2.1.6. Các làng nghề thủ công.....	42
2.2.1.7. Nghệ thuật dân gian truyền thống.....	44
2.3. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ cho du lịch. .	49
2.3.1. Thực trạng khai thác các di tích.	49
2.3.2. Thực trạng về khách du lịch.....	50
2.3.3. Hiện trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	52
2.3.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch:.....	53
2.3.4.1. Giao thông đường bộ:.....	53
2.3.4.2. Giao thông đường thủy:.....	54
2.3.4.3. Hệ thống cung cấp điện:.....	54
2.3.4.4. Hệ thống cấp thoát nước:.....	55
2.3.4.5. Bưu chính viễn thông:.....	55
2.3.5. Hiện trạng nguồn nhân lực:.....	56
2.3.6. Hiện trạng Doanh thu:.....	57
2.3.7. Thị trường khách du lịch của Hưng Yên.	58
2.3.8. Thực trạng về tổ chức quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch.	60
2.3.9. Các sản phẩm du lịch.	61
2.3.10. Công tác Marketing quảng cáo.	61
2.3.11. Vốn đầu tư.....	62
2.3.12. Các điểm, tuyến và một số tour du lịch điển hình của Hưng Yên.	62
2.3.12. Các điểm:.....	62
2.3.12.2. Các khu du lịch.....	64
2.3.12.3. Các tuyến du lịch.....	66
2.3.12.4. Một số tour du lịch điển hình.....	67
TIỂU KẾT CHƯƠNG II.....	72

CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH HƯNG YÊN CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2009-2015.....	73
3.1. Mục tiêu phát triển du lịch.	73
3.2. Định hướng.....	74
3.2.1. Cơ sở để định hướng:	74
3.2.2. Khách du lịch	75
3.2.3. Cơ sở lưu trú.....	76
3.2.4. Nhu cầu lao động.	76
3.3. Những giải pháp chủ yếu nhằm khai tài nguyên du lịch nói chung và tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng cho phát triển du lịch giai đoạn 2009 -2015.	77
3.3.1. Tăng cường công tác bảo tồn và tôn tạo các di tích Văn hóa-Lịch sử vật thể và phi vật thể.	77
3.3.2. Đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, đa dạng.....	78
3.3.3. Tuyên truyền quảng cáo cho các tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng và tài nguyên du lịch nói chung và sản phẩm du lịch.	80
3.3.4. Tập trung vào một số dự án ưu tiên đầu tư để khai thác tốt hơn và có hiệu quả tài nguyên du lịch ở Hưng Yên.	81
3.3.4.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.....	81
3.3.4.2. Mô tả một số dự án ưu tiên đầu tư:	82
3.3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hạn chế ô nhiễm, bảo vệ môi trường.	86
3.3.6. Quy hoạch du lịch, xây dựng các công trình kiến trúc.	87
3.3.7 Phát triển du lịch cộng đồng.	88
3.3.8. Giải pháp tổ chức quản lý nhà nước về du lịch.....	89
3.3.9 Những giải pháp phát triển các hoạt động lễ hành.	90
3.3.10 .Giải pháp về vốn.	90
3.3.11. Giải pháp về nguồn nhân lực.	92
3.5. Một số kiến nghị:	92
3.5.1. Về vốn đầu tư phát triển:.....	92